NĂM THỨ 6 — NGÀY 1-11-62

BACH KHOA

trong số này

TIỀU DÂN *Cuba trước Hoa-Kỳ và Châu-Mỹ La-Tinh* • NGUYỄN VĂN HẦU *cụ Phan-Bội-Châu và vài hành động chính trị trong chuyến « Nam-hành » năm Quí Mão* • DOHAMIDE *sinh hoạt xã hội của người Chàm Châu-Đốc* • NGUYỄN VĂN TRUNG *mấy ý kiến về phê bình văn học* • NGUYỄN MINH DIỆU *từ Sigma 7 đến những dự tính khoa học không gian* • NCUIỄN NGU Í *giải thưởng Tự-Lực văn đoàn* • ĐOÀN THÊM *giới thiệu điêu-khắc hiện-đại* • NGUYỄN THỊ LIÊN PHƯỢNG *mùa hạ ; tình đi muôn ngả* • PHẠM THẾ TRÚC *tháng giêng nồng cay* • ĐYNH HOÀNG SA *bây giờ* • VÕ HỒNG *bất chợt* • DƯƠNG PHÙ SAO *sau cùng* • TRÀNG THIÊN *viết và nghĩ theo Truman Capote* • NGUYỄN MINH HOÀNG *cánh cửa cuối cùng* • ĐOÀN THÊM *hòa âm 14* • THANH TÂM TUYỀN *nỗi chết không rời* • LƯƠNG VĂN TỶ — NGỌC DŨNG — HỒNG KÀM *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa* • **140**

Một sự may mắn ! ! !

Nếu **« VERIGOUD »**
được quảng-cáo rộng-rãi hơn, ai cũng sẽ nhận thấy rằng đó là thứ si-rô ngon nhất tại Việt-Nam và Quí vị sẽ khó - khăn lắm mới tìm mua được.

« VERIGOUD »
nước trái cây nguyên chất chế-tạo hầu Quí vị bởi Hãng :

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÁC HIỆU BUÔN ĐỨNG ĐẮN ĐỀU CÓ BÁN VỚI GIÁ 65 $ MỘT CHAI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 140 ngày 1-11-62

TIỂU-DÂN *Cuba trước Hoa-Kỳ và Châu-Mỹ La-Tinh* 3

NGUYỄN-VĂN-HẦU *Cụ Phan-Bội-Châu và vài hành động chính trị trong chuyến « Nam-hành » năm Quí Mão* 11

DOHAMIDE *xã hội người Chàm Châu-Đốc* 17

NGUYỄN-VĂN-TRUNG *mấy ý kiến về phê bình văn học* 23

NGUYỄN-MINH-DIỆU *từ Sigma 7 đến những dự tính khoa học không gian* 33

NGUIỄN-NGU-Í *giải thưởng lự-tực văn-đoàn* 39

ĐOÀN-THÊM *giới thiệu điêu-khắc hiện-đại* 55

TRÀNG-THIÊN *viết và nghĩ theo Truman Capote* 85

NGUYỄN-MINH-HOÀNG *cánh cửa cuối cùng (dịch Truman Capote)* 69

VÕ-HỒNG *bất chợt* — DƯƠNG-PHÙ-SAO *sau cùng (thơ)* 82

ĐOÀN-THÊM *hòa âm 14 (thơ)* 83

THANH-TÂM-TUYỀN *nỗi chết không rời (truyện)* 84

NGUYỄN-THỊ-LIÊN-PHƯỢNG *mùa hạ ; tình đi muôn ngả (thơ)* 101

PHẠM-THẾ-TRÚC *tháng giêng nồng cay (thơ)* 102

ĐYNH-HOÀNG-SA *bây giờ (thơ)* 103

LƯƠNG-VĂN-TỶ — NGỌC-DŨNG — HỒNG-KẢM *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội họa* 105

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Thị trường chung Âu-Châu	HOÀNG-MINH-TUYNH
Lễ hỏi, lễ cưới của người Chàm Châu-Đốc	DOHAMIDE
Vấn đề giáo dục của phụ nữ Nhật-Bản ngày nay	ĐOÀN-VĂN-AN
Clément Rosset : triết-lý bi đát	TRẦN-HƯƠNG-TỬ
Cuộc Triển lãm Mỹ-thuật quốc-tế tại V.N.	THÁI-TUẤN
Phải thống nhất nhan đề và thoại của các áng văn thơ cổ	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Mỗi ngày trái đất nặng thêm 3000 tấn	TRỌNG-KHANG
Những giải thưởng trong Nam thời tiền chiến	NGUIỄN-HỮU-NGƯ
Công chúa hạ giá	BỬU-KẾ
Giới thiệu Le tambour của Günter Grass	NGUYÊN-VĂN-TRUNG
Tìm đẹp : tô điểm trong mỹ nghệ	ĐOÀN-THÊM
Danh nhân : Claude Bernard	CÔ-LIÊU
Alain Robbe Grillet	TRÀNG-THIÊN
Con ruồi (truyện dịch của G. Langelaan)	NGUYỄN-CHÂU
Viếng thăm báo Figaro	Cô MINH-ĐỨC
Về đâu (truyện dài)	VÕ-PHIẾN
Tiêu bạc giả (truyện ngắn)	NGUYỄN-MẠNH-CÔN
Sinh đôi (truyện ngắn)	LÊ-TẤT-ĐIỀU
Niềm tin chưa mất (truyện ngắn)	VÕ-HỒNG
Tử-Kỳ của loài... Kê (truyện ngắn)	VÂN-TRANG

TIỀU-DÂN

Cu-ba, trước Hoa-kỳ và Châu-Mỹ la-tinh

« CHÚNG ta sẽ đè-bẹp Cuba nếu Cuba trở nên một mối hăm-dọa thực-sự đối với Hoa-Kỳ hay nếu Cuba mưu toan thâm-nhập chủ-nghĩa Cộng-Sản vào các nước khác ở tây bán-cầu... »

Ngày 13 tháng 9 năm 1962, tổng-thống Kennedy đã tuyên-bố như thế với quốc-dân Hoa-Kỳ.

Trước đó một thông-cáo của Mạc-Tư-Khoa chính-thức xác-nhận đã gởi vũ-khí và chuyên-viên qua Cuba để « giúp vào công cuộc phòng-thủ nước bạn ». Một thông-cáo xác-nhận « việc đã rồi », vì ở La Havane, trên trời những phi-cơ khu-trục siêu-thanh Mig 20 rung chuyển không-khí, dưới đất, từng đoàn xe vận-tải nhà binh của Nga và Tiệp khắc rầm-rộ lại qua và ở miền duyên-hải, trọng-pháo mang dấu-hiệu chế-tạo Cộng-sản được dàn bày la-liệt. Chưa kể một giàn hỏa-tiễn phòng không S.A.2. có tầm hoạt-động 50 cây số.

Và giữa lúc đó, các quốc-gia Châu-Mỹ La-Tinh lo ngại, dư-luận dân chúng Hoa-kỳ xôn-xao đòi hỏi chính-phủ thẳng tay đối-phó với « gã râu xồm Castro ».

Đồng-thời, tại Mạc-Tư-Khoa — và đây là điều mỉa-mai nhất dưới mắt quan-sát của ký-giả phương Tây — dân chúng Nga lo thiếu « bơ » hơn là thiếu tích-cực ủng-hộ đảo Cuba xa vời, trong khi ông K. và chính phủ, và Đảng, lại lớn tiếng đe dọa rằng « *kẻ nào động tới Cuba tức là động tới phe Xã-hội chủ-nghĩa* ».

Và nét cuối cùng của bối-cảnh — trong đó Tổng thống Kennedy đọc bài diễn văn đặc biệt về Cuba — là sự quật khởi của phong trào tự do chống chế độ Castro tại các chiến khu hiểm trở trong nội địa Cuba, cũng như trong các căn-cứ lực-lượng cách-mạng lưu vong bên ngoài.

Trên khung hình truyền vô-tuyến, nét mặt của vị Tổng-thống Hoa-Kỳ vẫn rắn rỏi, lời lẽ của ông vẫn đanh thép, thái độ của ông vẫn đầy tự tin. Nhưng một phần dư luận lại tỏ sự thất vọng. Người ta chờ đợi chiếc xe Hoa-Kỳ khổng lồ lăn tới nửa vòng bánh, đủ để đè bẹp con châu chấu Cuba bé nhỏ, ngông cuồng nhưng chiếc xe lại bất động hay chỉ mới chuyển mình : lưỡi tầm sét sắp sửa giáng xuống đầu Castro còn bị giữ lại bởi những chữ « nếu » trong lời tuyên bố, và bởi nhận định rằng, trong hiện tình, Cuba chưa phải là mối đe dọa thực sự đối với Hoa-Kỳ.

Nhưng người ta hiểu rằng Hoa-Kỳ, cũng như Châu Mỹ La-Tinh tự do sẽ không ngồi yên, không đối phó với Castro bằng các phương tiện khác, ngoài vũ lực.

Mặt khác, ngày 2 tháng 12 năm 1961, Fidel Castro đã xác nhận ý chí đi vào con đường Cộng-Sản chủ-nghĩa — tất nhiên, kéo theo xứ sở Cuba — hẳn lãnh tụ Cuba cũng sẽ không dừng bước nửa đường.

Vậy thì triển vọng tình hình Cuba thế nào ? Đó là câu hỏi khá quan trọng trên trường chính trị quốc tế, khi người ta nhớ rằng Cuba ở sát nách Hoa-Kỳ.

màu đỏ trên ngôn từ, màu đen trong thực trạng

Theo ký-giả Serge Lafaurie — vừa ở Cuba về — tình hình sinh hoạt của xứ ấy thật là đen tối.

« Ở ngoại ô kinh đô La Havane nằm lù lù từng đống xác xe Hoa-Kỳ không xài được nữa vì người ta thiếu đồ phụ-tùng thay thế. Những thứ xe còn chạy hiện một cảnh tượng bi hài : giàn xe trầy trụa, loang lổ vì tróc sơn, kịch cợm vì chắp vá, cửa xe kẹt, máy nổ « cà-rịch cà-tang ». Ở thị-trường, người ta đem ra mua bán những chiếc xe cũ rích.

« Người Cuba có thể mua những bộ phận thay thế mà họ cần tại Gia-Nã-Đại nhưng họ không có Mỹ-kim.

« Trong các cửa hàng, những nhu phẩm thường dùng như xà-phòng, thuốc đánh răng, lưỡi dao cạo, dầu gội đầu, nước hoa v v... trước đây nhập cảng của Hoa-Kỳ, đã được thay thế bằng những sản phẩm của Cuba, phẩm chất rất kém. Những vật phẩm, hàng hóa khác được gởi từ các nước Cộng-Sản đến. Đồng hồ quả quít, máy ảnh của Nga. Bút máy, bình thủy, đèn khí đá, đồ chơi cho trẻ con như xe hơi, hỏa tiễn bằng « tôn » sơn màu của Trung-Cộng. Bút chì của Tiệp-Khắc, Đông Đức, Trung-Cộng. Áo quần giá tương đối rẻ nhưng vải xấu. Tất cả những thứ ấy chẳng ngoạn mục chút nào nên trong các tủ kính, thường người ta chưng bày thêm những tấm bảng hay những biểu ngữ mang khẩu hiệu hô hào dân chúng thi đua học tập, sản xuất, kiến thiết xã hội chủ nghĩa.

« Trong địa hạt thực phẩm, tình hình sút kém rõ rệt so với một năm trước. Người Cuba ăn đủ no nhưng ăn chả có gì. Thịt cá, trứng, gà bị

hạn chế, họa hoằn mới được mua một ít với thẻ cung cấp. Trái cây rất hiếm hoi...

« Trước đây một năm ở La Havane đầy trái cây, nhiều chỗ bán cá, thịt, tôm hùm, sò. Tất cả những món ấy giờ đây hầu như biến mất. Vào tiệm nước, khách mất hẳn thói quen gọi thức muốn dùng. Khách chỉ hỏi giản dị một câu : « Có gì uống ? » Và người ta sẽ dọn ra vài ba thức uống có sẵn ».

Ngày 2 tháng 12 năm 1961, trong bài diễn văn dài, đọc lâu năm tiếng đồng hồ, từ nửa đêm đến gần sáng, ông Fidel Castro đã hứa hẹn đưa xứ sở Cuba tiến bước trên đường kiến thiết xã hội chủ nghĩa. Tương lai Cuba được nhà lãnh tụ râu xồm phác họa dưới một màu hồng. Nhưng sự thật là một màu đen ảm đạm, khắc khổ, đang ngự trị trong thực tại Cuba. Cuộc phong tỏa kinh tế của Hoa-Kỳ đã ảnh hưởng rõ ràng, không thể chối cãi. Trong khi sức viện trợ kinh tế của phe Cộng không « lấp được chỗ trống » như Fidel Castro từng hứa hẹn với dân Cuba.

Đảng lãnh-đạo và... những quả dưa hấu

Cũng trong bài diễn-văn lịch-sử ấy, Fidel Castro loan-báo hai điều quan-trọng. Điều thứ nhất : sự hợp-nhất thành một tổ-chức cách-mạng lâm thời O.R.I. (Organisations Révolutionnaires Intégrées) ba phong-trào cách-mạng hiện có : Phong-trào 26 tháng 7 (của Castro), Đảng Xã-hội Bình-dân P.S.P. (Parti Socialiste Populaire, của Cộng-sản) và Ủy ban Chỉ huy 13 tháng 3 (Directoire du 13 Mars, phong trào sinh-viên). Điều thứ hai : một chính đảng hợp nhất và duy nhất lãnh-đạo cách mạng và chính quyền cách-mạng Cuba sắp sửa ra đời (P.U.R.S.)

Cuba đã bước vào một ngã quanh lịch-sử. Theo Theodore Draper, những ai đã theo dõi các biến cố ở Cuba, đều phải nhận rằng sự thừa-nhận chủ nghĩa Mác-Lê như là ý-thức hệ chính thức của Cuba, sự sát nhập phong-trào Castro vào phong-trào Cộng-sản, sự xuất-hiện của tổ-chức O.R.I. là những sự kiện tiền-triển tất yếu trong quá-trình xích-hóa Cuba.

Tháng 9 năm 1961, nguyệt san *Cuba socialista* của O.R.I. ra số đầu tiên. Thành phần ban giám đốc nguyệt-san rất đáng được lưu ý : thủ tướng Fidel Castro, chủ-tịch Osvaldo Dorticos, Blas Roca, Carlos Rafael Rodriguez (chủ-nhiệm nhật báo Cộng-sản *Hoy*) và Fabio Grobart (gốc Ba-Lan, cán bộ Đệ Tam Quốc Tế Cộng-Sản).

Nguyệt san nầy thay thế nguyệt san *Fundamentos* của đảng Cộng-Sản Cuba và có một nội-dung rất giống. Số đầu có bài của Castro, Dorticós và Blas Roca. Những số sau đăng toàn bài của các cựu lãnh-tụ Cộng-Sản Cuba và Grobart trở thành cột trụ, linh-hồn của nguyệt san ấy.

Mối quan-hệ giữa chính đảng hợp nhất lâm thời O.R.I. và Cộng-Sản quốc tế cùng Nga-Sô, đã được xác-định kỳ đại-hội toàn quốc Đảng Cộng-Sản Nga lần thứ XXII tháng 10 năm

1961. Phái đoàn đại-biểu Cuba năm người, do Blas Roca cầm đầu, gồm có bộ-trưởng bộ Lao-Động (Augusto Martinez Sánchez), đại sứ Cuba tại Mạc - Tư - Khoa (Faure Chomón) đại úy Emilio Arayonés và một phụ nữ, Rita Diaz. Phái - đoàn chính - thức đại diện cho tổ chức O. R. I. Người ta có cảm tưởng thêm đậm đà rằng O. R. I. tuy là một chính đảng hợp nhất lâm thời, chỉ là hình thức mới của đảng Cộng-sản Cuba.

Trong bài diễn văn đọc tại đại hội ấy, Blas Roca ủng hộ triệt để lập trường của đảng Cộng-sản Nga trong cuộc tranh chấp giữa đảng nầy và đảng Cộng-sản Albanie. Ông ta cũng cực lực lên án « chủ nghĩa xét lại » và « chủ nghĩa Giáo điều ».

Khi Blas Roca vừa dứt lời thì Krouchchev hô lớn : « *Hoan-nghênh lãnh-tụ cách-mạng Cuba Fidel Castro ! Hoan nghênh phái đoàn Cuba do đồng chí Blas Roca cầm đầu !* ».

Cuối tháng 11 năm 1961, đại hội nghiệp đoàn Cuba bầu vào chức vụ tổng thư ký Lázaro Pêna, cựu lãnh-tụ nghiệp đoàn Cộng sản.

Trong đại hội nầy, bộ trưởng Lao Động Martinez Sánchez đã tiết lộ một sự thật xảy ra tại đại hội nghiệp đoàn năm ngoái. Lúc ấy hiện tượng phân hóa đã bắt đầu. Nhiều chiến sĩ cách mạng của phong trào 26 tháng 7, theo Fidel Castro để giải phóng Cuba khỏi ách độc tài Batista, bắt đầu thấy phải làm một sự chọn lựa đau lòng : theo Castro đến cùng thì phải chối từ quá khứ tức là Phong trào 26 tháng 7 vinh quang và đặt mình vào vòng ảnh hưởng chính trị Cộng-sản, chống lại sức bành trướng của Cộng-sản thì phải dừng bước, không theo Castro một cách cuồng tín nữa và cố gắng duy trì tinh thần Phong trào 26 tháng 7 (dân tộc, dân chủ, công bình xã hội).

Trong đại hội ấy, họ đã hét lớn những khẩu hiệu : « 26 ! 26 ! » và « Dưa hấu ! Dưa hấu ! Dưa hấu ! ». Nhưng trong kỳ đại hội nghiệp đoàn năm nay, họ không còn có mặt, một số bị thanh trừng, một số bỏ đi. Và bộ trưởng Lao Động Martinez Sánchez tuyên bố : « *Chúng nó không có ở đây nữa nhưng những người mà chúng gọi là «Dưa hấu» vẫn có mặt, trong hàng ngũ các bạn hôm nay. Phải ! « Dưa hấu » có mặt ở đây và chúng ta sẽ tiếp tục là « Dưa hấu » bởi vì chúng ta luôn luôn xanh ở ngoài vỏ, đỏ ở trong lòng* ».

Martinez Sánchez đã dùng những lời đầy khinh bỉ, hận - thù đối với những cựu chiến-hữu tư sản hay tiểu tư sản không chấp nhận ý-thức hệ mới, được xem là ý-thức-hệ chính-thức của chính quyền Castro và cách-mạng Cuba : chủ nghĩa Cộng-Sản.

Thảm kịch nầy của những cựu chiến-sĩ trong Phong trào 26 tháng 7, cũng là thảm kịch chung của các thành phần nhân-dân Cuba yêu nước, yêu tự-do nhưng « không thích lật ách Đế-quốc tài-phiệt (Jmpérialisme Yankee) để thay vào ách Độc-tài Đỏ ».

Hai phát-ngôn nhân chính-thức của đảng Cộng-Sản Cuba, Lázaro Pèna và Blas Roca xác-nhận rằng chính quyền

cách-mạng hiện do O.R.I. lãnh-đạo, những ngày sắp tới, sẽ do chính-đảng mới, Đảng P.U.R.V. (Parti Uni de la Révolution Socialiste) lãnh-đạo và Fidel Castro vừa là lãnh-tụ cách-mạng Cuba vừa là lãnh-tụ Đảng.

Trong đoạn cuối của bài diễn-văn lịch sử, Fidel Castro nhận rằng cho đến nay ông ta một mình cầm quyền, một mình lãnh-đạo, đó là « một bước tất-yếu trong quá-trình diễn tiến của cách-mạng Cuba ». Nhưng đối với hiện tình cách-mạng, giữ sự-trạng cũ là « một sai lầm », bởi vì chỉ có Đảng mới có thể bảo-đảm cho « chính quyền và chế-độ cách-mạng tiếp-tục ». Sau rốt, ông nguyện trung-thành với Đảng, phục-tùng Đảng lãnh-đạo.

Như thế là rõ. Trong khi về kinh-tế, Cuba suy sụp trông thấy thì về chính-trị, Cuba đang bước dần vào vòng ảnh-hưởng Cộng-Sản. Và Fidel Castro — thần-tượng của toàn dân Cuba thời nào — đã công-khai nhận mình là Cộng-Sản với tất cả ý-thức.

« Chúng tôi không giữ người đi »

Tình-hình Cuba như thế, khiến cho giới quan-sát quốc-tế băn-khoăn. Nhiều câu hỏi nảy ra đòi được giải đáp. Tựu-trung, hai câu hỏi lớn nhất, quan-trọng nhất là : a) Vì đâu chế-độ Castro còn tồn-tại ? b) Có thể dự-đoán ngày đổ-sụp của chế-độ độc-tài nầy chăng ?

Sau một tháng điều tra, phóng sự ở Cuba, Serge Lafaurie cho rằng sở dĩ chế độ Castro còn đứng vững mặc dầu gặp bao nhiêu thử thách là vì chế độ ấy « dựa vào dân nghèo và thanh niên ».

Trước khi nhận xét về quan điểm của ông ta, hãy xem những điều ông ta viết :

« ... Những kẻ bất mãn không thiếu gì ; tiểu thương, công tư chức, tầng lớp trung lưu bắt đầu thấy chịu không nổi chủ nghĩa xã hội. Nhiều người đã bỏ Cuba, lưu vong. Chế độ không giữ họ lại. Ở phi trường La Havane tôi nhận thấy 80 người đợi máy bay để rời Cuba, trong khi chỉ có 3 người đến Cuba.

Nhưng không phải các tầng lớp trung lưu buồn bã ấy làm nên sắc thái, nhịp điệu sinh hoạt ở Cuba, mà là những kẻ khác. Đó là những người nói tới cách mạng Cuba một cách say sưa, ngay cả khi họ phê bình, chỉ trích, những người sẵn sàng kể cho ta nghe cuộc đời của họ trước kia và những gì chế độ Castro đã mang lại cho họ bây giờ, những người dự các lớp học tập, huấn luyện ba giờ mỗi ngày, những người sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ chế độ. Họ là ai ? Có thể nói tổng quát : dân nghèo và thanh niên. Những người như anh chàng da đen Roberto, công nhân xưởng thép ở La Havane, đã từng bảo tôi : « Những người sống khá trước cách mạng bây giờ bỏ đi, tôi thông cảm. Ở địa vị họ, có lẽ tôi cũng làm như vậy. Nhưng đối với chúng tôi thì chính bây giờ chúng tôi sống khá hơn. Có lẽ người khác thấy không còn gì để mua sắm nhưng tôi,

tôi có thể mua sắm nhiều hơn ngày trước. Và làm sao tôi có thể nói bút chì Hoa-Kỳ và bút chì Trung-Cộng hơn kém nhau thế nào khi trước đây, tôi chưa biết viết... »

Về thái độ của thanh niên Cuba đối với chế độ Castro, ông Serge Lafaurie viết : « Đừng hỏi thanh niên Cuba nghĩ gì về một chế độ lo cho họ tất cả và đòi hỏi ở họ tất cả. Hỏi vô ích. Cuba là của họ ».

Nhưng ông Serge Lafaurie lại tiết lộ những sự thật khác khá thú vị, khiến cho người ta nhận thấy ông đã « chụp ảnh » thực tại Cuba hơi vội vàng và chính những sự thật sau đây mới góp phần xây dựng một nhận định sát đúng về giá trị và hiệu lực của hậu thuẫn (dân nghèo và thanh niên) đối với chế độ, mà ký giả ấy đã nói đến ở trên.

Serge Lafaurie viết về nền giáo dục Cuba :

« Giáo-dục ở Cuba là một nền giáo dục chính trị và người ta không giấu điều đó. Để dạy cho học-sinh phân biệt chủ-từ với động-từ, giáo sư không viết lên bảng câu « Con mèo của bà hàng xóm đã uống sữa của dì tôi » mà viết « Vị anh hùng của Congo đã chết trong cuộc chiến đấu chống thực dân chủ nghĩa » hay « Sự bay trên trời và sự tự do dưới đất là hai sự kiện vinh quang » hoặc « Cách mạng không là sản phẩm xuất cảng, chính nhân dân làm cách-mạng ».

Trong các đề toán, phải « những chuyến tàu lửa đuổi nhau » hay « những vòi nước chảy » làm cơ sở cho học sinh tính thời gian, dung tích, mà là những kỷ-lục sản-xuất làm cơ sở tính toán.

Người ta kết hợp không dạy địa dư, sử ký với dạy toán. Sau đây một số đề toán khác :

— Năm 1958 ở Cuba có 19.245 trường tiểu-học nông-thôn và thành thị. Trong hai năm đầu của cách-mạng, 5190 trường được cất thêm. Hỏi đến năm 1961, có bao nhiêu trường tiểu-học ?

— Tổ chức Ku-Klux-Klan được thành lập tại Hoa-Kỳ năm 1886 để duy trì ưu thế của người da trắng bằng sự khủng bố. Tổ chức tệ mạt đó hoạt động tại nước láng diềng của chúng ta đến nay được bao nhiêu năm rồi ?

Giáo dục Cuba dạy cho trẻ con, thợ thuyền, nông dân tôn trọng những gì tốt đẹp của Đông phương (Cộng-Sản) và khinh bỉ những gì xấu xa của Tây phương (Tự do)... »

Người ta thấy ngay một điều : cả một công cuộc tuyên truyền, nhồi sọ rộng rãi, tích cực, khắt khe, bao vây, phủ chụp người dân Cuba, nhất là thanh thiếu nhi và dân nghèo.

Nếu hiệu thời, họ theo Castro, một phần chỉ « phép mầu của thuật sĩ chưa tan biến » và người ta không thể nhận định họ là hậu thuẫn vững chắc của chế độ khi thật ra có thể họ chỉ là nạn nhân.

Mặt khác, theo Theodore Draper, ở Cuba không chỉ có công cuộc tuyên

truyền, huấn luyện về ý-thức-hệ Cộng-Sản. Có bàn tay nhung nhưng cũng có bàn tay sắt. Người ta còn phải kể tới sự khủng bộ mà giới cầm quyền trắng trợn mệnh danh là «Khủng bồ (của) Cách mạng ». Đạo luật ngày 29 tháng 11 năm 1961 ấn định tử hình đối với những kẻ nào cầm vũ khí chống lại chế độ Castro.

Người ta nhớ rằng trong thời gian ấy, Castro có tuyên bố rằng những chiến-sĩ cách-mạng Cuba phải diệt trừ bọn phản cách mạng, nếu không họ sẽ bị bọn phản cách-mạng tiêu diệt.

Đạo luật ấy kết án « những phần tử khủng bồ và những phần tử phá hoại » từ hai mươi năm tù đến tử hình. Trong bài diễn văn đọc trong dịp ban hành đạo luật khủng bồ, Fidel Castro đưa ra lần đầu tiên thành ngữ « khủng bồ (của) cách-mạng ». Ông ta nói rõ rằng những bị cáo sẽ được xét xử theo « một thủ tục giản dị và nhanh chóng » và bản án sẽ được thi hành trong vòng 48 tiếng đồng hồ.

Ai cũng hiểu rằng đường lối hiệu quả nhất của một chế độ độc tài để loại trừ những phần tử bất mãn là gán cho họ những danh từ « khủng bồ » « phá hoại », « phản động », « phản cách mạng » v. v.

Đạo luật ngày 29 tháng 11, hợp pháp hóa phong trào khủng bồ của nhà cầm quyền Cuba còn có hiệu lực khóa miệng, giữ tay những thanh niên, dân nghèo nào bắt đầu thấy ngột ngạt trong không khí chính trị mác-xít vậy.

Như thế người ta có hai yếu-tố (công cuộc tuyên truyền, huấn luyện và phong trào khủng bồ) để hiểu điều kiện tồn tại của chế độ Castro.

Nhưng không phải chỉ có bấy nhiêu. Tháng 4 năm 1961, cuộc đổ bộ của lực lượng Cuba tự do lưu vong thảm bại chỉ vì vào giờ chót Hoa-Thịnh-Đốn quyết định giữ thái độ bất can thiệp.

Tương quan giữa Hoa-Kỳ và Cuba sẽ được bàn đến ở phần sau. Ở đây, ta có thể ghi nhận một điều, một sự thật khách quan : sự yếu ớt của lực lượng tự do ở Cuba. Chủ lực nằm ở bên ngoài chớ không phải ở các chiến khu. Trên phương diện chính trị, đây là một trở ngại đáng kể.

Théodore Draper nhận định rằng các phần tử tự do ở Cuba có một khuyết điểm là phản ứng quá trễ. Khi họ bắt đầu tỏ thái độ chống đối sự xâm nhập của ảnh hưởng Cộng sản thì họ đã bị thanh trừng hoặc phải lưu vong.

Do đấy họ chỉ có thể trở về với sự ủng hộ của nước ngoài. Chế độ Castro lợi dụng nhược điểm ấy để phản tuyên truyền họ là « tay sai của đế quốc ».

Gần đây các chiến khu tự do tại nội địa Cuba đã phát triển nhưng đó lại là chuyện phải xét sau nầy.

Tuy nhiên, để có một ý niệm về triển vọng tình hình Cuba, ta còn cần nhìn qua tương quan giữa xứ nầy và Hoa-Kỳ, Châu-Mỹ la-tinh cùng Nga-Sô.

TIỂU-DÂN

(còn một kỳ)

Tài liệu tham-khảo :

Castro entre deux révolutions của Théodore Draper (tạp chí Preuves)

Castro peut-il tenir ? của Serge Lafaurie (l'Express)

Cuba, c'est sérieux của R. Cartier (Paris-Matah)

L'Amérique latine entre en scène của Tibor Mende.

The Monroe Doctrine and Communist Cuba của báo Time.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE *Plapplachai, Bangkok.*

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

Cụ Phan-Bội-Châu và vài hoạt-động chính-trị trong chuyến « Nam hành » năm quí-mão

NGUYỄN-VĂN-HẦU

ĐẶT chân lên đường cách-mạng, cụ Phan đã nuôi cái mộng ra Bắc, vào Nam để liên-kết hào-kiệt, gây thành một thế-lực kháng Pháp sâu rộng trên toàn cõi nước nhà.

Năm 1903, cụ vào Quảng-Nam tìm cụ Tiểu-La Nguyễn-Thành (tức cụ ấm Hàm) là một yếu-nhân trong đảng Cần-vương. Sau khi phong trào Cần-vương thất bại, cụ ở ẩn nuôi chí (1). Khi hai người gặp nhau, cụ Tiểu-La khuyên cụ Phan nên hoạt động theo đường lối nầy :

1) Liên kết dư đảng Cần-vương.

2) Tôn phù một minh chủ để đoàn kết nhân tâm.

3) Cầu ngoại viện để có thêm lực lượng.

Về việc tôn phù minh chủ, cụ Tiểu-La cho là một thủ đoạn lý-tài, nhất là đối với đồng b o Nam-Kỳ. Cụ nói với cụ Phan :

« Món ta khi - sự, trước hết phải thu lòng người. Hiện những người nước ta bây giờ, ngoài tôn quân thảo tặc ra còn chưa có tư tưởng gì lạ. Sở Hoài-Vương, Lê-Trang-Tôn, chẳng qua là một thủ đoạn. Và lại sắp tính việc lớn, tất phải trù có món tiền thật to. Kim-tiền nước ta là ở Nam-Kỳ, mà khai thác ra Nam-Kỳ là công đức triều Nguyễn làm. Vua Gia-Long lấy lại nước, rặt là nhờ tài lực ở trong ấy. Bây giờ nếu ta tìm được chính dòng Gia-Long, đặt làm minh chủ, hiệu triệu Nam-Kỳ tất ảnh hưởng mau lắm... » (2).

---

(1) Phan-Bội-Châu : *Tự phán, Anh-Minh xuất bản, 1956.* Trang 33.

(2) Xem tiểu sử cụ Tiểu-La trong *Ngũ-hành-sơn chí-sĩ* của Anh-Minh Ngô-Thành-Nhân để rõ thêm sự nghiệp của nhà cách-mạng nầy.

Nghe theo lời ấy, cụ Phan tức thời ra Huế, dò xét những người trong hoàng tộc và sau rốt tìm được Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để. Cụ Cường-Để biểu-đồng-tình, nhận làm hội-chủ, còn cụ Phan thì lãnh iệc tổ chức cách-mạng. Để kích động lòng yêu nước của mọi người, cụ viết ngay cuốn *Lưu cầu huyết lệ tân thơ* tung ra.

Một ngày vào mùa đông năm ấy (1903), cụ Tiểu-La bàn với cụ Phan: « Anh bây giờ Nam-hành được rồi ! »

Thật vậy, nhờ bản sách *Lưu cầu huyết lệ tân thơ* lưu-hành mà nhiều nhà ái-quốc ở Trung, Bắc và một ít nhà ái-quốc trong Nam nghe tiếng cụ Phan và đã đem lòng ái-mộ cụ. Cụ hăng hái lên đường vô Nam sau khi đã một lần ra Bắc. Cụ Tiểu-La cấp lộ-phí và cho Tư-Doãn, một đồ-đệ của cụ, đi theo với cụ Phan.

Thế là chuyến Nam-hành bắt đầu vào thượng-tuần tháng 12 năm Quý-Mão (1903), do sự sắp đặt của cụ Tiểu-La.

***

Trong cuốn *Tự Phán*, cụ Phan có thuật mục đích chuyến đi ấy như vầy :

> « Trước lúc ấy, tôi đã từng nghe Thất - Sơn, tỉnh Châu - Đốc, có người họ Trần... là người cử-khôi trong đám du - đồ, mà hiện còn dấu thân ở cửa Phật. Tôi sẵn lòng muốn gặp người ấy, và lại hỏi thăm cho biết đảng sót của cụ Trương-Định, cụ Hồ - Huân (1) còn có những ai nữa chăng, và tuyên-bố việc ông Kỳ-Ngoại-Hầu với Nam-Kỳ nghĩa-dân, sẽ tính đường dự-bị về cuộc hiệu-triệu sau nầy ».

Khi tới Sài-Gòn, cụ Phan lưu lại vài hôm rồi mới lần xuống lục-tỉnh, vừa du-lịch mà cũng vừa vận-động. Hạ-tuần tháng chạp thì cụ tới Châu-Đốc. Cụ dò hỏi và biết được sư cụ Trần-Nhựt-Thi đang có mặt ở vùng Thất-Sơn, nên đi thẳng vào đó.

Trần-Nhựt-Thi, như cụ Phan đã nói, là một bậc cử-khôi ẩn thân dưới bóng Phật, cụ có chí « bài Tây phục quốc », có nhiều đồ-đệ và có dựng một ngôi chùa to lớn để làm sào-huyệt tại một miền hẻo lánh giữa dãy Thất-Sơn (2). Trong chùa có một cái Kim-khánh, có khắc bốn chữ *Huy, Quang, Chánh, Đại*, tương-truyền đó là một khẩu-hiệu bí-mật do Kỳ-Ngoại-Hầu ban cho.

Sư cụ bây giờ tuổi ngoài 50 mà dáng còn mạnh mẽ. Mặc dù trước đó đã nhiều lần bị Pháp hiềm nghi bắt giam, cụ vẫn một lòng khảng khái không sợ nguy hiểm.

Khi giáp mặt nhau, cụ Phan-Bội-Châu đem việc vận động cách mạng của mình và việc tôn Kỳ-Ngoại-Hầu làm hội chủ ra bày tỏ với sư cụ. Sư cụ lấy làm bằng lòng, hẹn với cụ Phan đến mùa xuân năm sau thì sẽ ra Kinh yết kiến cụ Cường-Để. Trong lúc nói chuyện, cụ Phan có giới thiệu chí hướng và đức độ của cụ Tiểu-

(1) Chắc cụ Phan muốn nói tới cụ Thủ-Khoa-Huân.

(2) G. Coulet : *Les sociétés secrètes en terre d'Annam, Ardin, Sài-Gòn, 1926.*

La với sư cụ Trần-Nhựt-Thi và dặn sư cụ trước khi tới Kinh, hãy tìm tới Quảng-Nam để gặp cụ Tiểu-La trước rồi sau sẽ ra Huế gặp cụ Cường-Để.

Ở đây non một tuần thì cụ Phan từ giã. Sư cụ Trần-Nhựt-Thi có ân cần dặn dò cụ Phan :

— Phàm muốn việc gì bí mật, có bàn bạc với nhau, chỉ nên ở giữa trời xanh ngày trắng, hoặc ở đồng trồng đường to, không nên ở chỗ đêm khuya nhà kín. Bởi vì trong lúc đêm khuya nhà kín, tai mắt mình không thể để phòng được xa, chỉ làm thêm cho cơ hội những món rình xét (1).

Câu nói ấy mãi về sau, cụ Phan vẫn giữ dạ không quên, cho là những lời nói phải.

Rồi cụ Phan rời Thất-Sơn, xuống Sa-Đéc để gặp cụ Đặng-Thúc-Liêng mà thời-nhân cũng gọi là Ký Liêng.

Cụ Đặng tên thật là Huấn, hiệu Trúc-Am, quán làng Tân-Phú-Trung (Gia-Định), vốn là một nhà Hán-học uyên thâm, từng làm thầy dạy chữ Hán cho một viên quan Tây tên là Landes ; viết cho các báo *Nông cổ min đàm, Gia-Định báo, Nam-Trung nhựt báo, Lục tỉnh tân văn... ;* từng giao kết với nhiều nhà ái quốc trong nước như các cụ Phan-Chu-Trinh, Phan-Bội-Châu, Huỳnh-Thúc-Kháng, Phạm-Duy-Tốn, Trần-Chánh-Chiêu, Nguyễn-Thần-Hiến... và đã dám chống lại với Trần-Bá-Thọ, con của Trần-Bá-Lộc, những tay sai trung thành và đắc lực của chánh phủ thực dân (2).

Lúc ấy cụ Đặng đã về lập nghiệp tại quê vợ ở làng Tân-Quy-Đông (Sa-Đéc) và nhờ có sự « đồng thanh tương ứng » nên cụ Phan mới tìm tới đây.

Cụ Phan cũng đem mục-đích của mình mà nói thật hết với cụ Đặng, cụ Đặng rất sốt-sắng tán-thành, hứa sẽ ngầm-ngầm vận-động trong dân-chúng và đồng-thời cụ giới-thiệu cụ Nguyễn-Thần-Hiến với cụ Phan.

Cụ Nguyễn-Thần-Hiến tức Hội-đồng Hiến, gốc người Hà-Tiên, sau dời về Cần-Thơ, là một bực thâm nho và là một nhà ái-quốc nồng-nhiệt. Trước đó Cụ đã tham-dự vào nhiều nghĩa-đảng chống Pháp, đã dám đem tài-sản to tát ra đóng góp vào công cuộc quốc-gia (3).

Lúc hội-đàm với cụ Phan, cụ Nguyễn tình-nguyện hy-sinh tất cả cho cách-mạng. Tuy mới biết nhau một lần, hai người tỏ ra rất tương-đắc. Cụ Phan hứa khi về Huế sẽ gởi tuyên-truyền-phẩm vào ; còn cụ Nguyễn thì nhận việc phát-động phong-trào cách-mạng vận-động tài-chánh ở các tỉnh Hậu-Giang.

Hạ tuần tháng giêng năm giáp-thìn (1904), sau khi đã thăm qua phong-

---

(1) Phan-Bội-Châu : *Tự phán, Anh-Minh xuất bản*, 1956. Trang 35,36.

(2) Xem bài của Đặng-Công-Thắng : *Đặng-Thúc-Liêng, một bậc tiền-phong trong làng báo Sài-Gòn, Phổ thông* số 31, 1-4-60 và 32, 15-4-60.

(3) Xem bài của tác-giả : *Nguyễn-Thần-Hiến, một lãnh-tụ trọng-yếu trong Phong-trào Đông-du miền Nam, Bách-Khoa* số 124, 1-3-62, và 125, 15-3-62.

cảnh một vài nơi khác nữa, cụ Phan-Bội-Châu từ biệt miền Nam về Huế.

Tính từ ngày ra đi cho tới khi trở về, cụ đã vắng mặt ở nhà Giám khoảng 2 tháng. Nhưng hình như thực-dân Pháp và chánh-phủ Nam-triều chưa hay biết rõ ràng về mục-đích của cụ, nên cụ vẫn được yên tâm để tiếp-tục hoạt-động ở trong nước.

***

Kết quả chuyến đi nầy của cụ Phan, đã gây nhiều ảnh-hưởng cho cách-mạng :

— Tháng hai năm 1904, y hẹn, cụ Trần-Nhựt-Thi ra Quảng-Nam tìm cụ Tiểu-La rồi cùng cụ Phan-Bội-Châu tới kinh yết-kiến cụ Cường-Để, lại đến hội với Đỗ-Đăng-Tuyển ở làng Ô-Gia, Châu-Thư-Đồng ở Hội-An ; cụ Trần-còn lãnh việc trở về Nam vận-động tiền bạc mang ra đóng góp cho hội và tiếp-tục cho tới khi cụ Phan xuất-dương.

— Phần cụ Đặng-Thúc-Liêng thì đã hiệp lực với cụ Trần-Chánh-Chiêu và nhiều đồng-chí khác cổ-võ cho Phong-trào Đông-du, cụ phải bị tình nghi, cùng với 40 đồng-chí bị thực-dân Pháp bắt tống giam vào khám đường Mỹ-Tho suốt một thời gian bốn tháng.

— Riêng về cụ Nguyễn-Thần-Hiền thì mở *Khuyến du học hội*, kêu gọi thanh niên xuất-dương, tự xuất nhiều của cải của mình mà làm việc cách-mạng. Công của cụ rất lớn khiến cụ Phan đã không tiếc lời khen ngợi : «Ông Nguyễn sau cũng xuất-dương, đồng sự với tôi hơn bảy năm ; sau nhân ở Hương-Cảng vì toan mưu ám sát, thuê nhà ở kín, chế tạo trái phá, bị người Pháp bắt được đem về, ông tự tử ở ngục Hà-Nội. Ôi ! người như ông ấy cũng là người kỳ-sĩ trong Nam đó mà ! » (1).

Bàn về chuyến Nam-hành mà chúng ta vừa biết qua, cụ Phan có viết :

« Lần đi nầy tuy không công gì, nhưng sau khi xuất-dương, được anh em Nam-Kỳ giúp nhiều lắm, là kết quả của lần đi ấy » (2).

Lời cụ quả đã đúng y sự thật.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(1-2) Phan-Bội-Châu : *Tự phán, Anh-Minh xuất bản*, 1936. Trang 36.

✶ Chưa chi đã nghi ngờ người, là khuyến khích người phản bội mình.
Louis XIV

✶ Tình bằng hữu là một linh hồn trong hai thân thể.
Pythagore

✶ Kẻ không chịu sửa mình mà muốn có tiếng thơm để đời, thì khác nào mặt xấu mà muốn có cái hình đẹp ở trong gương.
Nhan-Thị gia huấn

✶ Người ta sợ lửa hơn sợ nước, thế mà chết cháy ít, chết đuối vẫn nhiều.
Cổ ngạn

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth « **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto « **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

DOHAMIDE

NGƯỜI CHÀM CHÂU ĐỐC

(xem từ B. K. số 135)

SINH HOẠT XÃ-HỘI

a) Hệ thống các địa vị xã-hội

Lãnh đạo tinh thần thôn ấp, trên hết là «*Hakîm*» thường là một vị bô lão, có kiến thức đạo giáo rộng rãi, được dân trong thôn ấp kính mến. Vị này do toàn dân trong thôn cử lên, sau một cuộc hội họp tự do trao đổi ý kiến, các vị «Hakîm» những thôn xã lân cận được mời chứng kiến. Kết quả cuộc công cử được tuyên bố ngay buổi họp và vị «Hakîm» mới nhận lãnh trách vụ từ giờ phút đó.

Một vài năm sau này, các vị đại-diện chánh quyền được mời chứng kiến và cuộc công cử được xác nhận do biên bản.

Hakîm không có nhiệm kỳ hạn định, nếu không có chi bất thường xảy ra, thì tiếp tục hành sự cho đến khi mãn phần. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó, Hakîm cũng có thể từ dịch và sự từ dịch này cần được thông báo trong một đại hội và các vị bô lão sẽ thảo luận định ngày cử vị Hakîm mới thay thế. Nhưng trường hợp này rất ít xảy ra, nếu không nói là không bao giờ có.

Thời thuộc Pháp, một nghị định năm 1941 của Thống-đốc Nam-kỳ có đặt ra một chức-vụ mệnh danh là

«*Saykhol Islam*» đại diện các Hakîm trong tỉnh Châu-Đốc cũ liên lạc với tỉnh đường, cùng giải quyết các vấn đề có tính cách chung cho người chàm Châu-Đốc. Hiện vị này hãy còn sống và tuy không còn tích cực liên lạc với chánh quyền như trước, nhưng vẫn được thỉnh kiến khi có cuộc họp của các Hakim.

Bên cạnh Hakîm trong thôn ấp có một vị phụ tá gọi là « *Na Ếp* » do Hakîm chỉ định, với thỏa hiệp của dân chúng, trong số những người uyên thâm giáo lý, để giúp Hakîm giải quyết các tranh chấp cá nhân giữa những người trong thôn ấp cùng chăm sóc, theo dõi mọi việc liên quan đến sự hành đạo của tập thể.

Trong phạm vi một xóm (pũk) công việc kể trên thuộc trách nhiệm của một chức vị gọi là « *Ahly* », cũng do nhân dân trong xóm bầu lên và liên lạc mật thiết với Ha-Kîm.

Theo tục lệ, vị « Ahly » được người dân xem như là người anh cả (ngang taha = người già cả) đứng đầu xóm, cọng sự với Ha-kêm họp thành một cơ quan có thể coi như là cơ quan quản trị thôn xã, trong nội bộ cũng như trong tương quan của tập thể này đối với tập thể khác.

Các vị kể trên họp lại có thể quyết định những biện pháp chế tài đối với những cá nhân có những tác phong trái ngược với tập tục và Hồi Giáo pháp-chế tài nặng nhứt là sự khai trừ (coh cách) một cá nhân ra khỏi tập thể có hậu quả khiến mọi người dân trong thôn xã cắt đứt mọi liên hệ với đương sự : không một ai đến thăm khi đau ốm, không một ai đến tham dự việc cúng kiến v. v...

Trong những ngày thường, vị Ahly phải lo việc quản trị tiểu thánh đường gọi là «*Surao*» nơi đây cũng được xem như là nhà hội của một xóm. Hằng ngày người dân trong xóm đến hành lễ (săm bah yăng) tại «Surao» này.

Chỉ đến ngày thứ sáu và những ngày thánh lễ, người dân mới tụ họp tại Thánh đường chánh gọi là « Masjid», thường được xây cất đồ sộ theo kiến trúc các Thánh đường Hồi Giáo khác.

« Masdjid » khác »surao» ở điểm « surao » chỉ là một ngôi nhà nhỏ của một xóm nhỏ hẹp dùng làm nơi hành lễ và đồng thời là nơi họp bàn các vấn đề có tính cách lợi ích chung, và nhân đó người ta có thể ăn uống tại đây. Trái lại, « Masdjid » là một nơi trang nghiêm tuyệt đối, khi bước vào, người ta không được nói gì ngoài việc đọc thánh kinh; việc ăn uống bị cấm hoàn toàn. Cạnh « Masdjid » thường có một cái tháp cao, dùng làm nơi kêu gọi tín đồ đến giờ hành lễ.

Hướng dẫn các buổi hành lễ tập thể tại « Masdjid » hoặc « surao » là trách vụ của các vị « *Imâm* ».

Những buổi Thánh lễ ngày thứ sáu thường bắt đầu bằng một cuộc giảng kinh chính thức, do ông « *Katip* » phụ trách.

Ngoài ra, còn có « *Bilăl* » là vị đứng ngâm những câu bất di dịch kêu gọi các đạo hữu đến hành lễ.

Các chức vụ « Imâm », « Katip » và « Bilăl » thường không phải là những chức vụ thường mà được cất đặt luân phiên giữa các vị có khả năng và đầy đủ tư cách tương xứng với công việc. Nhưng thường người nào, làm luôn một công việc thì được gọi bằng chức vụ đó, trong các cuộc xưng hô đàm thoại. Các ông « Imâm », « Bilăl », « Katip » hành lễ phải mặc những chiếc áo dài chấm gót, đầu vấn khăn. Còn thường ngày thì y phục của họ không khác chi người thường cả. Nói khác đi, họ không tạo thành một giới tăng lữ như hệ thống tăng lữ Chàm Hồi-Giáo Cao nguyên Trung-Phần. Mỗi người ở đây đều có nghề nghiệp sanh nhai riêng. Tuy nhiên, họ được xã hội trọng vọng, nể vì.

Việc sạch sẽ trong ngoài Thánh đường chánh cùng việc thông báo liên lạc trong thôn xã, được giao phó cho ông « *Seăk* », là một vị được tập thể thỏa hiệp tuyển chọn và cho hưởng một số hoa lợi tại Thánh đường, để hoàn toàn chuyên trách số công việc nhứt định. Đó là một chức vị duy nhất được hưởng thù lao trong cộng đồng thôn xã.

Người ta còn cần kể các vị « *Hadji* » vốn là các vị đã có dịp đi hành hương tại Thánh địa Hồi-Giáo Mecca (Trung-Đông), hầu hết đều là những người thuộc gia đình giàu có. Sự kiện đó dĩ nhiên, vì chỉ có những người có tiền bạc dư giả mới thực hiện cuộc hành hương này được. Tuy nhiên, sự kính mến nể vì đối với vị này sẽ giảm dần theo thời gian, nếu người đó chỉ là một người giàu có xoàng xĩnh, không có kiến thức đạo lý sâu rộng, thiếu khả năng hướng dẫn những người chung quanh trong việc hành đạo.

Tâm trạng đó của quần chúng đã khiến cho một hạng người, thường sống hết sức khiêm tồn, lại nổi bật lên. Đó là các « *Tuôn* », những giáo viên thường ngày chăm sóc các trẻ em đọc Thánh kinh mà mọi tín đồ Hồi Giáo đều phải biết đọc qua.

Các « Tuôn » này còn phụ trách phổ biến giáo lý cho các môn đệ. Một vài « Tuôn » vốn đã được học hỏi nhiều năm tại các trường Hồi-Giáo ở Mecca, Kelantan, Pattani v. v...

Chính các vị này đã trực tiếp gây ảnh hưởng trong việc duy trì khung cảnh sinh hoạt của người dân địa phương cùng sự phát triển của ngôn ngữ, vì lẽ ngôn ngữ thường được nuôi dưỡng do sự thường ngày sử dụng, và phát triển bằng văn viết.

Về phương diện ngôn ngữ. Người Chàm Châu-Đốc được ở vào một lợi thế hơn các đồng bào Chàm miền Trung.

Trong sinh hoạt hàng ngày, một số từ ngữ thông thường được dùng để diễn tả các sự kiện trong một số trường hợp thông thường. Một số từ ngữ ít được dùng, lần lần bị quần chúng lãng quên. Và khi người ta không còn nhớ nữa, thì sau này lúc cần đến, người ta có khuynh hướng chọn một giải pháp dễ dàng nhất là vay mượn. Thêm nữa, hoàn cảnh

lại thuận lợi, khi mà ngôn ngữ này chỉ được sử dụng giữa một số người hạn định tại địa phương, không thể dùng trong sự giao tiếp với xã hội bên ngoài cộng đồng đó được.

Do đó, ngôn ngữ đồng bào Chàm miền Trung, qua thời gian, đã bị pha trộn với rất nhiều tiếng Việt.

Trong khi đó, ngôn ngữ của đồng bào Chàm Châu-Đốc phát triển theo một chiều hướng khác, đồng thời vẫn giữ nguyên được một phần lớn từ ngữ cũ. Chiều hướng phát triển nói trên là chiều hướng kết nạp từ ngữ Mã-Lai và Á-Rập, qua trung gian của các *Tuôn*, vốn dùng những sách vở in bằng hai loại chữ này để phổ biến *giáo* lý cho môn đệ. Những từ ngữ Á-Rập và Mã-Lai phần lớn không còn giữ nguyên gốc của nó, sau khi được kết nạp vào ngôn ngữ Chàm. Nó được biến thể thành một từ ngữ mới mà chúng tôi xin để một dịp khác sẽ bàn kỹ hơn.

Vai trò của các « *Tuôn* », vì các lý lẽ trên, rất hệ trọng, trong sự lãnh đạo tinh thần người Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc.

Các « *Tuôn* » hữu danh thường được thỉnh mời từ thôn ấp này sang thôn ấp khác để giảng kinh và mỗi lần như vậy, toàn thể người dân trong thôn ấp đều cùng nhau kéo đến nghe rất đông đảo.

Sự thực, đó là những buổi đọc những quyển giảng luận (*kitab*) viết bằng tiếng Mã-Lai hoặc Á-Rập rồi sau đó phiên dịch từng đoạn ra tiếng Chàm cho mọi người cùng hiểu. Mọi người đều bằng lòng với công việc giảng dịch đó nên nó đã biến thành một thông lệ trong tập tục, khiến không một ai nghĩ đến việc viết những sách nội dung tương tự bằng tiếng Chàm.

Trở lại vấn đề địa vị xã hội trong các thôn ấp Chàm Hồi-Giáo Châu-Đốc : nếu đứng về phương diện hình thức, tức căn cứ vào bề ngoài, vào y phục, thì khó mà phân biệt được người nào ở vào địa vị nào.

Theo nguyên tắc, thì chỉ các «Hadji», tức những vị có đi hành hương bên mecca trở về mới vấn khăn trên đầu (Kăk Hadji) nhưng thực tế, vì y phục của « Hadji » là y phục có tính cách uy nghiêm, rất được tôn trọng và ưa thích, nên những người lớn tuổi đều thích mặc theo lối này nhân những ngày Thánh lễ.

Tuy nhiên, trong các cuộc hội họp, nhìn vào chỗ ngồi là có thể phân biệt được ngôi thứ.

Tại các Thánh đường, nếu kể từ cửa chánh đi vào thì những vị lãnh đạo đều ngồi vào bên trong tất cả. Đó là chỗ ngồi chủ tọa theo quan niệm thông thường.

Trái lại, tại nhà riêng, thì chính các vị nầy lại ngồi ngay cửa, từ dưới thang đi lên.

Chịu ảnh hưởng của tập tục cũ các nước Hồi-Giáo, người Chàm Châu-Đốc không để tóc dài (chỉ vì lý do vệ sinh mà thôi) đàn ông già trẻ đều cạo trọc đầu. Trước 1945, các thanh niên để tóc khó mà được chấp nhận trong thôn xã, nhưng mấy năm gần đây,

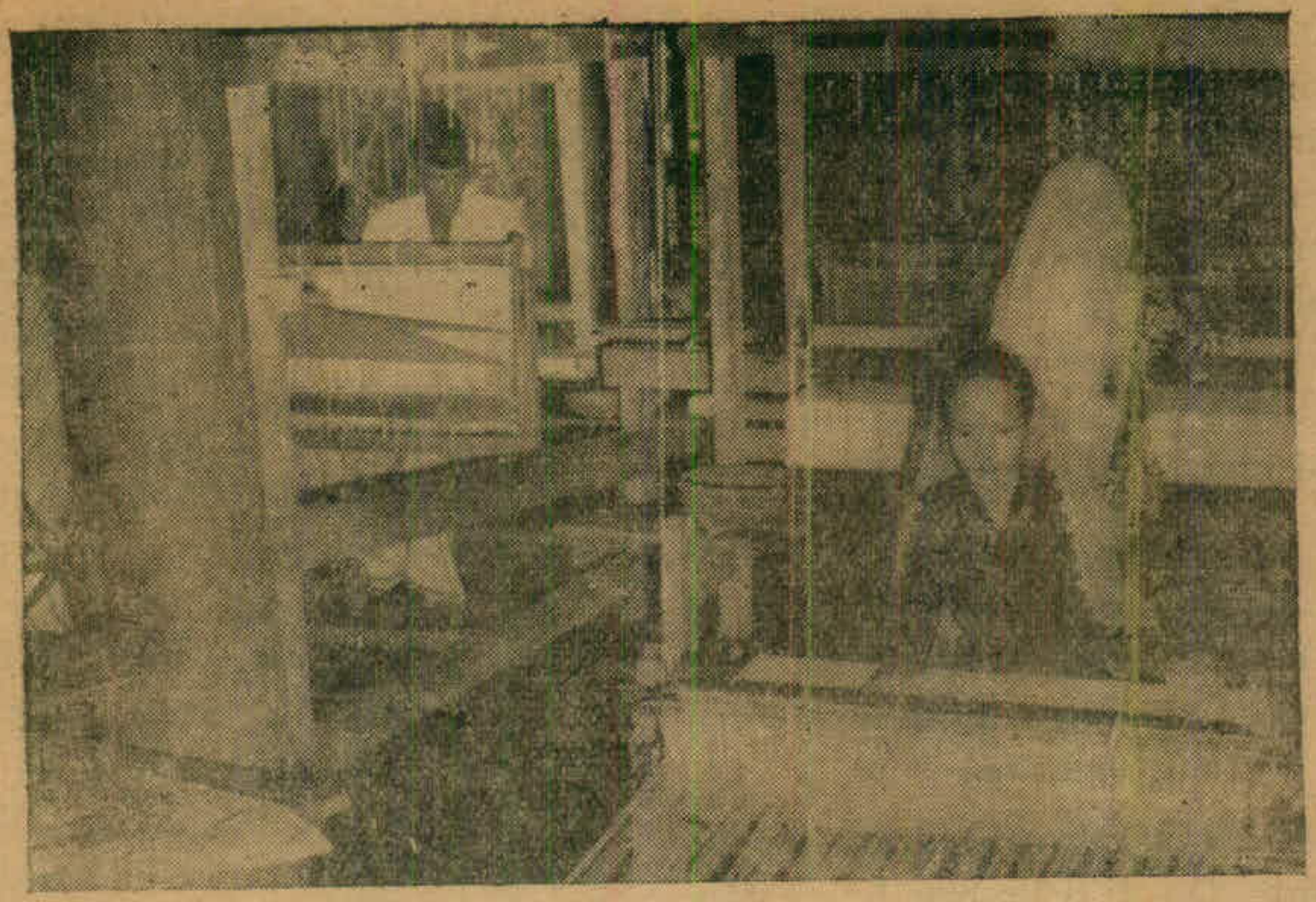

Khung cửi cổ truyền vẫn cố gắng tìm một chỗ tồn tại bên khung cửi có tính cách máy móc và tiến bộ hơn (chàm Châu-Đốc)

việc cấm đoán này, do thời cuộc, đã mất đi một phần nào hiệu lực, vì giới thanh niên thường đi làm ăn xa bắt buộc phải để tóc. Tuy nhiên, những người lưu lại trong thôn xã hầu hết đều giữ tập tục cạo trọc đầu như cũ.

Giới thanh niên bình dân đi ra ngoài vận sarong đủ loại màu do địa phương tự dệt lấy với một kỹ thuật đặc biệt của họ; áo « sơ mi » thường bỏ ngoài và đầu đội mũ (ka peah) phần nhiều bằng nỉ màu đen, đôi khi màu đỏ sậm. Cần chú ý là mũ nầy cần phải đội cả khi ở trong nhà lẫn khi có khách.

Những người lớn tuổi thì mặc một thứ áo tay dài và rộng, cổ đứng (kiểu áo du từ nhập Mã-Lai ?) đầu đội mũ trắng. Trong các buổi họp long trọng hơn, người ta vấn thêm lên một vành khăn của Hadji.

Với những ngôi thứ minh định như vậy, không có sự biệt phân giàu nghèo và sự cách biệt giữa các địa vị xã hội.

Mẫu người được trọng vọng kính nể là mẫu người đạo đức — dù là còn ít tuổi — uyên thâm giáo lý, có thể giảng giải kinh sách Á-Rập, Mã-Lai một cách trôi chảy và dĩ nhiên là họ đã có thể nói được hai thứ tiếng này. Sự tăng tiến địa vị xã hội được thực hiện theo lối kể trên. Cảm tình và sự hâm mộ trong quần chúng đối với mẫu người nầy được diễn tả trong sự đua nhau thỉnh mời họ đến viếng nhà mình và nhân đó, xóm giềng đến nghe giảng giải kinh sách và dùng cơm.

Có điểm đặc biệt là tất cả những buổi hội họp kể trên, người ta chỉ thấy hoàn toàn đàn ông và đàn ông không mà thôi. Nguyên nhân là phụ nữ hầu

như có một cuộc sống riêng biệt, sau bức màn kín đáo. Một người vợ đang trò chuyện với chồng, bỗng có khách lạ đến nhà, thì người vợ lui vào nhà trong tức thì để không bao giờ xuất hiện lại nữa. Nếu vị khách lạ này có vợ đi theo thì thường người vợ khách này phải vào nhà trong chớ không cùng ngồi tại nhà ngoài tiếp chuyện.

Một cô gái đến tuổi dậy thì là phải bắt đầu sống cuộc đời cấm cung « khuê môn bất xuất », không bao giờ được tiếp chuyện với con trai, dù người con trai đó ở trong họ hàng.

Người con gái thường được các bà già hướng dẫn đi thăm bạn bè về đêm mà thôi, và dường như đó là lối liên lạc duy nhất của họ với bên ngoài.

Do đó, phần lớn các cô gái đều chuyên thêu thùa, dệt vải, vốn là những công việc thích hợp với thân phận của họ.

Cho đến khi lấy chồng, người con gái mới được đi đó đi đây, và lại cũng còn tùy ý thích của người chồng. Ngoài ra, khi đi ra ngoài họ không bao giờ được để đầu trần, mà phải đội một chiếc khăn luôn luôn. Người nào đi ra đường mà để đầu trần thì bị xem là người đàn bà hư hỏng.

phục của phụ nữ theo nguyên tắc phải che phủ toàn thân chỉ chừa bàn tay và gương mặt.

Thực tế, nguyên tắc này chỉ áp dụng đối với y phục hành lễ. (xem ảnh)

Còn bình thường, họ mặc chăn phủ gót, áo dài khởi đầu gối, cổ cao như cổ áo dài Việt-Nam, nhưng gài nút hàng giữa. Về nữ trang, họ chỉ đeo trong dịp lễ cưới : cũng có hoa tai, chiếc vòng, dây chuyền v. v...

Nguyên tắc cách biệt nam nữ đã khiến phụ nữ không được đến dự Thánh lễ tại các Thánh đường. Nhưng vì Hồi-giáo buộc mỗi người đều phải hành lễ, nên họ chỉ thực hiện việc đó riêng biệt từng nhà. Hoặc có khi, nếu thuận tiện, họ tổ chức chung tại một nhà nào đó, nhưng địa điểm đó chỉ có tính cách hoàn toàn giai đoạn — nhất là trong các đêm thuộc tháng Ramadan — mà thôi, không có Thánh đường dành riêng cho họ. Với các ràng buộc kể trên, địa vị phụ nữ trong xã hội bị liệt vào hàng thứ yếu, hôn nhân chỉ một bước giải thoát cho họ nhưng lại tạo thêm một số nghĩa vụ mới. Tuy nhiên, dù sao có chồng thì phạm vi hoạt động cũng được nới rộng hơn, ngoài khuôn khổ của căn nhà.

Gần đây, một số được theo chồng rời khỏi thôn ấp, chung đụng trực tiếp với xã hội người Việt. Và chính hạng phụ nữ này, khi trở về quê, mặc dù vẫn còn quá e ngại với những ràng buộc của tập tục, cũng đã dần dà tỏ ra dạn dĩ hơn trong việc đi đứng. Đó chỉ mới là khởi điểm của một hiện tượng, chưa rõ trong tương lai sẽ thế nào.

Mặt khác, phong trào cơ khí hóa đã tràn vào ngành dệt, tất nhiên khung cửi cổ truyền của họ theo luật đào thải phải lui bước và chỉ còn thoi thóp với một số hàng chuyên môn, cần nhiều thủ công và khéo léo. Nền kinh tế gia đình của họ do đó đã bắt đầu chuyển hướng.

DOHAMIDE

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Mấy ý-kiến về phê-bình văn-học

NẾU hiểu văn-học là một suy-nghĩ *về* văn-chương và suy-nghĩ như một khoa, có thể có khoa-văn hay văn-học không ?

Ngày nay, viết hay giảng dạy phê-bình văn-học, lý-luận văn-học, văn-học-sử đã trở thành một sự-kiện hầu như hiển-nhiên và tất-nhiên phải có.

Trong chương-trình giáo-khoa cũng như trong sinh-hoạt văn-hóa, nói chung, bên cạnh sáng-tác văn-chương, sinh-hoạt văn-học có một chỗ đứng vững-chải không ai chối cãi. Nhưng nếu coi đời sống văn-hóa nói chung và văn-nghệ nói riêng như một lịch-trình tiến-triển không ngừng, thì không có cái gì là hoàn-tất, hiển-nhiên cả. Mọi giá-trị đều có thể kiểm-điểm lại ; mọi quan-niệm tư-tưởng đều có thể xét lại và sau cùng phải nhận rằng chính những nỗ-lực duyệt lại đó là động-cơ thúc-đẩy sinh-hoạt văn-hóa, văn-nghệ phát-triển và trở nên phong-phú mãi mãi.

Viết hay giảng dạy văn-học bao-hàm một niềm tin *có* khoa-văn, có văn-học-sử như nền-tảng của dự-định phê-bình, lý-luận về văn-chương. Người ta có quyền hoài-nghi niềm tin-tưởng đó và tự hỏi : Có thể có khoa-văn, hoặc văn-học-sử không ? Căn-cứ vào đâu mà quả-quyết có văn-học, hay văn-học-sử để có thể viết hoặc giảng dạy văn-học ?

Nói cách khác, lòng tin có văn-học, văn-học-sử xây trên một quan-niệm, hay những chủ-đích nào và những chủ-đích đó có chính-đáng không ?

Thiết-tưởng những người làm công-tác nghiên-cứu, phê-bình, lý-luận văn-học đều nhằm mục-đích giới-thiệu, giải-thích, cắt-nghĩa tác-phẩm văn-chương, đưa độc-giả tới chỗ hiểu biết, thông-cảm đứng-đắn với tác-phẩm văn-chương. Sinh-hoạt văn-học đi liền với sinh-hoạt văn-chương ;

phê-bình giới-thiệu đi sát với sáng-tác để phục-vụ sáng-tác, phục-vụ độc-giả.

Nhưng trong thực-tế, các nhà văn-học có đạt tới chủ đích trên không ? Trong lịch-sử phê-bình, nghiên-cứu lý-luận về văn-học, đã xuất-hiện nhiều quan-niệm khác nhau, căn-cứ vào tâm-lý-học, xã-hội-học, sử-học hay triết-học v. v... nhưng đều giống nhau ở lập-trường căn-bản, ở ý-hướng nền-tảng. Chính ý-hướng nền-tảng này không làm cho công-trình nghiên-cứu đạt tới chủ-đích là phục-vụ văn-chương và sự *không thể* đạt tới đó làm cho ta có quyền hoài-nghi có thể có khoa-văn, văn-học.

Ý-hướng nền-tảng, lập-trường căn-bản chung cho nhiều quan-niệm khác nhau trên về phê-bình, nghiên-cứu, lý-luận văn-học có thể gọi là một ý-hướng « cắt nghĩa ».

Cắt nghĩa là một phương-pháp của khoa-học thực-nghiệm, cắt nghĩa một sự-kiện là ràng buộc sự-kiện đó với một điều *khác* nó, hoặc đặt sự-kiện đó vào một tương-quan có ý-nghĩa liên-hệ với những sự-kiện khác. Áp-dụng ý-hướng cắt nghĩa trong công-tác văn-học là tìm giải-thích tác-phẩm văn-chương *bằng những cái không phải* là văn-chương.

Người ta lấy yếu-tố kinh-tế, chính-trị, xã-hội, tâm-lý để cắt nghĩa sự-kiện văn-chương, hoặc là đặt sự-kiện văn-chương vào trong tương-quan những yếu-tố kinh-tế, chính-trị, xã-hội tâm-lý để tìm thấy ý-nghĩa của văn-chương trong tương-quan đó.

Căn-cứ vào ý-hướng cắt nghĩa, có thể phác họa một lược-đồ của công-trình biên soạn văn-học : trình-bày tiểu-sử thời-đại, hoàn-cảnh gia-đình, xã-hội, môi trường giáo-dục, qui-định tính-tình và sinh-lý, ảnh-hưởng đã nhận được, tư-tưởng, ý-thức-hệ... Sau một công-trình phân tách phê bình văn-học theo lược đồ trên, người ta có thể thu hoạch được nhiều kiến-thức về tâm-lý-học, sử-học, xã-hội-học, nhưng người ta không thấy tác-phẩm được phân-tách còn là một tác-phẩm văn-chương nữa. Đã hẳn người ta có quyền làm như trên nếu ý-hướng biên-khảo nhằm chủ-đích tìm hiểu tâm-lý, xã-hội, sử-ký, triết-lý qua văn-chương.

Nhưng nếu chủ-đích là tìm hiểu văn-chương, người ta đã xóa bỏ chủ-đích đó khi biên soạn văn-học theo lược đồ trên vì đã bỏ quên tác-phẩm với tư cách là tác-phẩm văn-chương.

Khuynh hướng « cắt-nghĩa » « giải-thích » văn-chương đưa tới chỗ coi tác phẩm văn-chương chỉ là kết-quả của một số nguyên-nhân hay là tổng cộng của một số dữ-kiện : tâm lý, chính-trị, kinh-tế, xã hội, sinh-lý, lịch-sử ; hoặc văn-chương chỉ là *phản-ảnh* của những thực tại trên, chữ phản-ảnh hiểu theo nghĩa tiêu-cực, thụ-động (như khi nói cái bóng là phản-ảnh của một vật).

Nếu hiểu tác-phẩm văn-chương chỉ là một phản ảnhhay là một kết-quả của những yếu-tố khác không phải văn chương tạo thành, văn-chương không phải là một thực-tại có như một hiện-hữu tương-đối tự-lập, nghĩa là gồm chứa những tính-chất đặc-biệt xác-định nó *là* văn-chương ; và do đó văn-chương chỉ còn là một sự-kiện xã-hội như trăm nghìn sự-kiện xã-hội khác mà người ta có thể phân-tách, cắt nghĩa bằng xã-hội-học, tâm-lý-học, kinh-tế-học hay bằng những kiến-thức chuyên-môn

khác. Riêng về văn-học-sử, người ta còn vấp phải một khó khăn đặc-biệt sau đây : Làm văn-học-sử, chẳng hạn văn học sử của một quốc-gia, tức là khảo-sát tất cả những tác-phẩm văn-chương của quốc-gia đó từ lúc mới thành hình cho đến ngày nay.

Trước khi khảo-sát, các tác-phẩm còn ở tình-trạng rời-rạc, phân-tán. Xây-dựng văn-học-sử là tìm cách sắp xếp, phân loại, định trào-lưu, thời-kỳ các tác-phẩm thành một lịch-trình diễn-tiến liên-tục và liên-hệ. Trong văn-học-sử, mỗi tác-phẩm, mỗi tác-giả có một vị-trí nhất-định *liên-quan* với những vị-trí của các tác-phẩm khác trong một trào-lưu, hay trong một thời-đại. Công việc của nhà biên-soạn văn-học-sử là đặt một liên-lạc luận-lý giữa các tác-giả trong một hệ-thống toàn-bộ mạch-lạc.

Nhưng ý-định hệ-thống hóa đó có thể mâu-thuẫn với tính-cách độc-đáo của mỗi tác-giả và do đó có thể tiêu-diệt cái vẻ độc-đáo của tác-giả khi thực-hiện được ý-định hệ-thống-hóa. Nhà văn nào, nhất là khi họ là một thiên-tài, đều có một vẻ riêng, một phong-cách chứa đựng những cá-tính riêng xác-định nhà văn này *khác* với nhà văn kia. Như thế muốn hiểu nhà văn trong cái vẻ riêng biệt của họ, phải đi vào trong tác-phẩm của họ với ý-định tôn-trọng toàn-vẹn cá tính của tác-phẩm.

Trái lại, khi làm văn-học-sử, chủ đích của nhà biên-soạn là mong đạt được một tương-quan giữa nhà văn này với nhà văn kia, nghĩa là chỉ đi tìm cái giống nhau trong các nhà văn để nối sợi dây liên-hệ. Ý-định đó có thể gạt bỏ cá-tính, phong-cách độc-đáo của mỗi nhà văn.

Trong ý-định đó, nhà văn thay vì xuất-hiện như một đỉnh cao, tự-lập, tự-mãn với mọi vẻ riêng biệt của mình, chỉ còn là một gạch nối có công-dụng tiếp-tục chỗ đứng của người đi trước và sửa-soạn chỗ đứng của người đến sau như trong cuộc xếp hàng. Đang là trung-tâm tuyệt-đối, nhà văn trở-thành một điểm liên-lạc, một mốc chỉ đường.

Ở nền-tảng, người làm văn-học-sử phải tin-tưởng rằng tác-phẩm không bao giờ là một sự-kiện ngẫu-nhiên, nhưng là một sự-kiện xuất-hiện trong những qui-định nào đó ; như thế nó có một ý-nghĩa liên-quan với những sự-kiện khác và do đó có thể xếp hạng, xây-dựng tổng-hợp.

Nhưng nếu văn-học-sử thể-hiện được tánh-cách liên-tục và liên-hệ của lịch-sử văn-học, sự thể-hiện đó có thể hy-sinh cá-tính, vẻ độc-đáo của mỗi tác-giả hầu như không thể bị giản lược mà không *mất* cá-tính, sắc-thái, riêng biệt. Vì thế, làm văn-học-sử, có thể rơi vào chỗ bỏ quên chính tác-phẩm văn-chương để chứng-minh một ý-tưởng về văn-chương đôi khi ở *ngoài* tác-phẩm. Nhất là trường-hợp những người có một quan-điểm sẵn về văn-học, một lý-thuyết về văn-học, thường đi vào công việc nghiên-cứu một văn-học với ý-định dùng nền văn-học đó chứng-minh quan-điểm, lý-thuyết về văn-học của mình. Dĩ-nhiên, với một ý-định như thế, người ta dễ « cắt xén » xóa bỏ cá-tính, để chỉ tìm những yếu-tố phù-hợp với đường-lối giải-thích, lập-trường tổng-hợp của mình. Thực ra, dù không có ý-định cắt xén, xóa bỏ, người ta cũng thực-sự xóa bỏ, cắt xén, vì chủ-đính nghiên-cứu văn-học theo một quan-điểm đã định sẵn sẽ che giấu sự thật, không làm cho người nghiên-cứu thấy những gì không vừa lọt vào ống kính nhìn một chiều của họ.

Kết-quả là nhà biên-soạn văn-học-sử « bạo-động » với tác-giả, tiêu-diệt bản-ngã của họ, vì đã chỉ muốn dùng họ để chứng-minh một tư-tưởng, một lý-thuyết. Rút cục, người ta muốn tìm hiểu văn-chương, lại gạt bỏ văn-chương trong công trình nghiên-cứu, tìm hiểu.

Thái-độ làm văn-học-sử như trên cũng còn có thể tìm thấy trong công-tác lý-luận văn-học. Nhà lý-luận văn-học đề ra những nguyên-lý tiên-nghiệm, những tiêu-chuẩn có sẵn về văn-học, rồi căn-cứ vào những tiêu-chuẩn, nguyên-lý đó để xác-định ý-nghĩa, giá-trị tác-phẩm văn-chương như thể tác-phẩm chỉ là những *áp-dụng thực-nghiệm* những tiêu-chuẩn thẩm-mỹ vẫn có trước từ muôn thuở.

Tác-phẩm có giá-trị hay không, có giá-trị nhiều hay ít đều tùy ở chỗ có đạt được nhiều hay ít những tiêu-chuẩn tiên-nghiệm đó.

Trong một chủ-đích nghiên-cứu phê-bình văn-chương như vậy, đã rõ là nhà phê-bình, lý-luận văn-học không còn coi tác-phẩm văn-chương như là *cứu-cánh*, mà chỉ còn là phương-tiện hay dụng-cụ. Phương-tiện diễn-tả của những kiến-thức tâm-lý, xã-hội, lịch-sử; dụng-cụ chứng-minh những nguyên-lý của một mỹ-học tiên-nghiệm.

Nhưng làm văn-học như thế là *đứng ngoài* tác-phẩm hay đã gạt bỏ tác-phẩm vì chủ-đích không còn là tìm hiểu tác-phẩm văn-chương vì văn-chương, cho văn-chương, mà là tìm hiểu xã-hội, tâm-lý, triết-lý, thẩm-mỹ.

Thật đúng như lời một nhà sáng-tác đã phàn nàn : « Một nhàphê-bình tự-phụ cắt nghĩa một tác-phẩm bằng tất cả những gì không có trong tác phẩm đó » (Claude Roy). Paul Valéry, còn hằn-học hơn nữa với người phê-bình, lý-luận văn-học : « Nếu có thể có một mỹ-học, thì nghệ-thuật sẽ phải tan biến trước mỹ-học đó » (1).

Công-tác văn-học nhằm phục-vụ sinh-hoạt sáng-tác mà rút cục, chỉ là lợi-dụng sáng-tác để phục-vụ những mục-tiêu khác, cho nên văn-học không còn lý-do tồn-tại. Tác-giả không tin-tưởng ở người phê-bình được vì khi nghe nhà phê-bình nói về mình với độc-giả, tác-giả có cảm-tưởng nhà phê-bình nói về một ai nào đo, hay về một vấn-đề gì khác, không phải về mình hay về văn-chương. Nói cách khác, tác-giả không thấy mình, *như mình cảm nghĩ* trong lời phê-bình giải-thích của nhà văn-học.

Trong viễn-tượng đó, phải chăng không thể có một khoa văn, vì thiếu một *nền-tảng* biện-chính cho sự hiện-hữu của nó.

Khi phê-bình, lý-luận văn-học, nhà văn-học phải căn-cứ vào những *tiêu-chuẩn* để giải-thích, cắt nghĩa, xếp hạng, xác-định giá-trị nghệ-thuật. Nhưng vấn-đề là có tiêu-chuẩn không?

Trong thực-tế sinh hoạt văn-học, hoặc là người ta đã căn-cứ vào những tiêu-chuẩn không phải là *tiêu-chuẩn nghệ-thuật* do đó, đã đặt văn-chương trên một nền tảng ở *ngoài* vũ-trụ nghệ thuật, cho nên không thể chấp-nhận được; hoặc là người ta căn-cứ vào những tiêu-chuẩn nghệ-thuật, nhưng những tiêu-chuẩn đó thực sự c· không, hay nếu có, thì có xác đáng không? Thực ra, không có những tiêu-chuẩn nghệ-thuật có

(1) Si l'esthétique pourrait être, les arts s'évanouissent devant elle.

tính-cách khách-quan, phổ-biến, áp-dụng khắp nơi và mọi lúc vì mỗi nhà văn, mỗi trào-lưu văn-chương hình như sáng-tác trên căn-bản phủ-nhận những tiêu-chuẩn nghệ thuật bao-hàm trong sáng-tác của những người đi trước. Chính vì thiếu tiêu-chuẩn phổ-biến và bất-biến, mà có sự chia rẽ giữa các nhà văn-học trong việc xác định giá-trị tác-phẩm và việc lựa chọn, phân loại tác-phẩm. Ví dụ: trong một tập tuyển thơ văn, phải chọn ai, bỏai và căn-cứ vào những tiêu-chuẩn gì? Thật rất khó giải-quyết. Có nhiều người đương thời bị khinh-chê bỏ quên, mãi về sâu mới được khám-phá ra, hoặc ngược lại. Sự lựa chọn, xác-định giá-trị càng khó-khăn hơn bội-phần khi phải soạn-thảo, giới thiệu, lựa chọn và phê-bình văn-chương hiện-đại.

Chính vì sự thiếu những tiêu-chuẩn làm nền tảng, mà người ta có quyền hoài-nghi có thể có văn-học như một khoa-văn.

Nhưng không thể xóa bỏ được khoa-văn, sinh-hoạt nghiên-cứu, phê-bình văn-học. Cho nên phải tìm một lối thoát cho cảnh bế-tắc mà khoa văn đã bị ý-hướng « cắt nghĩa » nơi trên đưa vào.

Thiết-tưởng có thể tìm được một lối-thoát nếu nhà văn-học thay thế ý-hướng cắt nghĩa bằng ý-hướng « lý-hội ». Lý-hội là tìm hiểu, nhưng không phải bằng cắt nghĩa, mà bằng khai-triển. Cắt nghĩa một sự-kiện là coi sự kiện *tự nó* không có ý-nghĩa, và phải ràng buộc nó với một cái gì khác nó để cho nó một ý-nghĩa. Lý-hội một sự-kiện là coi sự-kiện tự nó có một ý-nghĩa nội-tại, không cần ràng buộc nó với những cái không phải là nó. Cho nên muốn hiểu sự-kiện đó, chỉ cần đi vào bên trong để lĩnh-hội nó và bày tỏ nó ra, khai-triển cái ý-nghĩa bao-hàm trong nó, còn ở tình-trạng bị che giấu, để làm cho nó xuất-hiện như một cái gì ẩn-náu sau một tấm màn và muốn trông thấy, chỉ cần vén màn lên, để cái đó được phơi bày ra, được mặc-khải, được mở ra.

Tìm hiểu một tác-phẩm văn-nghệ là rút ra, khai-triển để bày tỏ cái ý-nghĩa, những tiêu-chuẩn qui-định sự cấu-tạo tác-phẩm bao-hàm ngay trong chính tác-phẩm đó.

Ý-hướng « lý-hội » là một ý-hướng tìm hiểu, căn-cứ vào sự tôn-trọng những tính-chất đặc-biệt, xác-định một tác-phẩm là tác-phẩm văn-nghệ và tìm hiểu chỉ là tìm cách khai-triển những tính-chất đó để bày tỏ nó ra.

Đã hẳn trong khi đi vào tác-phẩm, nhà văn-học sẽ bắt gặp những yếu-tố không phải là văn-chương, và cũng có thể thiết-lập những tương-quan giữa văn-chương với những yếu-tố đó. Nhưng vấn-đề quan-trọng ở đây là xác-định bản-chất và giới-hạn của những tương-quan đó. Tác-phẩm văn chương có thể là một phản-ảnh hay một điểm liên-lạc, nhưng nhất-định không phải *chỉ là* phản-ảnh hay điểm liên-lạc.

Nhà văn sống trong một hoàn-cảnh đời và sáng-tác là một cách thế thể-hiện cuộc đời mà nhà văn đã sống. Cho nên những chất-liệu nhà văn dùng để xây-dựng tác-phẩm đều lấy ở cuộc đời. Chính vì thế mà người ta có thể tìm thấy tâm-lý, triết-lý, xã-hội, kinh-tế, chính-trị v.v... trong tác-phẩm hoặc dưới hình-thức ảnh-hưởng qui-định, hoặc dưới hình-thức đề-tài, chất-liệu...

Nhưng tất cả những yếu-tố đó được nhào nặn, xếp đặt, xây-dựng như một

tác-phẩm văn-chương, nghĩa là được biểu-hiệu theo những qui-luật riêng biệt của nghệ-thuật, chứ không phải được xây-dựng như một tác-phẩm biên khảo. Cho nên, ý-hướng tìm hiểu tác-phẩm văn-chương phải nhằm rút ra, khai-triển các ý-nghĩa đặc-biệt của một cuộc đời xuất-hiện như một vũ-trụ nghệ-thuật. Trong viễn-tượng đó, không thể hiểu văn-chương phản-ảnh cuộc đời thực sự theo một nghĩa tiêu-cực thụ-động như thể văn-chương là *sản-phẩm* của thực-tại trong một biểu-hướng song song: có hiện-tượng xã-hội..., tất nhiên có tác-phẩm văn-chương phản-ảnh như cái bóng của một sự vật. Vì tác-phẩm văn-chương là một vũ-trụ tương-đối tự-lập từ ý-hướng sáng tác đến qui-luật cấu-tạo, nên không có tương-quan nhân-quả tất-yếu giữa văn-chương và cuộc đời. Trong văn-học-sử, có nhiều tác-phẩm văn-chương lớn-lao không phản-ảnh những biến-cố lớn lao nào về chính-trị, xã-hội, hoặc ngược lại, có những thời-kỳ nhiều biến-cố lịch-sử lớn lao đã xảy ra mà không thấy có tác phẩm văn-chương phản-ảnh. Do đó, phải nhận văn-chương là một lĩnh-vực tương-đối biệt-lập mà muốn tìm hiểu, không thể ràng buộc giản lược nó vào một hiện-tượng phản-ảnh thụ-động, tùy thuộc, để giải thích nó bằng những cái không phải là văn-chương.

Về văn-học-sử cũng vậy. Tác-giả nào cũng liên-quan tới một khuynh-hướng, hay với những tác-giả khác vì nhà văn chỉ có thể sáng-tác trong một khung cảnh văn-hóa nhất-định. Lối nhìn đời và kỹ-thuật xây-dựng của mỗi người là độc-đáo, nhưng chỉ có thể tìm ra lối nhìn và kỹ-thuật xây-dựng tác-phẩm *của mình* từ một *tiếp-xúc*, làm quen với một khung-cảnh sinh-hoạt văn-nghệ. Nhà văn nào cũng đi con đường riêng của mình, nhưng chỉ tìm ra con đường riêng đó sau khi đã đi trên những con đường của người khác. Cho nên tương quan giữa các nhà văn không phải là như một sợi dây gồm những nút giống nhau; có ý-nghĩa là ở sợi dây, chứ không phải ở các nút tạo thành sợi dây đó; bởi vậy tương-quan giữa các nhà văn là một tương-quan xác-định bằng những phản ứng: người đi sau phủ nhận người đi trước, hay người đi trước tạo điều-kiện cho người đi sau phủ-nhận mà vượt qua để tìm con đường của mình. Tương-quan giữa các nhà văn là như dãy núi gồm nhiều đỉnh khác nhau, mỗi đỉnh có sắc-thái, cá-tính riêng của mình. Do đó vẫn có thể nghiên-cứu văn-học-sử, không phải để xóa bỏ cá-tính, bản-ngã của nhà văn, nhưng chính là để làm *nổi bật* lên bản-ngã riêng tư của mỗi người bằng cách trình-bày mỗi tác-giả như *khác biệt* với những tác-giả khác. Như thế người ta vẫn cứu-vãn được tính-cách liên-tục và liên hệ của văn-học-sử mà không phải hy-sinh bản-ngã của nhà văn. Nhưng đã rõ, nhà văn-học-sử chỉ đạt tới mục-tiêu đó với điều-kiện không bắt đầu làm văn-học-sử với một lý-thuyết tiên-nghiệm, nghĩa là dùng văn-học-sử chứng-minh một lý-thuyết có trước về văn-học. Nếu có một lý-thuyết về văn-học thì nó phải được rút ra từ chính công-trình khảo-cứu văn-học-sử, *sau khi* đã thực-hiện công-trình đó.

Quan-điểm nghiên-cứu là bao giờ cũng phải luôn luôn bám sát vào tác-phẩm và rút ra lý-luận, nguyên-lý về sáng-tác, phê-bình từ chính tác-phẩm. Do đó, không có những nguyên-lý tiên-nghiệm về sáng-tác cũng như về phê-bình. Nếu có những tiêu-chuẩn phổ-biến, và bất-biến, thì chỉ ở bình-diện mà ta gọi là thẩm-mỹ-học

tổng-quát nhằm mục-đích xác-định thế nào là một tác-phẩm văn-nghệ *khác* với những tác-phẩm không phải văn-nghệ. Ví-dụ: tiểu-thuyết khác với cuốn biên-khảo về sử. Xác-định cái khác nhau, là xác-định yếu-tính, bản-chất của mỗi sự vật như yếu-tính của tiểu-thuyết là cái tưởng-tượng không thể kiểm chứng và yếu tính của cuốn sử là sự-kiện có thể kiểm chứng (1). Nhưng công việc xác-định đó chưa phải là phê-bình văn-học.

Trong phê-bình văn-học, vấn-đề đặt ra là có những tiêu-chuẩn phổ-biến xác-định giá-trị nghệ-thuật của tác-phẩm hay những tiêu-chuẩn chỉ-đạo việc xây-dựng tác-phẩm không ? Không có, mỗi nhà văn trong khi sáng-tác, dựa vào những tiêu-chuẩn chính mình đề ra. Cho nên không có một mỹ-học độc nhất chung cho mọi người, nếu có thì đã không có lịch-sử văn-học vì tất chỉ có một loạt tác-phẩm giống nhau mà thôi. Nhưng như trên đã nói, sở dĩ có lịch-sử vì có sáng-tạo, có nỗ-lực khám-phá những con đường mới ; do đó có nhiều tác-phẩm khác nhau biểu-lộ nhiều mỹ-học khác nhau.

Nếu không có nguyên-lý, tiêu-chuẩn khách-quan phổ-biến trong công-trình quan-niệm và xây-dựng tác-phẩm, nhiệm-vụ của nhà phê-bình không còn phải là đề ra những tiêu-chuẩn khách-quan và đánh giá tác-phẩm theo những tiêu-chuẩn đó như thể tác-phẩm chỉ là một áp-dụng nguyên-lý văn-học tiên-nghiệm. Nhưng nhà phê-bình tìm hiểu tác-phẩm bằng cách rút ra những tiêu-chuẩn sáng-tác bao-hàm trong chính tác-phẩm và nhân-danh những tiêu-chuẩn đó để xác-định giá-trị của tác-phẩm.

Như thế, phê-bình, nghiên-cứu văn-học chỉ là *ý-thức* của sáng-tác, nghĩa là bao giờ cũng *đi sau* tác-phẩm. Nhiệm-vụ của nhà phê-bình là *mô-tả* bày tỏ những tiêu-chuẩn thẩm-mỹ rút ra từ chính tác-phẩm và *phê-bình* tác-phẩm căn-cứ vào chính những tiêu-chuẩn trên đó tác-phẩm đã được xây-dựng, cấu-tạo.

Vậy không có một mỹ-học, mà có thể có nhiều mỹ-học. Mỗi mỹ-học có giá-trị đặc-biệt của mình. Những mỹ-học chỉ *khác* nhau, chưa hẳn là hơn nhau. Do đó, giá-trị nghệ-thuật của một tác-phẩm là tùy ở mức độ đạt tới tiêu-chuẩn của mỹ-học bao-hàm trong tác-phẩm.

Trong một viễn-tượng như thế, công-tác phê-bình, nghiên-cứu văn-học được *biện-chính* vì nhằm phục-vụ *tác-phẩm* nhằm tìm hiểu và làm cho độc-giả hiểu tác-phẩm như cứu-cánh của sự đọc và phê-bình.

Nhiệm-vụ của nhà văn-học là *đưa tới* tác-phẩm, sửa-soạn cho độc-giả đi đến tác-phẩm và khi đã tới nơi, người phê-bình tự xóa đi, để chỉ còn tác-phẩm xuất-hiện như tác-phẩm văn-chương, nhưng ở giai-đoạn *ý-thức* ; nhà văn-học cũng như người hướng-dẫn du-khách, hay người mối lái, khi đến nơi tự xóa để du-khách trực-tiếp với cảnh vật hoặc để những đương-sự trực-tiếp giao-thiệp với nhau...

Nếu công-tác văn-học được biện-chính vì nó có một ý-nghĩa : sửa soạn đưa tới tác-phẩm, có một nền tảng, dựa trên những tiêu-chuẩn nghệ-thuật rút ra từ tác-phẩm, thực ra nó chỉ lợi-ích và cần-thiết cho độc-giả và có thể nói nó thừa vô-ích đối với tác-giả.

(1) Xem « Xây-dựng tác-phẩm tiểu-thuyết » trang 61...

Trong quan-niệm coi phê-bình văn-học là *ý-thức* của sáng-tác, phê-bình bao giờ cũng đến sau tác-phẩm và do đó chỉ nhằm trình-bày *cái đã có*. Cho nên ý-hướng phê-bình này thiết-yếu là *bảo-thủ* vì nó chỉ muốn trung thành với cái đã có, cái đã sáng tạo do các nhà văn. Nhưng đối với nhà văn, cái cốt-yếu, lý-do tồn-tại của mình là sáng-tạo, nghĩa là phủ-nhận. Như thế nhà văn là người luôn luôn bất-mãn với tác-phẩm đã ra đời, với cái đã có. Sáng-tạo là một vận-chuyển biện-chứng dệt bằng những hủy-diệt liên-tiếp: phải từ chối cái có mới vươn tới cái chưa có. Không một nhà văn nào thỏa-mãn với sự nghiệp, dừng lại ở những tác-phẩm đã ra đời. Nếu dừng lại, phải coi người đó như đã chết và thuộc về văn-học-sử.

Nếu nhà văn luôn luôn hướng về sáng-tạo, không thể không phủ-nhận mỹ-học của những tác-phẩm cũ, hoặc phủ-nhận mỹ-học của những người đi trước. Trong cuốn «Xây-dựng tác-phẩm tiểu-thuyết» tôi đã thử đưa ra ba quan-niệm khác nhau về xây-dựng tiểu-thuyết. Ba quan-niệm bao-hàm ba mỹ-học khác nhau. Nhưng đã hẳn không phải lịch-sử tiểu-thuyết sẽ dừng lại ở quan-điểm thứ ba. Sẽ còn nhiều quan-niệm khác. Chắc chắn như thế vì đó là điều-kiện sống còn của sinh-hoạt văn-chương.

Nhưng những quan-niệm mỹ-học tương-lai đó là gì? nhà phê-bình không biết chi hết, không thể đề ra trước như những tiêu-chuẩn tiên-nghiệm, có sẵn, nhà phê-bình chỉ biết chờ đợi, chờ đợi những sáng-tác mới sẽ khai-phá những con đường mới đưa tới những chiều hướng mới.

Đó là giới-hạn thiết-yếu của công-tác nghiên-cứu, phê-bình văn-học và nó chỉ có lý-do tồn tại, được biện-chính trong những giới-hạn đó.

Như thế, người ta thấy có thể có văn-học trong giới-hạn vừa phác-họa trên. Nó nhằm sửa soạn, dự-bị đưa độc-giả tới tác-phẩm và là cái để mà bị phủ-nhận, đối với tác-giả.

Nhưng cái bị phủ-nhận, cái cần bỏ đi không phải là vô giá-trị và không cần-thiết. Đối với tác-giả chú tâm vào sự sáng-tạo, phê-bình văn-học, văn-học-sử là cái cần phải phủ-nhận, cái không cần thiết, vì cái cần-thiết, quan-trọng là chính tác-phẩm. Nhưng bởi vì nó là cái để nhà văn *có thể* phủ-nhận cho nên cái không cần-thiết vẫn cần phải có trong vận-chuyển biện-chứng sáng-tác nghệ-thuật.

Vì chúng ta đã rõ, nếu không có lịch-sử văn-học, như là một thực-tại gồm tác-phẩm sáng-tác và phê-bình, nhà văn không có gì để phủ-nhận mà sáng-tác. Đối với nhà văn, sáng-tác là một khởi-điểm tuyệt-đối, nhưng khởi-điểm đó thực-sự bắt đầu từ một giai-đoạn nào đó của lịch-sử văn-học. Nói rõ hơn, nhà văn tạo ra một giai-đoạn mới nối-tiếp những giai-đoạn đã vượt qua.

Cho nên có thể kết-luận, khoa-văn hay công-tác nghiên-cứu, phê-bình văn-học là cần-thiết cho độc-giả và vừa cần-thiết vừa không cần-thiết đối với tác-giả; không cần-thiết để sáng-tác theo đường lối của phê-bình văn-học nhưng cần-thiết để sáng-tác bằng cách phủ-nhận những đường lối phê-bình văn-học đã được vạch ra.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ

(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543

B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.)

Wal er Shirra

Từ chuyến bay sáu vòng của Sigma 7 đến những dự tính khoa học không gian trong vòng 5 năm tới

NGUYỄN-MINH-DIỆU

HỒI đầu tháng mười vừa qua, Mỹ vừa bước thêm được một bước nữa trên con đường tiến vào kỷ nguyên chinh phục không gian. Với sự phóng phi thuyền Sigma 7 lên quỹ đạo các chuyên gia trong chương trình không gian, Mỹ đã thực hiện được một kết quả khá khả quan để có thể bắt đầu tin tưởng ở một sự thành công chắc chắn. Chuyến bay ra ngoài không gian lần thứ ba nầy đã diễn ra trong những điều kiện kỹ thuật gần như tuyệt hảo, độ chính xác lúc phi thuyền đáp về mặt đất có thể nói rất cao. Hai điều nầy là một điểm tiến bộ vì cách đây không lâu, mỗi lần phải phóng một phi thuyền như vậy các chuyên gia chương trình Mercury đã xúm lại làm việc hết sức mình và sau đó nhắm mắt chờ đợi sự thành công như chờ đợi một sự gì may rủi. Walter Schirra vừa cho họ một đảm bảo để họ thấy rằng con đường đi vào vũ trụ không đến nỗi gay go lắm như họ vẫn tưởng và ngay từ bây giờ một vài viễn tượng sáng sủa hơn đã mở ra cho họ. Dân chúng Mỹ cũng đã bắt đầu quen với nếp sống của kỷ nguyên không gian, kỳ bay nầy không còn làm họ hoặc ngạc nhiên, hoặc hồi hộp, hoặc náo nức như hai kỳ bay của Glenn và Carpenter trước nữa. Sau khi Schirra đã bay vào quỹ đạo rồi nhiều người Mỹ đã ngưng cuộc theo dõi để quay về xem tiếp trận đã cầu chung kết giữa hai hội Giants và Dodgers.

Vậy chuyến bay của Schirra đã diễn ra cách nào ? Chúng tôi xin thuật :

WALTER SHIRRA

Trung-tá Hải-quân Walter Marty Schirra sanh ngày 12 tháng 3 năm 1923 tại Hackensack (tiểu bang New-Jersey). Năm nay ông 39 tuổi. Từ nhỏ ông đã thích ngành hàng không, ông tốt nghiệp tại trường Hải-quân ở Annapolis. Tánh ông rất bướng bỉnh, mẹ ông từng nói : « thằng nầy không làm nên được chuyện gì, phá phách mãi rồi sẽ có ngày vào khám ».

Lúc chiến tranh Triều-Tiên bùng nổ ông được chỉ định làm phi công dự bị. Các bạn phi công của ông còn nhớ ông là một tên rất ngỗ, nhưng ai cũng phục tài bay của ông. Ở Triều-Tiên ông đã xuất trận 90 lần, được thưởng ba huy chương (một Distinguished Flying Cross và hai Air Medals) và bị khiển trách nặng nề một lần về tội đã lái phản lực cơ bay xà trên căn cứ khiến cả một dãy lều vải bị sập tan tành.

Sau đó ông được thuyên chuyển đến trung tâm Naval Air Test Center ở Patuxent (tiểu bang Maryland) rồi được chọn vào nhóm bảy phi hành gia của chương trình Mercury.

Trong sáu vòng bay trên Sigma 7 ông đã bay qua những nước sau đây :

Vòng thứ nhất : *Mỹ, Bermudes, Canaries, Sahara thuộc Tây-Ban-Nha, Mauritanie, Mali, Algérie, Niger, Tchad, République Afrique centrale, Congo, Ouganda, Kenya, Úc-Châu, Tân Calédonie, Fidji, Samoa, đảo Christmas, Mễ-Tây-Cơ.*

Vòng thứ hai : *Haute-Volta, Ghana, Guinée thuộc Tây-Ban-Nha, Gabon, Congo, Rhodésie - Nyassaland, Mozambique, Madagascar, đảo Salomon*

Vòng thứ ba : *Angola, Sud-Ouest africain, Tân Guinée, các đảo Marshall, Johnston và Hawaii.*

Vòng thứ tư : *Bahamas, Indonésie, các đảo Carolines, Wake và Midway.*

Vòng thứ năm : *Colombie, Vénézuéla Brésil, Guinée thuộc Anh, Phi-Luật-Tân, đảo Mariannes.*

Vòng thứ sáu : *Equateur, Pérou, Thái-Lan, Việt-Nam.*

Chiều ngày thứ ba 2 tháng 10, một trận bão tên Daisy hoành hành ở một nơi cách Porto-Rico 890 cây số về hướng Đông Bắc vì chuyển lấn xuống miền quần đảo Canaries khiến mọi người lo ngại có lẽ chuyến bay của Schirra sẽ phải hoãn lại vì thời tiết. Tuy vậy ở mũi Canaveral người ta vẫn tiếp tục chuẩn bị công việc ngày mai. Trung tá Walter Schirra và thiếu tá Gordon Cooper (người dự phòng thay thế Schirra trong trường hợp bất ngờ phút chót) được khám sức khỏe kỹ lưỡng.

Qua thứ tư 3-10, hồi 5 giờ sáng cuộc đếm thụt lùi bắt đầu. Đến 6 giờ 15 cuộc đếm phải ngưng lại mất 15 phút vì máy ra đa ở đài quan sát đặt tại quần đảo Canaries bị trục trặc. Do đó, giờ khởi hành trước định là 7 giờ sáng phải dời lại đến 7 giờ 16 phút.

Lúc giàn thang máy sắp sửa rời chiếc hỏa tiễn Atlas, Schirra nói to trong máy vô tuyến :

— « Sayonara ! » Máy móc chạy đều cả, có thể bấm nút được rồi

7 giờ 16 phút Hỏa tiễn bay vụt lên cao, phun một tia lửa chói mắt, và vài giây sau chỉ còn là một chấm sáng nhỏ trên bầu trời xanh không vẩn một chút mây.

7 giờ 21 Phi thuyền Sigma 7 được đặt vào quỹ đạo. Schirra cho biết : máy phân phát dưỡng khí và nhiên liệu hoạt động điều hòa. Chuyến bay nầy có cơ thành công hơn bốn chuyến bay trước (nếu kể cả 2 chuyến bay của Shepard và Grissom). Độ cao phi thuyền 161 cây số. Tốc độ phi thuyền 28240 cây số một giờ.

7 giờ 23 Cơ quan NASA chánh thức thông báo : chuyến bay tiếp tục một cách tốt đẹp, các máy điện tử trên Sigma 7 chạy đều. Đại tá John Powers, người thay mặt Schirra tại Canaveral nói thêm :

— « Schirra có thể bay ít nhứt 7 vòng ».

7 giờ 30 Schirra dùng bộ phận kiểm soát bán - tự - động để điều khiển phi thuyền, ông cho phi thuyền chúi 34 độ đối với đường chân trời.

7 giờ 34 Đài kiểm soát Mercury, cho hay Schirra đang liên lạc với trạm ra-đa đặt tại Nighia sau khi vượt qua không phận quần đảo Canaries.

7 giờ 45 Vệ tinh Telstar chuyển qua cho các đài vô tuyến truyền hình bên Âu-châu khúc phim chụp lúc phóng phi thuyền chính lúc nầy Schirra gặp rắc rối với bộ quần áo đặc biệt như Glenn và Carpenter trong hai kỳ trước. Nhiệt độ bộ quần áo tăng đến nỗi ở Canaveral có người đã đề nghị bỏ dở chuyến bay. Nhưng ngay đó Schirra đã tự điều chỉnh lấy và báo xuống đất :

« Nhiệt độ hạ rồi. Không có gì đáng cho chúng ta bàn qua cãi lại nữa ».

7 giờ 50 Schirra tuyên bố :

— « Thích lắm. Từ trong phi thuyền nhìn ra quang cảnh không gian đẹp vô cùng ».

8 giờ 15 Vệ tinh Telstar chuyển qua Âu-châu một vài hình ảnh trên phi thuyền Sigma 7.

8 giờ 45 Schirra nói với Carpenter : » mọi việc đều như ý »

8 giờ 52 Schirra trông thấy những đóm sáng như Glenn và Carpenter đã thấy. Có người đã gọi những đóm sáng nầy là hiệu ứng Glenn (effet Glenn). Các nhà bác học đã cắt nghĩa : những đóm sáng đó là lớp nước đá đóng ở phía ngoài phi thuyền rơi thành những mẫu nhỏ và phản chiếu ánh mặt trời.

Vòng đầu xung quanh trái đất đã bay xong, thời gian bay một vòng là 89 phút.

10 giờ 25 Schirra bắt đầu bay vòng thứ ba và thí nghiệm lối bay « thả trôi » ông tắt máy, Sigma 7 vẫn bay nhưng nhiên liệu thì không dùng đến nữa. Trong thời khắc biểu chuyến bay nầy các chuyên gia đã trù liệu Schirra sẽ thử bay hai lần như vậy (một lần lâu 47 phút trong vòng bay thứ ba, và một lần lâu 99 phút trong hai vòng bay thứ tư và thứ năm).

11 giờ 13 Schirra bay qua không phận Úc-Châu và Woomera, ở hai nơi nầy mọi người có thể nhìn thấy Sigma 7 bằng mắt thường.

11 giờ 57 Schirra bay xong vòng bay thứ ba. Cơ quan NASA cho phép Schirra bay đủ 6 vòng, khiến Schirra mừng quá la to một tiếng «Hallelujah».

Sau đó Schirra dùng bữa qua loa (chất prô-tê-in đựng trong ống dẻo) và chụp một vài bức hình của trái đất.

13 giờ 21 Schirra bay vòng thứ năm (tính đến lúc nầy ông bay được tất cả 225.000 cây số), và vẫn áp dụng lối bay « thả trôi ». Ông tiết kiệm nhiên liệu đến nỗi từ chối không chịu cho phi thuyền bay dịch qua một bên để

xem vệ tinh liên lạc Echo đang lửng lơ gần đó.

Lúc nầy Sigma 7 bay trên không phận bờ biển phía Đông-Nam lục địa Nam Mỹ và tiến về hướng Nam Đại-Tây-Dương.

15 giờ 04 Schirra bắt đầu bay vòng thứ sáu. Trên không phận Tây bắc đảo Hawaii ông được lịnh của đài Mercury bảo ông chuẩn bị đáp về Trái đất.

16 giờ 07 Schirra bấm nút các hỏa tiễn hồi tố.

16 giờ 27 Chiếc dù thứ nhứt và chiếc dù thứ hai mở ra.

16 giờ 28 Phi thuyền Sigma 7 đáp xuống biển, phía Đông-bắc đảo Midway cách chiếc hàng không mẫu hạm Kearsarge 9 cây số.

16 giờ 47 Chiếc Kearsarge tiến về phía Schirra. Các phi cơ trực thăng thả đoàn người ếch xuống biển để họ buộc phao vào chiếc Sigma 7.

Theo đúng truyền thống của hải quân Schirra dùng điện thoại xin đại tá Eugene Rankin, chỉ huy trưởng chiếc Kearsarge, phép lên tàu. Đại tá Rankin chấp thuận.

17 giờ 03 Phi thuyền Sigma 7 được trục lên chiếc Kearsarge và Schirra bước ra.

Các bác sĩ xem lại tình trạng sức khoẻ Schirra, nhận thấy Schirra không có dấu hiệu gì mệt mỏi hoặc đau yếu cả.

Như vậy Schirra đã bay lâu đến 9 giờ 14 phút, bay một quãng xa dài 249.500 cây số. Điểm gần nhứt của Sigma 7 khi bay đối với mặt đất là 161 cây số, điểm xa nhứt là 283 cây số. Chuyến bay đã mở cho ngành phi hành không gian Mỹ khá nhiều triển vọng. Các nhà bác học ở Canaveral đã khen ngợi Schirra không tiếc lời. Sigma 7 đã được trang bị đầy đủ để trong khi bay, Schirra có thể làm mấy cuộc thí nghiệm khoa học và quan sát một vài ngôi sao. Tuy nhiên mục đích chính yếu của chuyến bay vẫn là sự kiểm soát những khả năng kỹ thuật của phi thuyền. Các chuyên gia sẽ căn cứ vào những kết quả do Schirra thâu lượm được để đặt lại mức những nhu cầu về nhiên liệu, về dưỡng khí cho các phi thuyền trong những chuyến bay sắp tới. Schirra đã cho thấy rõ sở dĩ Glenn và Carpenter không bay được nhiều vòng là vì họ đã vô tình phung phí một số khá lớn nhiên liệu trong những cuộc điều khiển không cần thiết. Lối bay « thả trôi » mà Schirra đã thí nghiệm, đã giúp Schirra tiết kiệm được đến 35 % số lượng dầu, (lúc sắp sửa đáp về mặt đất Schirra còn trên phi thuyền 80 % dầu chưa dùng đến).

Một trong những kết quả cấp thời do chuyến bay nầy của Schirra đem lại là ngay từ bây giờ cơ quan N.A.S.A. có thể vững tâm tính đến những chuyến bay khác nhiều vòng hơn mà không cần lập lại một chuyến bay tương tự chuyến của Schirra như đã dự liệu nữa. Đến năm 1963 có lẽ Mỹ sẽ phóng một phi thuyền bay 18 vòng

ở ngoài không gian trọn 24 tiếng đồng hồ.

Tin Schirra thành công mỹ mãn trong chuyến bay trên Sigma 7 đưa đến Moscou giữa lúc mọi người ở đó đang ăn mừng lễ đệ ngũ chu niên ngày phóng Spoutnik I. Như vậy ta thấy trong vòng năm năm vừa qua loài người đã làm được những tiến bộ đáng kể để thực hiện lần lần giấc mộng ôm ấp từ lâu là đặt chân lên mặt trăng hoặc lên một hành tinh nào gần nhứt trong hệ thống mặt trời. Kiểm điểm lại ta thấy những gì ? Kể từ ngày 4 tháng 10 năm 1957 đến nay có hơn 100 vệ tinh nhơn tạo đã được phóng lên quỹ đạo, mặt trăng đã được một hỏa tiễn không người lái lên thăm, sao Vénus đã bị loài người gầm ghé, 7 phi hành gia đã làm những chuyến bay nho nhỏ trong không gian (trong số nầy có hai người là Nikolaïev và Popovitch đã bay suốt mấy ngày liền). Trong một hoặc hai năm gần đây chúng ta sẽ không ngạc nhiên chút nào khi nghe tin có những hỏa tiễn khổng lồ phóng lên không trung những mảnh rời để ráp thành những trạm liên lạc hành tinh. Hiện nay Nga đang sử dụng những hỏa tiễn có sức đẩy 450 tấn để phóng các phi thuyền Vostok và Mỹ xử dụng những hỏa tiễn Atlas có sức đẩy 150 tấn để phóng các phi thuyền Mercury. Theo tạp chí « U. S. News and World Report » thì Mỹ đang nghiên cứu cả một kế hoạch chế tạo những hỏa tiễn ngày một khổng lồ : năm 1963 Mỹ sẽ đưa ra loại hỏa tiễn Titan II sức đẩy 195 tấn, năm 1964-1965 loại Saturne C-1 sức đẩy 680 tấn, năm 1966 loại Saturne C 5 sức đẩy 3400 tấn và năm 1969 loại siêu hỏa tiễn Nova sức đẩy 5450 tấn. Từ đây đến năm 1967 ngành thám hiểm không gian của loài người sẽ nhắm ba mục tiêu có thể đạt tới sau đây : mặt trăng, sao Vénus và sao Mars. Nga đã báo trước sẽ phóng lên mặt trăng nhiều trạm thí nghiệm, Mỹ chuẩn bị những vệ tinh Surveyors thay thế những vệ tinh Rangers. Nhiều máy ca-mê-ra điện tử sẽ liên tiếp thu nhận hình ảnh của thế giới mặt trăng, đất trên đó sẽ được phân chất, một chiếc máy dò (appareil-sonde) sẽ được thọc sâu cỡ 1 thước rưỡi vào phía trong vỏ mặt trăng. Đồng thời những vệ tinh có người Apollo và Super - Vostok sẽ được đặt vào những quỹ đạo ngày một xa Trái Đất để cuối cùng bay vào quỹ đạo mặt trăng. Tất cả những chuyện có vẻ « khoa học dự tưởng » nầy đều đang được nghiên cứu tỉ mỉ để đến năm 1967 chúng ta hy vọng thấy một người đầu tiên từ Trái Đất bay lên Mặt trăng viếng chị Hằng. Trong giai đoạn hiện nay, mặt trăng được kể là mục tiêu số 1. Lẽ rất giản dị : đối với các hành tinh khác thì Mặt trăng ở gần ta nhứt. Kế đó là hai sao Vénus và Mars. Từ lâu người ta vẫn ngờ là đã có một sự sống trên hai nơi nầy mặc dầu sự sống đó chỉ ở mức một hình thể sinh hoạt sinh vật rất sơ khai. Những chuyến bay lên Vénus và Mars cũng sẽ không khó khăn gì hơn những chuyến bay lên Mặt Trăng. Người ta đã tính : ở một độ cao 235 cây số trong không gian nếu

một tốc độ 10,9 cây số mỗi giây, đưa được một phi thuyền lên Nguyệt cầu thì một tốc độ khác, cao hơn chút ít, 11,5 cây số/giây đủ bắn một phi thuyền lên Vénus hoặc Mars. Điều cần là nên đợi những lúc nào hai hành tinh nầy xê đến gần Địa cầu nhứt. Các nhà thiên văn cho biết: trong hai năm 1964 và 1965 hai hành tinh Vénus và Mars sẽ đi gần vào quỹ đạo Địa cầu (sao Vénus đi gần, trong hai lần liền khoảng tháng ba — tháng tư năm 1964 và khoảng tháng mười một năm 1965, sao Mars khoảng cuối năm 1964). Chính Nga đã dự định, trong năm năm sẽ tới ăn mừng lễ đệ thập chu niên bằng một cuộc đưa người lên viếng Mặt Trăng và khám phá màn bí mật của hai hành tinh Vénus và Mars. Mỹ cũng có một kế hoạch tương tự. Mới đây một tạp-chí Mỹ chuyên bàn về khoa học không gian, tạp-chí « Missilesaud Rockets » đã ấn-hành một số đặc biệt mang trên bìa một bức ảnh của mặt Trăng và mấy chữ « Target 1967 » (Mạc tiêu năm 1967).

Như vậy, trong một khoảng thời gian ngắn mười năm loài người đã đi từ kỷ nguyên những vệ tinh nhỏ của Năm Địa Cầu Vật-Lý-Học đến kỷ nguyên những cuộc phiêu lưu vĩ đại ra ngoài vũ trụ mà hậu quả không thể nào lường trước. Nếp sống hậu bán thế kỷ hai mươi có lẽ sẽ bị chuyển mạnh vì công cuộc cách mạng khoa học nầy. Ngay từ bây giờ bên Mỹ đã thấy mọc lên cỡ 700 xưởng kỹ-nghệ không gian, tạp-chí « Business Week » tiên đoán đến năm 1970 số tư-bản dùng vào ngành nầy sẽ tăng đến 50 tỷ đô la, và số nhân công một triệu người. Nhiều ngành trong khoa học sẽ biến chuyển theo, lôi ngã những quan điểm mà mọi người sẽ cho là lạc hậu. Khoa thiên văn, ngày nay sẽ hóa thành khoa thiên văn căn cứ trên sự phát tuyền gamma (la gamma - astronomie) vì những đài thiên văn, mà sau nầy loài người sẽ thiết lập trên những trạm tại thượng tầng khí quyển, sẽ dùng những ống kiểng thiên văn đặc biệt để quan sát những ngôi sao phát những tia cực tím (les astres ultraviolets) mà hiện nay, đối với chúng ta, hãy còn là những ngôi sao vô hình. Các quan niệm cũ của chúng ta về vật chất và tế bào có lẽ cũng thay đổi nữa. Nguyên lý cho rằng cái mầm đầu tiên của sự sống là chất ADN (acide desoxyribonucléique) sẽ đứng vững chăng một khi loài người khám phá được những hình thức khác của sự sống ngoài vũ trụ?

Người ta còn đang tìm hiểu và cái màn bí mật của vũ trụ chỉ mới bị chọc thủng một lỗ nhỏ xíu không thấm vào đâu. Những tin tức do các vệ tinh từ ngoài không gian đưa về người ta chưa khai thác hết. Như trường hợp hai vệ tinh Explorer XII và Tiros. Vệ tinh Explorer XII đã thăm dò các vành đai bức xạ trên thượng tầng khí quyển đến 204 lần. Suốt trong 112 ngày bay nó đưa về vô số tin tức mà người ta đã thâu đầy trong hàng chục cây số dây băng nhựa. Vệ tinh Tiros đã chụp hàng vạn bức hình mà các máy điện tử IBM chưa làm sao nghiên cứu xuể.

Nhưng dầu sao thì kỷ nguyên không gian cũng đã mở ra rồi, với hỏa tiễn Lunik với các phi thuyền Voslok, Friendship 7, Aurora 7, Sigma 7. Năm 1967 cũng không xa gì lắm, chúng ta thử chờ xem.

NGUYỄN-MINH-DIỆU

(theo tài liệu các báo Time, l'Express, Le monde và Figaro)

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG TRÊN ĐẤT VIỆT

Nguiễn-Hữu-Ngư

(xin xem từ B. K. số 137)

Giải TỰ-LỰC VĂN ĐOÀN

Sự phổ biến rộng sâu của tờ Phong-Hóa (1932 - 1936), rồi tờ Ngày-Nay (1936 - 1940), giá trị của các nhà văn trong nhóm Tự-Lực, uy tín của nhà xuất bản Đời Nay, sự cải cách y phục phụ nữ, phong trào chống cũ, theo mới hoàn toàn, bài hủ tục và nếp sống lỗi thời cùng phong trào « Ánh Sáng » do văn đoàn này khởi xướng đã, khiến giải văn chương của nhóm có một giá trị mà từ trước đến giờ, chưa có giải nào bằng.

Giải thưởng này bắt đầu năm 1935, tiếp tục năm 1937 và vì thời cuộc kết thúc với năm 1939.

Tự-Lực văn đoàn đặt giải thưởng văn chương để khuyến khích và nâng đỡ những văn tài mới, và chỉ nhận những tác phẩm còn trong bản thảo, bất cứ loại văn sáng tác nào.

Giải thưởng nguyên chỉ có một, nhưng tùy theo trường hợp số tiền của giải có thể chia ra.

Ban Giám khảo gồm có những nhân viên trong Tự-Lực văn đoàn ; hai kì đầu, có sáu :

Nhất-Linh, *Khái-Hưng*, *Hoàng-Đạo*, *Thạch-Lam*, *Tú-Mỡ* và *Thế-Lữ*.

Kì chót, thêm *Xuân-Diệu*. (1)

Về điều lệ thì kết quả sẽ tuyên bố sau ba tháng hết hạn nhận tác phẩm. Tác giả giữ toàn quyền về tác phẩm được giải của mình. Đặc biệt là những quyển không được giải mà chưa xuất bản, đều được dự thi kì sau, nếu có sửa chữa lại và nhà văn đã được giải một bộ môn rồi, có quyền dự giải bộ môn khác. Tiền giải thưởng là một trăm đồng.

---

(1) Nguyễn-Văn-Xung trong quyển « Bình giảng về Tự-Lực văn đoàn » cho rằng « Tự-Lực văn đoàn là một nhóm thanh niên trí thức gồm có 7 người [...] Mặc dù về sau, họ gây được nhiều ảnh hưởng và có nhiều người cộng tác, họ vẫn giữ nguyên con số 7 ấy, vì muốn bắt chước thi phái Pléiade (Thất-Tinh) của Pháp vào thế-kỉ XVI », e rằng không đúng với sự thật.

Hai kì đầu về thể lệ tiểu thuyết, phóng sự... còn hạn số trang tối thiểu là hai trăm, cũng như thơ phải có ít nhất là một trăm trang rồi hai chục bài, nhưng kì ba, theo lời yêu cầu chánh đáng của đa số người dự thí và ban Giám khảo xét rằng « lượng không quan trọng bằng phẩm », nên sẵn lòng nhận những tác phẩm ngắn hơn « miễn là tác-phẩm đó đủ cho người ta có thể biết đại khái về tài nghệ tác giả ».

Và đây là ban Giám khảo và cách làm việc

a) Ban Giám khảo gồm có những nhân viên trong Tự-Lực văn đoàn.

b) mỗi nhân viên bắt buộc phải đọc tất cả các tác-phẩm dự thí và chính mình đọc.

c) những nhân viên, trong lúc đọc, không được bàn nói với nhau về các tác phẩm, để ý người này khỏi có ảnh hưởng đến ý người kia. Mỗi người sẽ ghi chép lời bình phẩm của mình trong một quyển sổ riêng, không được để dấu tích trên những bản thảo.

d) Cách chấm như sau này :

— Đọc lần thứ nhất : khi đọc xong tất cả các bản thảo, mỗi nhân viên chọn hai tác-phẩm và trình cho hội đồng : hai tác phẩm ấy hoặc cho quyển nhất, quyển nhì, hoặc cùng cho tất cả ;

— Đọc lần thứ hai : tất cả những tác phẩm đã tuyển ấy, ban giám khảo sẽ đọc lại lần thứ hai ; lần này các nhân viên được bàn nghị với nhau. Khi đã trao đổi ý kiến, ban giám khảo sẽ chọn lại một lần thứ hai để lấy tác phẩm hay nhất. Nếu ban giám khảo không đồng ý về riêng một quyển nào, nếu có hai tác phẩm tương đương, ban giám khảo sẽ bỏ thăm để lấy một hơn định giải, sẽ có bầu một chánh khảo và một thơ kí.

Cuộc bỏ thăm có thể lặp lại đến ba lần. Đến lần thứ ba, ông chánh khảo sẽ có hai phiếu.

— Biên bản phiên hội đồng định giải sẽ đăng vào cơ quan ngôn luận của văn đoàn.

Năm 1935, không có tác phẩm nào trúng giải. Ban Giám khảo cho bốn giải khuyến khích, và số tiền thưởng 100$ được chia cho bốn tác phẩm :

Ba của *Đỗ-Đức-Thu ;*

Diễm-dương-trang của *Phan-Văn-Dật ;*

Bóng mây chiều của *Hàn-Thế-Du.*

Tác phẩm thứ tư, chúng tôi tiếc rằng đã quên, và hỏi các bạn văn, cũng chẳng bạn nào nhớ, cả người trúng giải là Đỗ-Đức-Thu. Chúng tôi đã có thư nhờ hai bạn ở Huế hỏi ông Phan-Văn-Dật, nhưng đến nay cũng chưa được trả lời.

Chúng tôi cũng có nghĩ đến Nhất-Linh, nhưng không có cái duyên được gặp người cựu chủ tịch Hội đồng Giám khảo giải Tự-Lực này, và thư nhờ một người bạn thân chung có đi mà không có lại. Vả lại, chúng tôi cũng có phần nghi ngờ cái trí nhớ của nhà văn gần độ lục tuần này, người đã từng sống một đoạn đời ba chìm bảy nổi.

Ở quyển « Viết và đọc tiểu thuyết » xuất bản năm rồi (2), trong một đoạn hồi ức

(2) Đời-Nay, Sài-Gòn, 1961.

ngắn, mà đã có năm điểm nhớ sai : năm chấm giải chót, sai ; tên một tác phẩm được giải, sai ; số tiền thưởng giải, sai ; việc tiền thưởng tăng gấp đôi, sai ; việc có hai giải nhất năm ấy mà tác giả « Đoạn tuyệt » cho là phải « đặt » ra để tặng Kim-Hà và Mạnh-Phú-Tư, sai. Chúng tôi xin trích đoạn ấy (3) và xin cho in xiên những chỗ không đúng.

« Tôi còn nhớ hồi năm *1941*, khi chấm thi giải thưởng Tự-Lực văn đoàn, Khái-Hưng và Thế-Lữ đã cãi nhau kịch liệt vì hai cuốn « Cái nhà gạch » của Kim-Hà và « Làm *dâu* » của Mạnh-Phú-Tư. Thế-Lữ vẫn chuộng về hình thức nên không thể chịu nổi câu : « Nhà tôi là cái nhà gạch » của Kim-Hà và đề nghị gạt bỏ cuốn «Cái nhà gạch» đi. Sau cùng, năm đó *phải tăng* gấp đôi số tiền thưởng và *đặt* hai giải nhất để tặng hai người. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy cuốn «Cái nhà gạch» hơn hẳn cuốn «Làm *dâu*» của Mạnh-Phú-Tư một bực ».

Bóng mây chiều và *Diễm-dương-trang* được xuất bản sau đó, riêng *Ba*, truyện được chú ý nhất, mãi hai mươi ba năm sau mới in thành sách cùng với hai truyện đầu tay của Thế-Lữ, in lại với tên Nguyễn-Đình. Và lại do con một nhân vật trong ban Giám khảo xuất bản ở miền Nam : Nguyễn-Thế, con Thế-Lữ.

Và có điều đáng nói về *Ba*, là khi xuất bản, Đỗ-Đức-Thu chỉ đăng có một đoạn đầu, vì tác giả cho là đúng nhận xét sau đây của ban Giám khảo, khi cho đăng *Ba* ở Ngày-Nay số *16*, ngày chủ nhật 12-7-1936 :

« Nếu toàn truyện được như đoạn đầu thì cuốn « *Ba* » chắc giựt được giải thưởng của Tự-Lực văn đoàn năm 1935, tiếc rằng những đoạn sau đều không hay lại còn khác hẳn giọng văn, truyện vì thế không duy nhất. Đây, chúng tôi chỉ trích đăng đoạn đầu, dẫu không có những đoạn sau, đoạn nầy cũng đã có nghĩa. Chúng tôi đăng lên cốt để các bạn rõ một đoạn văn hơi lạ, có nhiều nhận xét đúng, và nhiều khi dĩnh ngộ ».

⁂

Giải là giải 1935, mà qua 1936, mới tuyên bố kết quả và phát giải.

Nên giải kế là giải 1937. Có hơn 80 tác phẩm dự thi, và cũng như năm 1935, năm 1937 không có tác phẩm nào trúng giải nhất. Không phải vì ban Giám khảo nghiêm khắc, và chặt chẽ quá, nhưng vì giải Tự-Lực văn đoàn « phải để xác định một tài năng đầy đủ và dồi dào ». Nên giải chia làm hai, một cho kịch, một cho phóng sự tiểu thuyết.

Đặc biệt năm nay, có một thiếu phụ xin giấu tên, nhờ Tự-Lực văn đoàn tặng cho cuốn tiểu thuyết nào được ban Giám khảo chú ý nhất, sau tác phẩm trúng giải. Tiền thưởng giải L. D. này là 30 $

Sau đây là kết quả giải năm 1937.

A.— *Giải thưởng về Kịch*, 50$:

Kim tiền của *Vi-Huyền-Đắc*.

B.— *Giải thưởng về Phóng sự tiểu thuyết*, 50$:

Bỉ vỏ của *Nguyên-Hồng*.

⁂

Giải thưởng L. D., 30$:

Nỗi lòng, tiểu thuyết của *Nguyễn-Khắc-Mẫn*.

---

(3) «Viết và đọc tiểu thuyết», trang 81-82.

Được Hội đồng đặc biệt khuyến khích: **Tâm hồn tôi**, thơ của *Nguyễn-Bính*.

***

Được Hội đồng chú ý, theo thứ tự :

1.— *Bốn mùa*, tiểu thuyết của *Nguyễn-Trọng-Sơn*.

2.— *Hai người trọ học*, kịch của *Đại-Thanh*.

3.— *Hi sinh*, tiểu thuyết của *Phạm-Ngọc-Khôi*.

4.— *Ngược dòng*, tiểu thuyết của *Nguyễn-Lân*.

***

Sau đây, là vài nhận xét của ban Hội đồng về các tác phẩm trúng giải và được khuyến khích.

Kim tiền là một vở kịch luận đề, mà luận đề trong kịch này của họ Vi lại rất khó khăn bởi hai lẽ : sức mạnh của đồng tiền là một luận đề cũ rích, nhà văn dễ bị lôi cuốn vào chỗ sáo, nếu không có tài phô diễn nó một cách đặc biệt và mới mẻ. Hội đồng nhận kịch gia chỉ thành công có một nửa. Vai chánh không được thật và nnieu đoạn trong vở kịch không có cái vẻ « cần » của những sự xảy ra trong cuộc đời. Những điểm đặc sắc của kịch gia : quan sát đúng, các nhân vật phụ rất hoạt động, tự nhiên ; và nhất là đối thoại rất chặt chẽ, tiêu biểu được tánh tình và nhân vật của mỗi vai.

Tuy có vài chỗ khuyết điểm, *Kim tiền* của Vi-Huyền-Đắc là một vở kịch đáng chú ý.

Bỉ vỏ là một phóng sự tiểu thuyết (reportage romancé) dồi dào và nhân hậu. Ta hãy nghe Thạch-Lam nhận xét về tác phẩm đầu của thể văn rất mới này trong văn chương của ta :

« Đời « Chạy vỏ » (ăn cắp), tác giả tả một cách rõ ràng, tuy nhanh chóng và có khi hơi vội vã. Văn lúc nào cũng minh bạch, giản dị, một đôi khi thấm thía, rung động ; có nhiều đoạn đẹp đẽ và sâu sắc. Những cảnh tả chân có vẻ sống sượng một cách vừa phải. Cái đặc biệt của văn ông Nguyên-Hồng có lẽ là cái màu sắc và sự linh động. Ông quan sát khéo, chỉ tả những cái gì đáng để ý. Những tình cảm chân thật, những cảm giác đúng. Người ta mừng rằng với một đầu đề thường như thế (*đời một cô gái trụy lạc*), ông Nguyên-Hồng đã khéo đứng trong phạm vi sự thật và sự cảm thấy, mà không sa ngã vào những câu sáo và hoa mĩ.

« Bên cạnh những cái hay ấy, có nhiều chỗ vụng về và cẩu thả. Nhiều tiếng dùng ngớ ngẩn và không đúng, nhiều câu văn chưa gãy gọn. Nhưng đó là những lỗi của một người mới viết văn, và sẽ mất đi với sự kinh nghiệm và từng trải trong nghề.

« Ông Nguyên-Hồng là một cái tài còn trẻ (không phải vì ông trẻ tuổi, chúng tôi không biết tuổi ông bao nhiêu) rất nhiều hứa hẹn và hi vọng ».

Tâm hồn tôi của Nguyễn-Bính đã được ban Giám khảo « dành riêng » một sự khuyến khích đặc biệt. Đây là một tập thơ không đều nhưng đặc sắc. Ý tứ hay, lời nhiều màu sắc và lưu loát. Nguyễn-Bính lĩnh hội tự nhiên về điệu,, nhưng không chịu cố lắm, còn vụng về trong

sự diễn giải những tánh tình ngây thơ của mình.

Tập thơ này có những bài hay, có một vẻ riêng song quá ít cạnh những bài xoàng xỉnh, vụng về và non nớt.

Nỗi lòng của Nguyễn-Khắc-Mẫn tả cuộc sống phẳng lặng của một nhà giáo trẻ, đứng đắn ở một tỉnh nhỏ.

Tư tưởng chất phác, tình tiết bình thường, văn rất mực giản dị và mộc mạc, nhiều đoạn văn thật thà quá, gần thành ngây thơ, nhưng hợp với toàn quyển truyện.

Một cuốn tiểu thuyết nhẹ nhàng. Theo cách nói bây giờ, thì là một quyển tiểu thuyết lành mạnh.

Còn về bốn tác phẩm được Hội đồng chú ý, Thạch-Lam, ủy viên báo cáo của ban Giám khảo, có những ý kiến như sau :

Bốn mùa, tiểu thuyết của *Nguyễn-Trọng-Sơn*, có một cách diễn đạt rất mới lạ. Cái mới lạ đó là « tính tình của người trong truyện đem lồng lên cái khung cảnh của bốn mùa trong năm. Văn có khi giản dị, không cầu kì, nhưng tình cảm kín đáo và nhẹ nhàng, có vẻ thanh. Nhưng tiếc còn nhiều khuyết điểm trong câu văn và cách diễn, khiến cho toàn thể không được hay ».

Hai người trọ học, kịch vui của *Đại-Thanh* thì lại rất hay ở nửa phần đầu, nhưng đoạn cuối không được tự nhiên và tâm lí không được đúng.

Hi sinh, tiểu thuyết của Phạm-Ngọc-Khôi, tả tâm sự một người vì yêu một cô đĩ mà chống lại thành kiến của gia đình và xã hội. Văn hơi rườm rà, và lối thôi nữa, lại không được sáng sủa, tuy vậy cũng có nhiều chỗ sâu sắc và đúng tâm lí.

Ngược dòng, tiểu thuyết của *Nguyễn-Lân*, tả đời một thiếu nữ có học, mồ côi mẹ, bị dì ghẻ hành hạ, trốn nhà đi lập thân, rồi yêu một nhà cách mạng. Văn, tâm lí và tính tình các vai truyện, không có gì đặc sắc nhưng cũng không ngượng ngịu, vụng về.

***

« *Bỉ vỏ* » của Nguyên-Hồng là tác phẩm đầu tiên trúng giải của Tự-Lực văn đoàn mà được nhà Đời-Nay xuất bản. Kế đến *Nỗi lòng* của Nguyễn-Khắc-Mẫn.

Kim tiền của Vi-Huyền-Đắc chỉ được đăng vào Ngày-Nay, và mãi hai mươi hai năm sau, Cơ sở Báo chí và xuất bản Tự do mới in lần đầu, ở Sài-Gòn. Nhưng đặc biệt là sau khi trúng giải, *Kim tiền* được diễn tại nhà Hát lớn Hải-Phòng, rồi sau đó, diễn ở nhà Hát lớn Hà-Nội, đều do Thế-Lữ « xếp cảnh », và ở hai nơi đều được hoan nghinh.

Còn « *Tâm hồn tối* » của Nguyễn-Bính, *Hi sinh* của Phạm-Ngọc-Khôi, *Ngược dòng* của *Từ-Ngọc* Nguyễn-Lân lần lượt do những nhà xuất bản khác ở Hà-Nội ấn hành. *Bốn mùa* của Nguyễn-Trọng-Sơn và *Hai người trọ học* của Đại-Thanh, theo chỗ chúng tôi được biết, không in thành sách, và riêng hai ông nầy sau cũng chẳng có hoạt động gì đáng kể trong giới văn nghệ thì phải, trái hẳn với phần đông các nhà văn khác đã được ban giám khảo giải Tự-Lực văn đoàn chú ý, khuyến khích.

Nhưng kịch vui *Hai người học trò* được diễn để giúp vào quĩ hội « Truyền bá quốc ngữ » nên cũng được nhiều người biết đến.

Còn hai tác phẩm được Hội đồng chú ý sau hết, Phạm-Ngọc-Khôi và Nguyễn-

Lần tỏ ý phàn nàn sự định đoạt của ban Giám khảo.

Song chỉ Từ-Ngọc Nguyễn-Lân gây một cuộc bút chiến sôi nổi, trước giữa giả tác và Khái-Hưng, rồi giữa hai nhóm không ưa nhau : nhóm Ngày-Nay và nhóm Tân-Dân và vài người ngoại cuộc, như *Thiên-Hư* Vũ-Trọng-Phụng, xen vào.

Trước hết là cách viết chữ *Dòng*. Từ-Ngọc viết với *D*, căn cứ theo các tự điển xưa và nay có giá trị (chúng ta đừng quên Nguyễn-Lân là một nhà mô phạm rất có uy tín), ấy đó mà khi nhắc đến tác phẩm nầy, Tự-Lực văn đoàn lại in là « Ngược *giòng* », như mục thơ đã từng có trên Phong-Hóa, và từng in thành sách : «Giòng nước ngược» của Tú-Mỡ (mà về chánh tả, không phải là ngón sở trường của nhóm Tự-Lực). Một cách để mở đầu : ban Giám khảo giải Tự-Lực đã . . . dốt về chánh tả, lại tự tiện sửa cái đúng của người dự thí.

Kế đến, tác giả «Ngược dòng» thấy sao trên mặt báo Ngày-Nay, « Ngược dòng » của ông cứ đều đặn « Thoát li » ... dưới ngọn bút của Khái-Hưng, một nhân viên của ban Giám khảo. Sau khi gởi ít lâu, ông cho lấy bản thảo « Ngược dòng » thì Khái-Hưng bảo nên để lại dự thi, vì tác phẩm nầy có hi vọng trúng giải. Nhưng rồi, khi tuyên bố kết quả, như ta đã thấy, « Ngược dòng » chỉ được chú ý và chú ý vào hạng . . . chót thôi. Tự nhiên là Khái-Hưng lên tiếng. Rồi lời qua tiếng lại một hồi. Rồi nhà Tân-Dân in « Ngược dòng » trong loại sách « Phổ Thông bán nguyệt san », rồi sau đó báo Ngày-Nay tố cáo nhà Tân-Dân khi cho ra loại sách nầy là... ăn gian Nhà-nước, để được dùng giấy nhật trình, để được gởi bưu điện rẻ,.. câu chuyện văn chương lần lần trở nên vấn đề thương mãi.

Tưởng cũng nên nhắc là trước đó, nhóm Ngày-Nay cũng buộc Nguyễn-Công-Hoan, — một cây bút rường cột của nhóm Tân-Dân — viết « Cô giáo Minh » giống «Đoạn tuyệt» của Nhất-Linh. Tiểu thuyết này lúc ấy đang đăng trên « Tiểu thuyết thứ bảy ».

Có điều giờ ta lấy làm lạ, là cả hai nhóm nầy không ai chịu để tác phẩm mình « tố cáo » đăng trọn để rồi mới lên tiếng. Đến khi tác phẩm bị buộc tội hoàn thành, thì ai cũng thấy cốt truyện chỉ hơi giống nhau ở đoạn đầu. Cô giáo Minh của Nguyễn-Công-Hoan, sau chẳng «Đoạn tuyệt» với gia đình chồng, và cô Hồng của Khái-Hưng vẫn chẳng dám «Ngược dòng, và chỉ « Thoát li » được khi... biết mình sắp chết!

Chúng tôi tưởng cũng nên thuật lại rõ ràng hơn tiếng nói của người ngoại cuộc và của nhóm bị buộc tội vì « vụ » này đã từng làm sôi nổi dư luận một thời.

Thiên-Hư Vũ-Trọng-Phụng lên tiếng ở Đông-Dương tạp chí « hô hào cần phải chiêu tập ban Thẩm phán danh dự lần nữa về việc « Thoát-li — Ngược dòng » và lập luận:

« Tự-Lực văn đoàn » đã buộc cho ông Nguyễn-Công-Hoan tội ăn cắp văn vì ông đã viết « Cô giáo Minh » giống « Đoạn-tuyệt ». Nay, theo lời ông Từ-Ngọc, thì cốt truyện « Ngược dòng » của ông ta giống cốt truyện « Thoát li » của Khái-Hưng. Vậy Khái-Hưng cũng ăn cắp văn...

Vậy nhóm Tự-lực văn đoàn « đối phó » ra sao ?

Tứ-Li (tức Hoàng-Đạo) trả lời rằng Tự-Lực văn đoàn bảo ông Nguyễn-Công-Hoan sưu tầm để viết *Cô giáo Minh* giống *Đoạn-tuyệt* và phân biệt « ăn cắp văn » với « viết giống truyện người khác », và nói:

« Vậy giả thử ông Khái-Hưng lấy truyện « Thoát-li » (4) của ông Từ-Ngọc mà viết truyện « Thoát-li » nữa, bảo ông ấy ăn cắp văn cũng chỉ là một sự vu cáo.

« Huống hồ, lúc viết truyện « Thoát-li », như lời ông đã nói, ông Khái-Hưng lại không hề nghĩ đến « Ngược dòng ». Theo chỗ tôi biết, thì ông viết « Thoát li » là vì một bạn gái, độc giả *Ngày Nay* — xin cô tha cho sự thóc mách — đã viết thơ có ý giục ông viết truyện cô, truyện « Thoát li » vậy ».

Lêta (tức Thế-Lữ) thì lại dùng lối ví von cay độc để trả lời Từ-Ngọc. Ông nói:

« Người con gái có thể làm duyên khi người ta chú ý đến ; có thể tưởng mình là đẹp thực nữa. Người ta chỉ buồn cười thôi.

« Nhưng khi chị chàng lại tưởng rằng cái cô bên láng diềng đẹp đẽ thế kia là vì cô ấy bắt chước « nhan sắc » chị chàng thì sự vô lí đã rõ ràng và đáng ghét ».

Còn Khái-Hưng thì lại gắt gỏng và thách đố (5).

« ... không được tặng một phần thưởng nào (có lẽ vì thế mà ông ấy tức tối), ông ấy lại nghĩ ra một điều mới lạ khác : tôi ăn cắp văn của ông ấy. Rõ đáng thương cho ông ấy quá, có một khối óc chứa đầy những ý tưởng ăn cắp, ăn trộm !

« Muốn rõ tôi có « ăn cắp » văn của ông Từ-Ngọc không, ông Từ-Ngọc chỉ việc đem đăng báo hay cho xuất bản truyện « Ngược dòng ». Chứ tóm tắt cốt truyện như ông ta, tôi thấy ngây thơ và tức cười quá ! ».

(...) « Khốn nạn ! Ở đời thiếu gì cốt truyện mà còn cần phải đi lấy cốt truyện của người này, cốt truyện của người khác ! Làm như vậy văn chương chỉ toàn là cốt truyện cả. Một anh phu xe kể cho tôi nghe một câu chuyện kéo xe. Tôi đem viết thành truyện ngắn, dễ thường anh ấy cũng đến nhà tôi mà đòi cái cốt truyện của anh ấy chăng ? Huống chi tôi không hề nghĩ đến truyện « Ngược dòng » khi bắt đầu viết truyện « Thoát li » thì ông Từ-Ngọc còn định đòi xương cốt gì ? » Chưa hết. Khi « Ngược dòng » ra đời, Thạch-Lam phê bình : « ... Cuốn tiểu thuyết của ông Từ-Ngọc không cho ta một thú vị gì cả, bởi vì tâm lí và nhân vật trong truyện đều tầm thường, không có gì đặc sắc.

« ...Nhưng tôi thấy rằng tôi đã đòi hỏi ở ông Từ-Ngọc nhiều quá, những sự mà có lẽ ông không bao giờ làm được. Vì ông thích cái tâm lí thông thường của ông, cái nghệ thuật tầm thường của ông ». (Ngày nay, số 103, chủ nhật 27-3-1938). Chỉ còn thiếu có Nhất-Linh và Tú-Mỡ !

***

Năm 1938, Tự-lực văn-đoàn tuyên bố:

« Sau khi xem xét kĩ càng tất cả tác phẩm dự thi, ban Giám khảo của giải thưởng văn chương T.L.V.Đ. 1938 đã nhất định **Không tặng giải thưởng**.

---

(4) Đáng lí là : « Ngược dòng ».

(5) Trong bài « Ngược dòng » và « Thoát-li », Ngày-Nay, số 91, chủ nhật 26-12-1937.

« Trong số các tác phẩm dự thi năm nay, cũng có một vài tác phẩm đáng được khuyến khích. Nhưng ban Giám-khảo hi vọng rằng tác giả các quyển đó sẽ sửa chữa và cố gắng để được hoàn toàn và đặc biệt hơn nữa, nên năm nay cũng không tặng giải khuyến khích như hai năm trước. Số tiền của giải thưởng 1938 sẽ để phụ thêm vào lần sau ».

Theo Thạch-Lam, thì có hơn 60 tác phẩm dự thi, nhiều nhất là thơ và tiểu thuyết, cả hai loại ngang số với nhau còn kịch và phóng sự mỗi thứ chỉ có hai bản. Nhận xét chung thì các tác giả dự thi tỏ ra « ít dụng công ». « Và phần nhiều đều *dễ dàng đối với mình quá* đến gần như cẩu thả ! (...) Cũng bởi chịu khó *không chịu tìm tòi*, nên các nhà văn không vượt ra được ngoài các đường cũ trong văn chương, để tìm sự mới mẻ, sự đặc sắc ».

Năm sau, năm 1939, tuy tình hình quốc-tế và quốc nội không thích hợp với công cuộc sáng tác, số tác phẩm dự thi lại nhiều hơn các năm trước. Truyện và thơ có nhiều tác phẩm dự thi nhất và hai môn này ngang nhau, kịch và phóng sự lại ít hơn. Ban Giám-khảo lấy làm tiếc không nhận được một tác phẩm nào thuộc loại « phê bình khảo cứu hay tư tưởng » (6).

Và theo bài công bố kết quả đăng ở Ngày-Nay, số 208, ra ngày thứ bảy 18-4-1940, thì Ban Giám-khảo giữ bốn quyển tiểu thuyết sau đây xứng đáng được giải năm 1939.

Cái nhà gạch, *Tan tác*, *Làm lẽ* và *Rạng đông*.

Biểu quyết, hai quyển « Cái nhà gạch » và « Làm lẽ » được một số phiếu bầu nhất ngang nhau (7). Vậy :

Giải tiểu thuyết của Tự Lực văn đoàn năm 1939 thưởng cho :

a) **Làm lẽ**, tiểu thuyết của **Mạnh-Phú-Tư**.

b) **Cái nhà gạch**, tiểu thuyết của **Kim-Hà**.

Số tiền tặng thưởng năm 1939 là 200đ chia mỗi tác phẩm 100đ.

Về thi ca, *Bức tranh quê* của cô *Anh-Thơ* và *Nghẹn-Ngào* của *Tế Hanh* là hai tập thơ được chú ý đặc biệt và đặc biệt là ban Giám-khảo tặng riêng tác giả « Bức tranh quê » số tiền thưởng là 30 đồng.

Bức tranh quê của cô Anh-Thơ có một vẻ mới trong thi ca lúc bấy giờ, là tác giả đứng về một khách quan, cái «tôi» không bao giờ được nói đến ». Về hình thức, bài thơ nào cũng mười hai câu, mỗi câu tám chữ, tả cảnh ở thôn quê từ đầu năm cho đến Tết, tuần tự theo bốn mùa. Vì thế tập thơ đều đều một giọng, kém linh hoạt, không tránh được sự nặng nề, nhất là không gợi cho người đọc cái rung động mông lung. Điều đáng chú ý là « sự liên lạc rất mật thiết của hoa cỏ với bốn mùa, của công việc làm ăn và những nỗi lo lắng côn con của dân đồng ruộng và thời tiết », và tác giả có tài « nhận xét lạ lùng ».

Nghẹn ngào của Tế-Hanh cho ta thấy tác giả « có tấm lòng giàu, dễ rung động trước muôn nghìn cảnh, hoặc tầm thường, hoặc éo le ở đời». Tế-Hanh rất gần với Huy-

(6) Điều lệ của giải Tự Lực văn đoàn vốn rộng rãi : sẽ tặng giải cho « tác phẩm nào hay nhất, bất cứ về loại gì ».

(7) Trong biên bản còn ghi thêm tiếng Pháp : *premiers ex-equo*.

Cận. Có hai bài «Quê hương» và «Những ngày nghỉ học « có thể gọi là » hai bài thơ hay của thi ca Việt-Nam », nhưng rất tiếc là toàn thể tập thơ không đều chỉ độ mười bài khá. Theo Nhất-Linh, người báo cáo về thi ca trong giải 1939 này, « Tế-Hanh rất nhiều hứa hẹn trở nên một nhà thi sĩ có tài ; ông có một linh hồn rất phong phú, có những rung động rất sâu sắc và để diễn tả linh hồn, ông có đủ nghệ thuật và cách đặt câu, tìm chữ Ông chỉ còn chờ thời gian để có thể gặp được nhiều cảnh và viết được thêm nhiều bài hay ».

Hai nhà thơ nầy, một nữ ở Bắc, một nam ở Trung, đã được Tự-Lực văn đoàn đặc biệt chú ý, nay đều ở thế-giới bên kia, hẳn là họ «gặp được nhiều cảnh» rồi, nhưng họ « còn viết được thêm nhiều bài hay» hay không, thì chúng ta có quyền đặt một dấu hỏi. Riêng Tế-Hanh, trong thời kháng chiến, có ra một tập thơ đi sát với tình thế chống xâm lăng lúc ấy, nhan là « Sao mùa Thu ».

Có điều đáng nhắc là tên đứa con tinh-thần đầu lòng của Tế-Hanh đã thay đi đổi lại đến ba lần. Lần đầu, dự thi giải Tự-Lực văn đoàn năm 1939, nhà thơ ở vùng nước giao nhau của xứ Quảng hay co ấy đặt là: *Nghẹn ngào* ; năm 1943-44, nhân trích năm bảy bài gởi đăng ở tuần báo Thanh-Niên ở trong Nam, ghi tên tác phẩm: *Từ Nhớ đến Thương*. Nhưng năm 1945, Đời-Nay xuất bản, thì lại là *Hoa-niên* (*Làm-lễ* xuất bản trước, rồi tới *Bức tranh quê*, sau mới đến *Hoa-niên* với *Cách ba ngàn năm*).

Ngoài các tác phẩm đã kể, còn có một số tác phẩm « được ban Giám khảo chú ý và khen tặng trên giấy, và giấy đó sẽ gửi riêng cho tác giả ».

Tiếc rằng ủy viên báo cáo không cho ta biết các tác phẩm « không được hoàn toàn (...) nhưng có nhiều đặc điểm đáng chú ý và chứng tỏ những tài năng đang nẩy nở ». Ta chỉ biết tên... tắt của hai tác giả « rất có hi vọng », ở phần cuối bản báo cáo về tiểu thuyết, kịch và phóng sự do Thạch-Lam viết, mà chúng tôi xin chép lại đây :

« Sau hết, chúng tôi phải nói đến hai loại văn mới của hai tác giả rất có hi vọng : ấy là lối ký sự N.T.T.L. của V.L.T. và lối truyện cổ tích của C.K. Tác giả sau này đã có nhiều ý rất mới lạ trong một lối văn phóng khoáng và rộng rãi, và sẽ đến một tương lai rực rỡ nếu cứ vững theo con đường ấy » (8).

V.L.T. là ai ? Chúng tôi có hỏi thăm các bạn văn vốn là độc giả trung thành của Phong-Hóa, Ngày-Nay, nhưng không ai được biết, cả cái tên tác phẩm N.T.T.L. Riêng về C.K. thì chúng tôi được biết và cũng được gặp. Đó là Cung-Khanh, một nhà văn miền Nam, và tập truyện cổ tích ấy nhan là « *Cách ba ngàn năm* ». Quyển này, cùng *Hoa niên* của Tế-Hanh và *Hoa-vông vang* của Đỗ-Tốn là ba quyển sách chót của nhà Đời-Nay tiền chiến (8). Tác giả có được thư thương lượng, được thư cho hay là sách sắp in, là phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng phô bày trong trong tác phẩm cổ tích pha mùi triết lí ấy, rồi .. khi sách in ra, chẳng được thấy mặt cuốn nào (điều đó rất dễ hiểu vì sách lúc bấy giờ — giữa năm 1945 — cũng như đoàn ca vũ kịch Anh-Vũ của Võ-Đức-

---

(8) Ngày-Nay, số 208, thứ bảy 18-5-1940.

(9) Vì có nhà Đời-Nay hậu chiến, vẫn do *Nhất-Linh* Nguyễn-Tường-Tam giám đốc.

Diên và Thế-Lữ, chỉ « đi » tới Qui-Nhơn mà thôi), và tới giờ cũng chẳng được ai trả đồng nào về quyền tác giả (điều này cũng rất dễ hiểu tuy giờ nhà Đời-Nay tái sanh, Nguyễn-Tường-Tam còn sống, nhưng từ 1940, Nhất-Linh đã bị bịnh và « ở xa »).

Thành ra quyển truyện cổ tích chứa nhiều ý rất mới lạ, có một lối văn phóng khoáng và rộng rãi này vì hoàn cảnh lịch sử mà không được lưu hành khắp nước, và chỉ một số người may mắn được thưởng thức nó. Có lẽ nghĩ đó là một điều thiệt thòi, vừa cho tác giả, vừa cho người đọc, mà nhà xuất bản Phù-Sa đang thương lượng với tác giả để tái bản. Việc này mà thành, thì số phận « *Cách ba ngàn năm* » cũng buồn cười thật : trước, chỉ được lưu hành ở nửa nước Việt miền Bắc, tới đèo Cù-Mông, tỉnh Bình-Định ; nay mai cũng sẽ được lưu hành ở nửa nước Việt miền Nam, nhưng tới sông Bến-Hải, tỉnh Quảng Trị. Khiến có kẻ đùa rằng : « Cung-Khanh hãy đợi... ba ngàn năm sau, mới thấy tác phẩm mình « đi » tự do từ mũi Cà-Mau đến ải Nam-Quan hoặc ngược lại ! »

Hai cuốn tiểu thuyết có những đặc điểm đáng chú ý, đó là cuốn *Tan tác* và cuốn *Rạng đông*. Người báo cáo không để tên hay bút hiệu các tác giả, nhưng chúng tôi được biết riêng người viết *Rạng đông* là Trần-Mai-Ninh, sau có cộng tác với báo *Bạn đường*, loại mới ; còn về tác giả *Tan tác*, thì Thạch-Lam chỉ « mừng rằng *một người thợ vùng Hậu-Giang* (10) lại viết được một tác phẩm như thế », nghĩa là « có một sức cứng cáp không ngờ, một sức mạnh gần như hoang dại », nhưng rất tiếc là còn non vụng trong hành văn và bố cục, hai khuyết điểm chính của những ai chưa quen với nghề văn. Riêng về *Rạng đông*, Thạch-Lam cho tác giả có lẽ « là người có nhiều đức tính của một nhà văn nhất ». Vì tác giả biết cách viết, cách bày tỏ, và nhất là biết suy xét và quan sát chính mình ; tâm lí của « Rạng đông » rất đúng, và lắm khi sâu sắc, tinh vi, nhưng tác giả lại bị cái tật làm sai lạc tất cả những cái ưu điểm vừa kể : tác giả có kiêu vọng trình bày một luận đề về giáo dục gia đình mà chưa thành thạo để nâng đỡ luận đề ấy. Do đó, chẳng những tác giả đã không thành công mà lại làm giảm mất giá trị nghệ thuật của tác phẩm

Chúng ta thấy trong giải thưởng Tự-Lực văn đoàn 1939, kì ba mà cũng là kì chót, xuất hiện nhiều tài năng mới, nhiều hứa hẹn; chúng ta tiếc rằng tác phẩm của họ không được đến tay mọi người.

Chiếc nhà gạch của Kim-Hà, *Tan tác* của một người thợ vùng Hậu giang, *N.T T.L.* của V.L.T., và cả *Rạng đông* của Trần-Mai-Ninh (tác giả vốn đã được nhà Đời-Nay tiếp xúc để tiến hành việc xuất bản) đến nay vẫn chưa thấy được ánh sáng mặt trời. Riêng Trần-Mai-Ninh và Kim-Hà đã ra người thiên cổ, chúng ta mong gì được đọc tác phẩm của họ, để hiểu đôi tấm lòng, và nhiều cuộc sống cần lao, trí thức của thời đặc biệt 1930-1940.

Đến đây, chúng tôi mới xin thuật lại những nhận xét và phê bình của Hội đồng Giám khảo về hai cuốn tiểu thuyết được

(10) Chúng tôi cho in xiên

giải nhất đồng hạng (11) năm 1939, giải phát lần đầu mà cũng là lần chót.

«**Làm lẻ**» của *Mạnh-Phú-Tư* là một bức tranh vẽ cảnh đời lẽ mọn của một cô gái quê hiền lành. Thành công đích đáng trong nhiều nhân vật, từ dáng điệu đến tâm lí. Tác giả tỏ ra có mực thước đứng đắn, làm chủ ngòi bút của mình, và « một nỗi đau thương âm thầm trong câu chuyện từ đầu đến cuối». Văn gọn ghẽ, gọt giũa rất công phu, hợp với cốt truyện.

Điều ban Hội đồng trách tác giả lại do những cái ưu điểm trên đây mà ra : «thiếu sự phóng túng, dồi dào, thiếu cái rung động ngấm ngầm dưới câu văn, như nguồn suối yên lặng chảy trong nội cỏ».

«**Cái nhà gạch** của Kim-Hà là một trường hợp đặc biệt, nên chúng tôi xin sao y nguyên văn ý kiến của ủy viên báo cáo giải, Thạch-Lam.

Đây là « một truyện về giai cấp nghèo khổ và thợ thuyền, hay những người làm công nho nhỏ, tất cả những dân hèn kém ở đầy các ngoại ô thành phố và vẫn giữ nguyên những tính cách nòi giống đặc của người mình».

«*Cái nhà gạch*» có cái đặc sắc là «Không một lí thuyết, một luận đề nào cả, không có văn chương nữa : đó là hình ảnh của việc đời, những cái vui, buồn, những nỗi mừng lo có thể là nhỏ nhặt đối với người khác, nhưng mà họ mến yêu vì là công việc của chính họ, cuộc đời của một hạng người trong xã hội, lần đầu được phát họa một cách linh hoạt như thế.

«Chỉ trong cách viết, cách xếp đặt câu và dùng chữ tác giả « *Cái nhà gạch* » còn tỏ nhiều chỗ vụng về, nhiều chỗ thừa quá. Những lỗi ấy, người ta mong tác giả sau dần có thể tránh được một khi quen nghề và trở nên chắc chắn hơn »

* * *

Rồi năm 1940 báo «Ngày-Nay» bị đình bản, nhóm Tự-Lực ra tờ «Chủ-Nhật» chỉ chuyên đăng truyện và thơ, nhưng không bao lâu cũng bị cấm. Nhóm Tự-Lực văn đoàn không còn một cơ quan ngôn luận nào trong tay và cũng chẳng được phép ra tờ báo nào trừ vài giai phẩm cho đến khi Pháp bị Nhật đảo chính (sau Ngày-Nay bộ mới ra đời, nhưng thể tài đổi khác). Người cầm đầu lại trốn sang Tàu, nhóm bị nhà cầm quyền để ý, nên giải Tự-Lực văn đoàn đành chấm dứt với kì năm 1939, phát vào năm 1940.

So sánh với hai kì trước (1935 và 1937), kì sau cùng nầy là một thành công mĩ mãn và đánh dấu rõ ràng lịch-sử giải văn chương của nhóm. Chẳng những số người dự thi đông hơn hai lần trước, mặc dù tình hình thế-giới và tình thế nước nhà lúc bấy giờ buộc người ta — trong đó có cả những nhà văn — nghĩ và làm những gì khác hơn là văn chương, mà vì lần đầu, văn đoàn Tự-Lực phát giải nhất, mà giải nhất lại chia cho hai tác phẩm, mỗi tác phẩm có một vẻ độc đáo riêng : *Làm lẽ* giới thiệu một kiếp sống hèn mọn ở chốn bùn lầy nước đọng, nơi mà tập tục, thành kiến cổ hủ và hẹp hòi làm héo hắt một cuộc đời đáng lẽ được

(11) Trong giai phẩm nhan «Hồn Văn» xuất bản tháng 7 năm nay, Đinh-Hùng có nhắc đến Kim-Hà, và cho *Cái nhà gạch* được *giải nhì vì không lấy giải nhất* trong giải T.L.V.Đ. năm 1940-41, là sai. Các bạn có thể xem lại biên bản *cuộc thi năm* 1939, đăng ở Ngày Nay số 208, ngày thứ bảy 18-5-1940

hưởng ấm êm, tươi sáng. *Cái nhà gạch* là một bích họa của sự sống ồ ạt, lắm tiếng lắm màu của các vùng trung gian giữa thôn quê và thành phố với những hạng người tay làm quần quật mà hàm chẳng đủ nhai. Một bên, đứng đắn, thận trọng như một... tục xưa, một bên, xô bồ, linh động và vụng về như những cuộc chuyển mình...

Riêng chúng tôi tiếc rằng nhà Đời-Nay đã không xuất bản «*Cái nhà gạch*» của người thợ hãng bia Hommel ở Thụy-Khê hồi đó để đánh dấu một nét đậm đà trong lịch-sử của giải Tự-Lực văn đoàn, và cả lịch-sử văn chương tiền chiến, khoản đặc biệt 1938 - 1945. Riêng người giám đốc báo Ngày-Nay, nhà xuất bản Đời - Nay, văn đoàn Tự-Lực, hai mươi năm sau, khi viết về những kinh nghiệm viết và đọc tiểu thuyết của mình đã nhắc đến «*Cái nhà gạch*» với nhiều thiện cảm và tiếc rằng lúc biểu quyết để cho giải nhất, «*Cái nhà gạch*» với *Làm lẽ* » lại đồng hạng ! Vì nay, Nhất-Linh không còn nhớ gì về « *Làm lẽ* », trong khi « *Cái nhà gạch* » vẫn để nhiều ấn tượng chưa phai trong kí ức của người vừa nhà báo, nhà văn, hết làm nhà chính khách lưu vong đến làm khách chơi hoa ẩn dật này.

Và có lẽ là lần đầu tiên trong lịch sử văn chương nước nhà, có hai người thợ — một ở ngoại ô của nơi ngàn năm văn vật, một ở vùng phù sa khai thác chưa được bao lâu — rất nghèo học vấn nhưng rất giàu thiết tha với văn nghệ, với kiếp sống của giới mình, mà gởi tác phẩm đầu tiên của mình dự vào cuộc thi văn chương có tiếng nhất, và rồi một được giải nhất đồng hạng, một được chú ý đặc biệt. Nhưng nay, *Cái nhà gạch* đã tan rã, chỉ còn *Tiếng còi nhà máy* (12), là chút dư âm, *Tan tác* chắc cũng đã nát tan đi tự thuở nào... Nghĩ đến chúng ta không khỏi bùi ngùi, luyến tiếc.

Nhìn lại, trong số các nhà văn nhà thơ được giải hoặc được khuyến khích trong kì thi văn chương cuối cùng này, có ba người bền bỉ đeo đuổi nghề viết đến 1945 và đã chiếm được một chỗ ngồi trong làng thơ làng văn tiền chiến, đó là *Mạnh-Phú-Tư*, *Anh-Thơ* và *Tế-Hanh*.

Nếu có người ví giải Khai-Trí Tiến-Đức với giải Hàn-lâm viện Pháp (13), thì ta cũng có thể cho giải Tực-Lực văn đoàn là giải Goncourt Việt. Vì nó được đợi chờ, được theo dõi, kết quả của nó là một « biến cố văn chương » thời bấy giờ, và các sách được giải hay được khuyến khích, được độc giả Bắc-Trung-Nam mua đọc khá nhiều.

Ngoài uy tín của ban Giám khảo, tưởng ta cũng nên kể : điều lệ dễ dãi và rộng rãi : giải tặng cho tác phẩm hay nhất trong những tác phẩm dự thi, bất cứ về loại văn nào, đặc biệt trong đó, có cả loại *khảo cứu* cũng được coi là những công trình

---

(12) Sau, Kim Hà có lấy một đoạn trong « Cái nhà gạch », sửa chữa lại, giao cho nhà Tân-Việt xuất bản với nhan « Tiếng còi nhà máy » và Kim-Hà được nhà xuất bản giới thiệu là « Một thiên tài vô học »

(13) Và cũng có một người Pháp ví hội Khai-Trí Tiến-Đức với Hàn-lâm viện Pháp. Đó là Paul Reynaud, trong một buổi diễn thuyết ở Paris, ngày 14-12-1932, tại Université des Annales, với đề tài «Du côté de l'Indochine », trong đó có câu : «J'ai été reçu à Hà-Nội par les représentants de l'élite du Tonkin à L'A. F. I. M. A., sorte d'Académie française où les Annamites sont les plus nombreux ». Diễn văn này sau có đăng vào nguyệt san Conférencia, số tháng VI-1933.

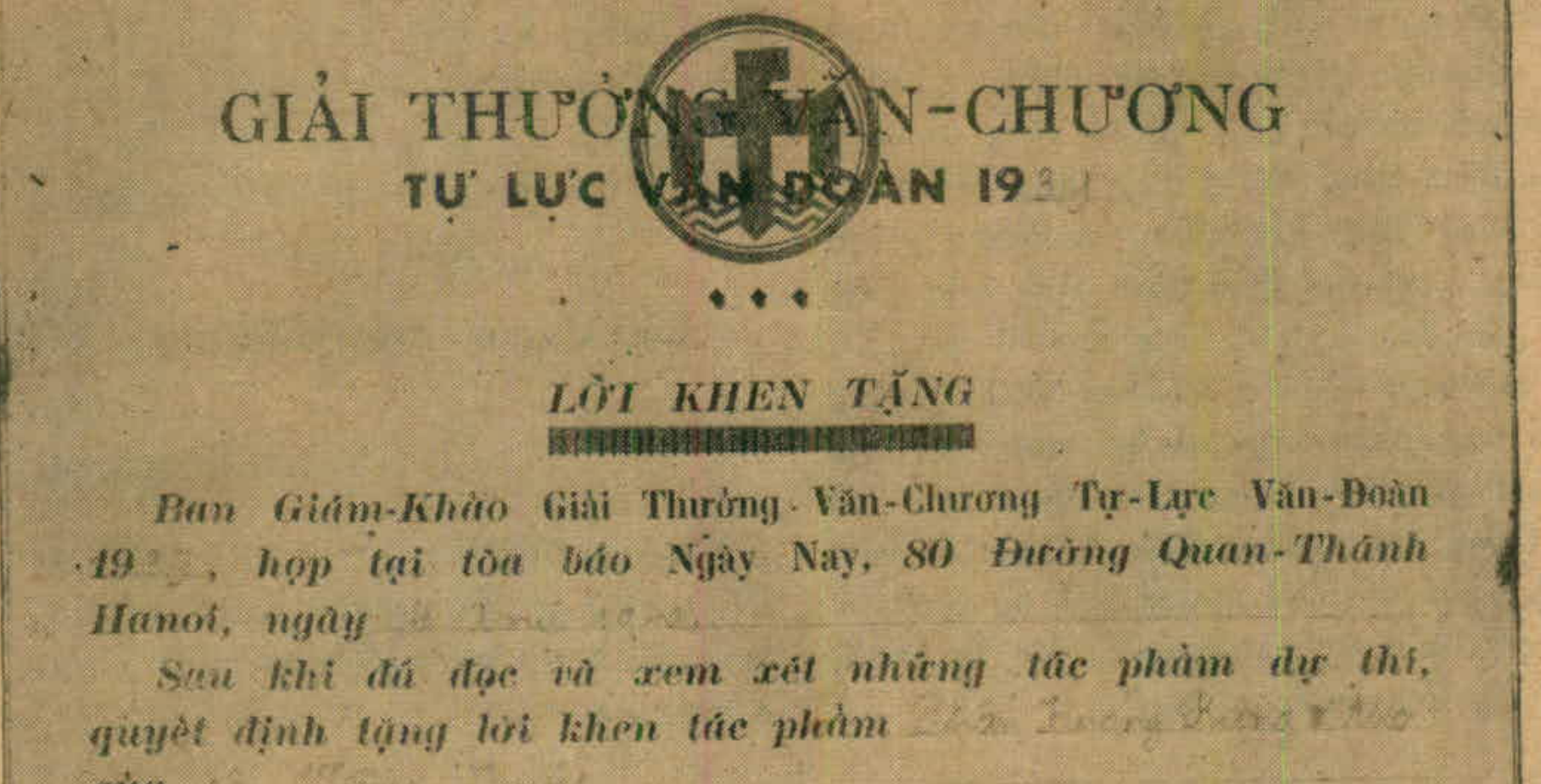

GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG
TỰ LỰC VĂN-ĐOÀN 19

◆ ◆ ◆

LỜI KHEN TẶNG

Ban Giám-Khảo Giải Thưởng Văn-Chương Tự-Lực Văn-Đoàn *19 , họp tại tòa báo* Ngày Nay, *80 Đường Quan-Thánh Hanoi, ngày*

Sau khi đã đọc và xem xét những tác phẩm dự thi, quyết định tặng lời khen tác phẩm của

Hà-nội ngày
Ban Giam Khao Giai Thưởng
Van chương Tu Luc Văn Đoàn

sáng tạo ; một điểm đáng ghi là tác phẩm không trúng giải, cũng được dự thi kì sau miễn là có sửa chữa lại và chưa xuất bản.

Xét lại, tuy cũng có một số nhà văn được giải, được khuyến khích nay bị rơi vào quên lãng, cả người lẫn tác phẩm, thì một số đã chiếm một địa vị trên văn đàn : văn như *Đỗ-Đức-Thu*, *Nguyên - Hồng*, *Mạnh-Phú-Tư*, thơ như *Nguyễn - Bính*, *Anh-Thơ*, *Tế-Hanh*, kịch như *Vi-Huyền-Đắc*.

Và công ấy — khám phá và xác nhận các tài năng — giải văn chương Tự-Lực văn đoàn có lẽ một phần. Tưởng không còn phần thưởng nào xứng đáng hơn cho người đặt giải, cho những người chấm giải, những « ngôi sao » trên vòm trời thi, văn lúc bấy giờ.

Để ghi lại chút dấu vết gì của giải thưởng văn chương lịch sử này, chúng tôi đã tìm đến hai nhà văn được giải trong hai kì thi đầu : Đỗ-Đức-Thu, Vi-Huyền-Đắc, nhưng hai bậc đàn anh này đã không giữ được cái bằng phát thưởng trong cuộc di cư sau hiệp định Genève ; chúng tôi lại tìm đến *Cung-Khanh*, một trong hai tác giải « rất có hi vọng » của

kì thi cuối cùng, nhưng tác giả « *Cách ba ngàn năm* » sau bao lần tản cư cũng không giữ được vết tích gì. May mắn sao trong số những người mà tác phẩm « không được hoàn toàn [...] nhưng cũng có nhiều đặc điểm đáng chú ý và chứng tỏ những tài năng đang nẩy nở », đã được « ban Giám khảo chú ý và khen tặng trên giấy, và giấy đó [...] gửi riêng cho các tác giả», có một người còn giữ được tờ khen tặng nói trên, nhận được đã hai mươi hai năm chẵn, quấn tròn trong một đoạn trúc mà khi đến tay người nhận thì thân đã bầm giập khá nhiều và người chủ nó còn giữ được đến ngày nay, sau bao lần ẩn tránh, đi, về, lửa, nước...

Các bạn có thể thấy lại tuồng chữ của Thạch-Lam, và chữ kí của : Nhất-Linh, Khái-Hưng, Tú-Mỡ, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam. Riêng chữ kí của Thế-Lữ bị cái ấn son che lấp, làm bảng kẻm rồi in lên giấy báo, mơ hồ như gái trại Bồ Tùng-Linh...

Âu đây cũng là

« Của tin còn một chút này... »

(còn tiếp)

NGUIỄN-HỮU-NGƯ

Kì sau: *Giải hội Khuyến học Nam-Kì, giải-hội Khuyến học Cần-Thơ, giải Alexandre de Rhodes, giải Nam-Xuyên...*

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIEM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh_Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

PASTILLES : { VANCO — MÙI « MENTHE »
CAM — MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tấn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

✶

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC
38, Bishopsgate, London E. C. 2

✶

SAIGON CHI - CỤC
CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHU : Đại - lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

✶

NAM - VANG CHI - CỤC
10, Phlauv Preah Kossamac

✶

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

✶

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Bên lề cuộc Triển-lãm Mỹ-thuật Quốc-tế tại Saigon — 1962.

ĐOÀN - THÊM

Giới thiệu điêu-khắc hiện-đại

Cơ-cấu bành-trướng
Structure en expansion 1959 Dây thép. *Falkenstein*

HỘI-họa ở Việt-Nam phát triển khá mau lẹ. và công-chúng đã có nhiều dịp làm quen với các loại tranh mới.

Trái lại, điêu-khắc hầu như chưa được chú ý. Đồ chạm không mấy ai dùng nữa ; tượng ở đền chùa hoặc ở thánh-đường công-giáo đối với đa-số, chỉ là những bảo-vật tượng-trưng để thờ phụng, không gợi ra ý thức gì về phương-diện mỹ-thuật ; mấy hóa-phẩm nặn hay đúc, con hươu đồng, đầu cô gái bằng thạch-cao ở vài tủ kính quầy hàng, chẳng qua là những đồ trang-trí đắt tiền và khó tiêu-thụ.

Nay đột-nhiên đứng trước những hình-thể lạ của các nhà điêu-khắc mới, tất cũng có người không khỏi bỡ ngỡ. Song những tác-phẩm trưng bày ở phòng Triển-Lãm Quốc-Tế, dù giá-trị khác nhau và mang ít nhiều tính-cách cá-biệt, cũng đều thuộc về những loại và theo những khuynh-hướng đã thấy hiện rõ từ cuối thế-kỷ trước hay đầu thế-kỷ này.

TƯỢNG PHỤ-NỮ QUA CÁC THỜI-ĐẠI

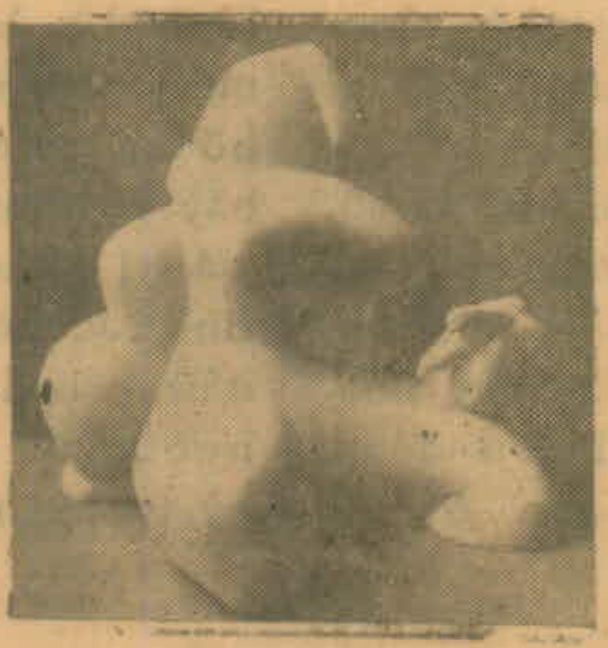

Trong khuôn-khổ một bài giới thiệu sơ-lược, dĩ-nhiên không thể nào vạch rõ được đặc-điểm của từng môn-phái, trình bày cho đủ các yếu-tố kỹ-thuật, và các giai-đoạn quá-trình : ngành điêu-khắc cũng phong-phú và phức-tạp như hội-họa, nhất là ở thời-kỳ tự-do hiện-đại. Vậy chỉ xin tóm tắt một cách rất sơ-sài vài điểm chính-yếu, may ra bạn đọc có một ý-niệm cụ-thể về một ngành nghệ-thuật quan-trọng.

Bởi điêu-khắc và hội-họa xưa nay tiến triển song song, hỗ-tương ảnh-hưởng khá nhiều, nên những bạn nào đã theo dõi hội-họa, thì cứ suy ra cũng có thể đoán được đại-khái về phía điêu khắc nhiều sự đổi thay trong thời gian, của các quan-niệm cùng các môn-phái : cũng có Cổ-điển, Tả-thực, Biểu-hiện, Lập-thể, Siêu-thực... có Thể-hiện rồi Trừu-tượng v. v...

Ở điêu-khắc cũng như trong hội-họa, vẫn ngần ấy thắc mắc của khán-giả, ngần ấy vấn-đề chia rẽ các nghệ sĩ : cân-đối, tiết-điệu, ánh-sắc, qui-củ hay phóng-túng tự-do, ngoạn-mục hay bắt chước tạo-vật hay biến đổi thiên-nhiên ? phơi bày những hình những cảnh có thật, hay hoàn-toàn tưởng tượng ?

Điêu-khắc thời cổ phụ thuộc kiến-trúc và tô điểm cho đồ đạc, rồi dần dần mới thoát ly, mà thành một ngành riêng : trước hết phải phụng sự tôn-giáo, dù ở Hy-Lạp, La-Mã, Trung Hoa, Ấn-Độ, Úc-Châu, Nam-Mỹ, Phi-Châu... Về sau, lại phụng sự những nhân-vật lịch-sử được suy tôn, mãi tới thế kỷ XIX, mới cùng với hội-họa đòi lại tính-cách nghệ-thuật thuần - túy, làm phương tiện cho nghệ-sĩ biểu lộ tâm-hồn tùy tài-năng và lý-tưởng cá-nhân.

Từ tiền-sử tới ngày nay, và nếu xét một cách bao-quát, thì điêu-khắc đã qua nhiều canh-cải trong công cuộc tìm Thể : thô-sơ, mộc-mạc hay hồn-nhiên, tới tinh-vi ngoạn-mục nhờ mực-thước điều-độ, rồi bỏ trầm-tĩnh sang linh-động, bỏ ngay thẳng sang tròn cong, rời khỏi các khuôn lý-trí mà theo đà tình-cảm, tưởng-tượng hay mê-hoảng. Những tượng thần xù-xì lồi-lõm của thời hang đá, đã biến ra công-chúa dẹt phẳng nhưng mềm mại của Ai-Cập, những võ-sĩ hiên ngang lực-lưỡng và Vệ-Nữ Hy-Lạp tuyệt-trần lộng lẫy, những thánh-mẫu tôn-nghiêm ở nhà thờ thế-kỷ thứ X, những thiếu-nữ múa nhịp êm đềm như của Duccio hay Goujon thời Phục-Hưng, những nữ-tiên mỹ-miều nghiêng ngả ở thế-kỷ XVII, XVIII... tới cận-đại, lại hiện ra các tầm thân lệch lạc, méo mó, phồng, dúm hay dài ngoẵng

---

(1) *Từ trái sang phải và trên xuống dưới :*
— Của Ai-Cập, 1400 trước Dương-Lịch
— Của Hy-Lạp, 490 trước Dương-Lịch
— Của Pháp, Gislebert, 1130-40
— Của Jean Bologne, thế-kỷ XVI
— Của Rodin 1882
— Của Maillol 1900
— Của Archipenko 1915
— Của Laurens (1885-1954)
— Của Gonzalez 1937

những thớ thịt làn da cẩm-thạch mịn màng, những ánh đồng óng chuốt nhường chỗ cho những mặt mũi lởm chởm như đắp bằng vỏ cây, đá ong hay bùn khô.

Vì điêu-khắc hiện-đại cũng như hội-họa, không nhằm theo đuổi sự Đẹp sáng sủa dễ hiểu dễ ưa nhưng tìm những vẻ đẹp trong sức mạnh tinh-thần, của tình-cảm dạt dào, của tưởng-tượng vùng vẫy ra ngoài thực-tế. Nhiều nghệ-sĩ còn muốn vượt cảnh nhỡn-tiền, đi sâu vào tiềm-thức, để lôi ra những nội-cảm ẩn tàng, mà thể hiện, hoặc dùng ý-thức kỷ-hà-họcđể tạo ra những hình chưa ai thấy, hoặc trở về những vật thô-sơ với ước-vọng tìm lại nguồn gốc của mọi Thể khi mới chớm mọc.

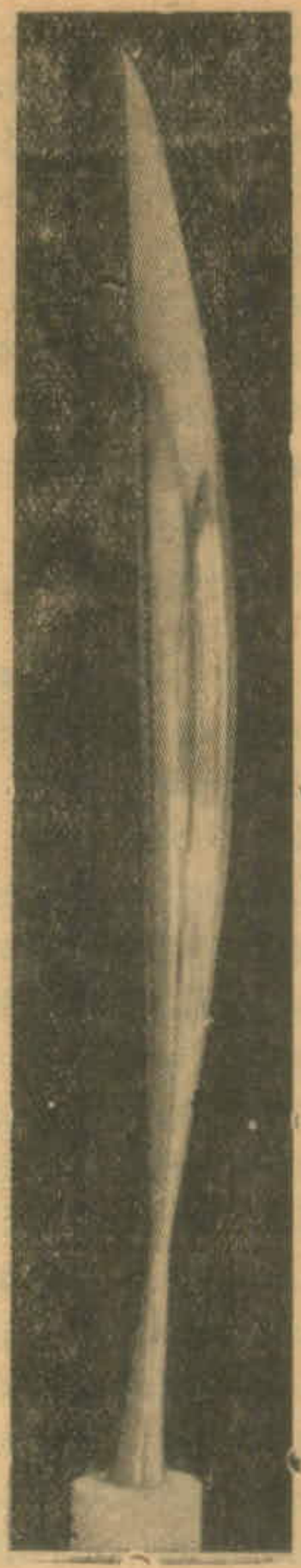

Chim bay
L'oiseau dans l'espace
1940. Đồng. *Brancusi.*

Nghệ-sĩ đi tìm *sự đẹp chung* cho loài người, rồi... tìm *sự thực theo đường lối cá-nhân*. Sự biến chuyển về quan-niệm như vậy đã đưa tới nhiều hậu-quả trong nghệ-thuật điêu-khắc của thế-kỷ này:

— *những chất-liệu mới* đã được thí nghiệm: thời trước, chỉ có gỗ, đất, đá, đồng, ngày nay nghệ-sĩ dùng cả thép, sắt, sắt vụn, thau (laiton) chất polyester trong suốt hay mờ, kính, plexiglass v.v...

— *những hình-khối mới*. Nhà điêu-khắc cổ-điển tạo những hình tròn, đầy, nở nang, cho giống hình-thể sinh-vật. Đã ít lâu nay nghệ-sĩ mới như Archipenko, đi ngược lại, muốn thấy cả bề trong các khối, không ngần ngại phô ra những khoảng trống rỗng (le vide) dùng trống rỗng để thể-hiện không-gian.

— *những phương-thức mới*. Người ta thường nói: «trơ như phỗng đá». Thực ra, nhà điêu-khắc từ lâu vẫn muốn diễn tả các cử động của người hay vật. Những tượng giơ tay, bước chạy, ngựa nhảy, người ném đĩa: theo nghệ-sĩ mới, về sống động kia chỉ cảm thấy chớ không nhìn thấy, đá hay đồng vẫn là một khối im lìm. Ngày nay, cần thực hiện cả sự giao-chuyển: do đó có người như Calder, dùng những thanh kim-khí mắc vào nhau, có thể lay động (mobiles).

Những thể-tài mới. — Thời xưa nhà điêu-khắc sáng tác theo hai lối chính: chạm trên vách, trên mộ (reliefs) hoặc nặn đúc theo khối riêng có thể nhìn cả mọi phía (ronde-bosse) (1).

---

(1) Điêu-khắc gồm có nhiều hình-thức, đi từ nét vẽ đường chạm tới tượng đủ các bề:
— Nét vẽ rồi khắc (dessin gravé)
— Chạm như ở các tấm bia (bas reliefs)
— Chạm nổi lồi ra nhiều nhưng vẫn dính vào vách (hauts-reliefs)

Dù theo cách nào, cũng thường tạc thân người, súc vật (ngành làm tượng : statuaire) hay đục, gọt trên ván trên tường những hoa lá cảnh vật có thực, hoặc nếu toàn-cảnh do tưởng tượng, thì chi-tiết thành-phần vẫn vay mượn trong thực-tế (những đàn-ông đàn-bà rất đẹp nhảy múa với nhau giữa rừng : cảnh thần tiên Olympe).

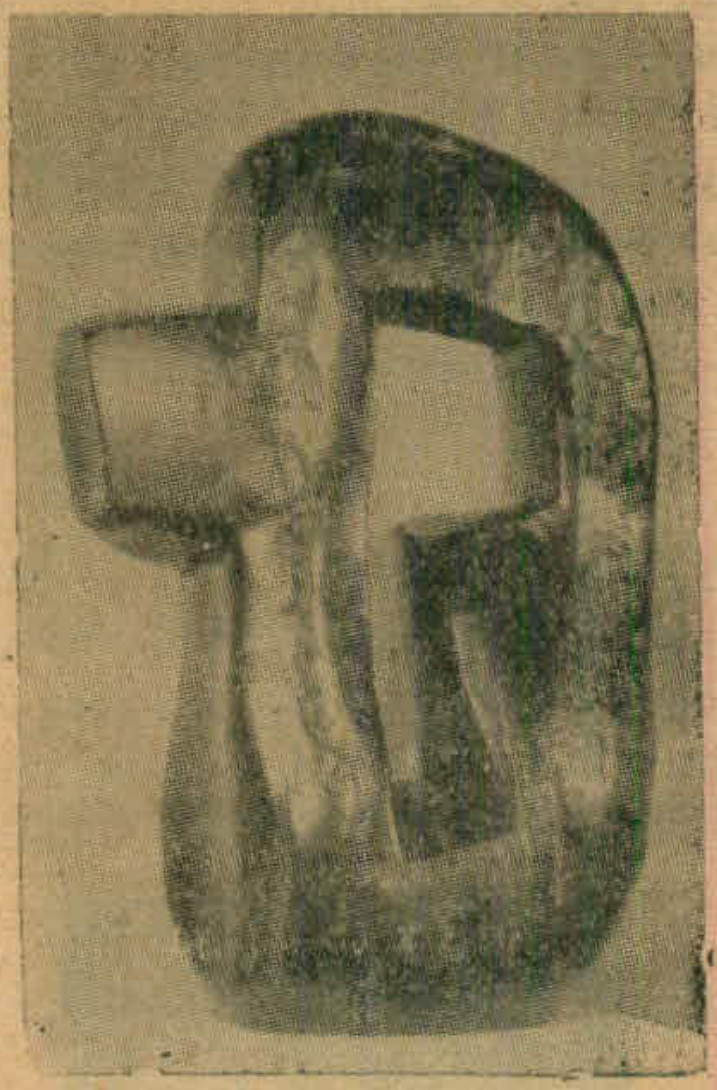

Chữ Thập
Croix. Gỗ. *Noll*

Bây giờ có nhiều tác-phẩm điêu-khắc khó lòng bảo là khối đồng hoặc là hình dẹt : tỉ như những bó que dài của Fontana, những đồ giồng lồng chim hay guồng máy của Stankiewiez, không biết gọi là chi, vì chẳng phải là vật gì hiện có ở quanh ta. Điêu-khắc đã vượt khỏi phạm-vi nặn tượng hoặc chạm đố, để tới những địa-hạt bao-la mà phàm-nhân chưa thấy, mà tạo ra những hình những thể khác thường. Bởi vậy, các nhà nghiên cứu xưng là Trừu-Tượng (Sculpture abstraite) hay vô-hình (non-figurative).

Thiết nghĩ đây chỉ là những danh-từ phải dùng một cách vạn bất-đắc-dĩ, vì thiếu tiếng, chứ thật ra, khó nói là « trừu-tượng » là « vô-hình » khi vẫn mó thấy, nắm được, khiêng đi, đập vỡ : hội-họa chỉ gợi ra cho mắt, nên kêu là Trừu-tượng thì may ra còn có thể chấp nhận, còn ở điêu-khắc, những chữ kia cho cảm-tưởng « tức anh ách ».

Đến hiện-đại, bởi nhiều thứ điêu-khắc quá, các học-giả cần phân loại, xếp hạng để dễ nhận xét, song cũng như đối với hội-họa, đã gặp khó khăn, và ở lắm trường hợp, các vị không đồng ý với nhau :

Chana Orloff (1888) có khi được liệt vào Biểu-hiện (theo l'Art et l'Homme của Huyghes) nhưng lại bị coi như thuộc Lập-Thể trong Tự-Điển Điêu-Khắc mới (Dictionnaire de la Sculpture Moderne). *Hamm* (1871 - 1961) dưới mắt vị này, xây dựng theo kỷ - hà - học (constructivisme géométrique), nhưng theo ý của vị khác, thì phải kể trong nhóm Trừu-tượng v.v... Lại có những người như Giacometti, Laurens, Archipenko v. v... sáng tác

---

— Tượng cao làm cột nhà, (statue-colonne)

— Tượng dựa lưng vào tường (thời Trung-cổ có nhiều)

— Tượng nhìn mặt trước, phần trước chính yếu (thời Phục-Hưng có nhiều)

— Tượng hình có thể đi quanh mà ngắm mọi mặt (Ronde-Bosse)

theo rất nhiều lối, chẳng thể đặt hẳn giữa phái nào.

Có nhà học-giả không chú trọng nữa vào kỹ-thuật cá-nhân, nhưng căn cứ vào từng tác-phẩm mà phân biệt để so sánh ; như Henri Van Leer đã nhận ra :

1.— Điêu-khắc thần-kỳ (sculpture magique) có công-dụng thờ-phụng hoặc tính-cách sùng-tín : như những thần-tượng quái-dị của các bộ-lạc chậm tiến ;

2.— Điêu-khắc mỹ-thể (sculpture formelle) có mục-đích tạo hình đẹp, với tham vọng hướng lên kiểu-mẫu lý-tưởng : tượng Hy-Lạp, tượng Phục-Hưng...

3.— Điêu-khắc thể chất (sculpture matérielle) muốn trở về nguồn gốc các sinh-vật hay bất-động-vật, hình dung ra những mầm cây đương mọc (Jean Arp 1887) những thể người chưa thành (Laurens 1885-1954)...

4.— Điêu-khắc khai-thể (sculpture ouverte). Michel-Ange thời Phục Hưng chủ trương rằng tượng phải là một khối đầy, tròn, có thể lăn xuống dốc núi mà không gẫy. Song những Lipchitz (1811), Archipenko (1887), Zadkine (1890)... mở toang các khối, phơi bày cả phần bên trong các thân-thể, để lộ ra nhiều khoảng trống : hư-không cũng có thể dùng để thể hiện không-gian và làm cho không-gian linh động.

5.— Điêu-khắc động-năng (Sculpture énergétique) hướng về sự chuyển-động, cố tránh sự thẩm-lặng của chất-liệu ; nhà điêu-khắc cũng như họa-sĩ, có tham-vọng thu phục không-gian mà phơi bày trên diện-tích hay bằng khối-lượng (représentation de l'espace). Nhưng khoa-học đã khám phá ra rằng lượng và chất đều có thể biến thành những năng-lực, và năng-lực như vậy thay thế nổi lượng và khối ; và chăng chuyển-động là đặc-tính của cuộc sống ồ ạt ngày nay, nên nghệ-thuật đi sát với sinh-hoạt thì không thể từ-tại bất-dịch. Pevsner (1884) Peyrissac (1895) Calder (1898).. xa lánh ngang, bằng, xổ, ngay, dày, nặng, để theo các đường nét nhẹ, tròn, cong, uốn ra các hình quay lộn được...

***

Sự phân loại của H. V. Leer đã khá rõ ràng, và lột được đặc-tính của nhiều nhóm điêu-khắc hiện-đại Song thiết nghĩ không cần lý-luận nhiều, có thể theo *nhỡn-quan* cùng *cảm-giác* mà tạm

Ba Nữ-ngư-tiên
Trois Sirènes 1889. *Rodin*

xếp cho có một thứ-tự nào đó, để theo dõi cho đỡ tổn công. Vì thế, xin trình bày ra đây cả những kết-quả nhận xét riêng trong sự tìm hiểu ngành nghệ-thuật này.

*
* *

Hiện nay bên cạnh những nghệ-sĩ có khuynh-hhướng mới, vẫn còn nhiều người sáng tác và thành công, nhưng chưa từ bỏ một vài hình dáng hoặc lề-lối của thời trước.

Tán-dương nhạc-sĩ Bach
Hommage à Bach 1932.
Lập thể. Gỗ. *Zadkine*

Tân-Cổ-Điển. Danh-từ này chỉ dùng cho tiện, vì thiếu chữ, chớ không có ý gì khen chê mới cũ, không bao hàm nghĩa bảo-thủ.

Đặc-tính : các hình-thể vẫn phân minh, giản-dị, nhẵn nhụi, Tượng vẫn dầy, đặc, xoay tròn (modelé) có nhịp điệu hoặc vững chắc.

Thuộc nhóm này, có những vị nổi tiếng, như Bourdelle, Deluol, Despiau, Drivier, Gimond, Hildebrand, Maillol, Milles, Poisson, Volti, Yencesse v. v... Nhiều vị là giáo-sư điêu-khắc.

Biểu-Hiện không ngại lệch lạc, bóp méo, dùng chất xù xì, với dụng-ý đập mạnh vào cảm-xúc.

Đáng kể nhất : Auricoste, Barlach, Butler, Gonzalez, Lehmbruck, Rosso, Szwarc...

Kiểu-thức (Formes Stylisées). Lồng người hay vật vào những hình riêng, biến đổi cho khác thường, với một dụng ý lột rõ cá-tính của đối-tượng : Blumenthal, Burckhardt, Csaky, Epstein, Iché, Léger, Marini, Orloff, Zadkine...

Lập-thể. Duchamp-Villon, Laurens, Lipchitz... nặn như đẽo gọt sắc cạnh, tạo những khối cứng rắn, có khi lật mặt trong ra mặt ngoài, và ngược lại, hoặc đặt chỗ lõm vào chỗ lồi, chồng chất nhiều diện-tích v. v...

Siêu-thực. Đưa ra những thể kỳ-quái, hung-bạo, gợi người nửa vật, vật hình người, giống cây giống đá, xáo trộn ba loài trong trời đất, gần như ở tranh Dali hay Max Ernst. Nổi tiếng : Couturier, Giacometti, Germaine Richier...

*
* *

Những thể mới nhất

Thể đơn-thuần (formes pures) tròn, nhẵn, bóng, cho cảm thấy sự sinh-trưởng và biến- chuyển của các Thể vị-thành, nhưng sống động, gợi ra đôi chút hình người, vật, cây cỏ... Như của J. Arp, Archipenko, Béothy, Moore, Pompon... Trước những tác-phẩm này, khán-giả mơ màng tới cảnh trời đất trong buổi sơ-khai, hoặc chất

Thể rắn và bò thần
Cobra Centaure 1952.
Đá *J. Arp.*

sống trào dâng, ngoi lên tìm Thể mà chưa đạt.

Thể thô-sơ (formes brutes), gai góc, sần sùi, nhắc tới đá ong, bùn lấy, bọt sóng, tảng đá, cục đất, giống mà không phải là sinh-vật, cầm-thú, thảo-mộc hay kim-khí, hoặc chỉ là những đống nguyên-liệu không rõ hình chi sẵn tên. Nghệ-sĩ có tham-vọng nhập vào mọi chất hóa sinh vạn-vật, để tìm ra mối giao-cảm với các sức mạnh bí-huyền nằm trong các đống, các tảng, các khối chưa được ý-chí con người gán cho danh-từ gì.

Xin tìm coi tác-phẩm của Fautrier, Clatworthy, Chadwick, Tatlin, Negri... Nhóm này càng ngày càng đông, và khuynh-hướng vô-thể này lan rộng ra khắp Âu-Mỹ.

Thể tạo-khí (formes construites) Vận dụng kỷ-hà-học, các đường, các mặt, các khối, hoặc cả ba để xây dựng những thứ đồ mới lạ chưa có tên gọi. Nói một cách cụ-thể, thì nghệ-sĩ nhóm này dùng dây thép, ván mỏng, tấm kính, hoặc khối đá khối sắt, nhưng sắp đặt đối chọi, tròn, vuông, cong, thẳng. Có người thiên về đường (lignes) như Bloc, Rivera, Vardanga, người khác chuyên về mặt phẳng (plans) như Archipenko, Pevsner, Bill; một số tạo các khối (volumes) như Adam, Brancusi, Vantongerloo. Phần đông thì phối hợp tất cả: Velasco, Gabo, Ulmann, Visser...

Kết quả, là họ đi tới những « khí-cụ » như :

Một thứ mỏ chim, đầu máy nhọn hoắt, rỗng, mạnh mẽ (Sculpture en béton 1955 của Adam).

Một sợi thép tròn nhẵn, thẳng với cong, múa như nét chữ mềm mại (Equilibre 1952-53 của Vieira).

Figure de Groupe 1958. Đồng. *Cimiotti*

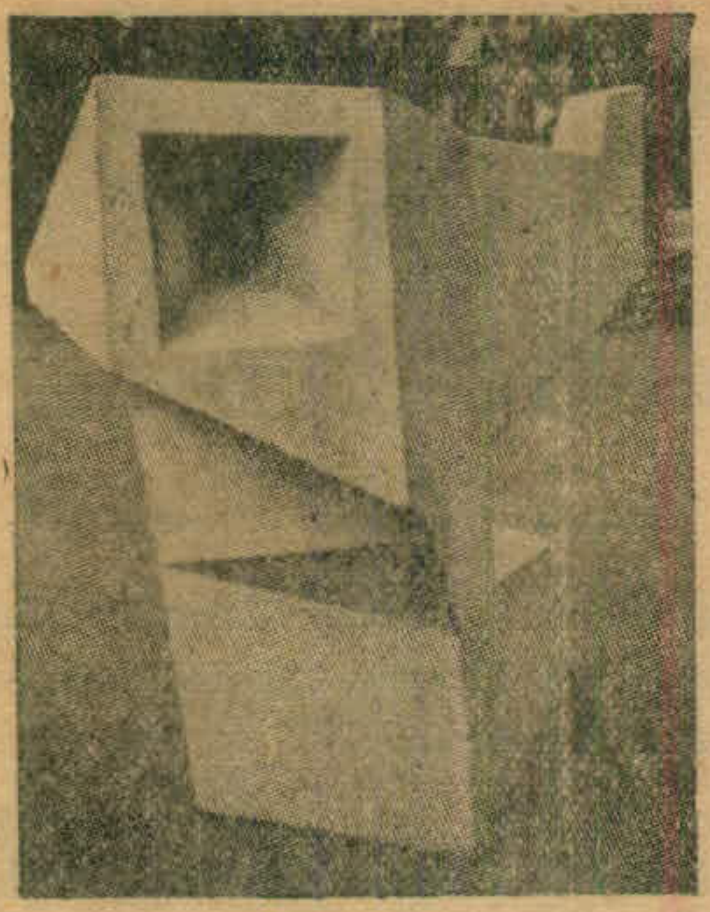

Đồ vật lớn
Grand Objet 1958 Bê-tông. *Gigon*

Thôi thì trăm hình ngàn trạng không thể lường được. Song ngắm kỹ, quả cũng có vẻ đẹp riêng, chưa từng thấy (1).

***

Xét một cách tổng-hợp, thì thấy điêu-khắc phương Tây đã tiến triển qua các thời-đại theo hai hướng chính-yếu :

Cho tới cuối thế-kỷ XIX, đối-tượng quan-trọng nhất của ngành nghệ-thuật này, là *thân-thể* : thân-thể đàn-ông và nhất là đàn-bà. Từ Thượng-cổ, nhà điêu khắc mượn nét mặt, thớ thịt, làn da, nhịp điệu của chân tay mà bộc lộ ý-niệm về sự Đẹp muôn thuở (Hy-Lạp, Phục-Hưng) rồi sau nhờ các cử-chỉ, các dung-nhan mà tả các tâm-tình : bắt các thánh-thần và các nhân-vật quằn quại vì nỗi lòng bi-đát (Michel-Ange, Le Bernin) chuyển bước yểu điệu hay ca múa (Goujon, Carpeaux) nói lên những khát khao, ham sống (Rodin, Maillol) hoặc những kỳ-vọng vĩnh-cửu chống lại thời-gian và sự chết (các thứ tượng, các bản khắc để kỷ-niệm ở lăng-tẩm, lâu-đài, công-viên, từ cổ Ai-Cập đến nay).

Rồi thân-thể bằng đá bằng đồng trước kia làm kiểu-mẫu cho những người muốn đẹp, muốn yêu, và muốn sống mạnh, không được dùng nữa để chứa đựng những kiều-diễm, sức-lực, và sinh-khí. Trái lại, nó bị bẻ lệch, vặn méo, hoặc bụng phải lồi ra trông rất ghê gớm, hoặc chân tay bị kéo dài thõng thượt, hoặc mặt mũi chỉ còn là mấy cục sưng phồng (tượng của Matise, Picasso, Richier, Auricoste, Nilsson, Nadelman...). Xưa kia, phụ-nữ như ngọc ngà, hồi gần đây, cho cảm tưởng là bị vùi dập, đắp đầy bùn (đầu của Rosso 1894), nung núc như một đống mỡ (Figure accroupie 1941 của Laurens) bò lê như một quái-vật (Chimère 1960 của Mascherini). Đàn-ông cũng chẳng hơn gì : một xác đen thui như cây bị đốt thành than (L'homme atomisé của A. Fabbri), một cái hộp vuông mang hai sừng bò (Le Roi jouant aux échecs 1944 của Max Ernst).

Con người chỉ hiện ra dưới hình thù « bất thành nhân-dạng », để gây

(1) Trong bài « Tìm Đẹp bên lề Nghệ-thuật » B. K. số 128, cũng có in lại những tác-phẩm điêu-khắc mới :
Nở sống Croissance 1938 của J. Arp.
Nhân-vật Personnage 1958 của Delahaye.
Xây dựng Construction 64 của Rivera.
Bóng ráng Nuance 1956 của Vardanega.

chán ngán, rồi bị chán ngán, bỏ rơi, và phải nhường chỗ cho các sự vật khác.

Nhà điêu-khắc đôi khi mơ ước những mầm cây sắp lớn, những khối căng đầy nhựa sống, những gì mộc mạc, ngây thơ và đựng nhiều thi-vị mát tươi (Arp, Laurens, Boisecq, Bill) ; hoặc lảng về những đồng đá gồ ghề, những cành que khô, những thanh sắt cong queo, tới lãnh-vực vô-tri vô-giác, (Guino, Ferlier, Rocklin) như để ẩn náu, thoát khỏi một cuộc đời mất tin-tưởng với những con người ngơ ngác đò hỏi ngày mai...

Song nhiều lúc khác, có lẽ nghệ-sĩ thấy cần ra khỏi hoang-mang, nên cố tìm bình-tĩnh hoặc trật-tự trong hình-học, để tạo một nhịp mới mà trở lại thăng-bằng, nhờ những vòng thép dây đồng của thời buổi máy (Nuance dans l'espace 1956 của Vardanga, Rondo 1958 của Uhlmann), hay ỷ vào sự vững bền của khối-lượng khéo xếp đặt (Développement 1959 của Mannoni, Vayu II 1958 của Knoop, Sculpture noire 1958 của Signori)...

Điêu-khắc
Sculpture. Đất nung. *Subirachs*

Tóm lại, nhà điêu-khắc cũng như họa-sĩ hay thi-nhân hiện nay, không chịu lang thang tìm đẹp mà thôi, còn muốn suy ngẫm hơn là rung động, để tìm những năng-lực phát sinh ra Thể : phải chăng đó là nguồn đẹp mới, thích hợp với tương-lai hơn cả Thể lẫn Tình ?

Đ. T.

Kỳ tới : *Tìm Đẹp ở người.*

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « *Tô-điểm trong mỹ-nghệ* », B.K. số 139, có những chữ in lầm như sau :

— trang 45 : những khí-cụ không thể dày ; xin đọc là : *không để bày.*

— trang 50 : vẫn phải song song thành ; xin đọc là : *vẫn phải song hành.*

— trang 51 : perystiles, xin đọc là : *Péristyles.*

Vậy xin cáo lỗi cùng quí-vị độc-giả.

Truman Capote

viết gì ?

viết thế nào ?

theo ý TRUMAN CAPOTE

TRÀNG-THIÊN

MỘT phóng viên tìm đến gặp Claude Simon đã nhận xét rằng trông ông ta như là một vị lạt-ma Tây-Tạng : nghiêm túc, chững chạc. Không phải đến bây giờ, có tuổi tác rồi, ông mới thế. Trên tấm hình đăng ở tạp chí *l'Express* số ra ngày 12-4-1962, chụp cách đây hăm lăm năm ở Tây-Ban-Nha, coi bộ chàng thanh niên Claude Simon hồi đó cũng đã nghiêm trang trầm tư.

Truman Capote thì trái lại. Đây là một người nhỏ vóc, nhanh nhẹn. Trên các bức hình, ta thấy bao giờ con người đó cũng linh động : lúc cười toe toét, lúc múa tay, lúc lại trợn mắt ngạc nhiên. Nhà văn nổi tiếng rất sớm — hồi mới hai mươi tuổi — và nổi tiếng lừng lẫy khắp cả Âu Mỹ ấy, trong câu chuyện, thường tỏ ra hồn nhiên, đột ngột và rất là dễ dàng, cởi mở.

Marc Saporta nghe tin ông đến Paris, chạy đến phỏng vấn. Thoạt tiên, phóng viên bảo rằng có biết ông sinh năm 1924 ở Nouvelle-Orléans, nhưng còn các chi tiết khác về cuộc đời riêng của ông thì có nhiều chuyện ly kỳ quá đáng. Truman Capote liền nói thẳng :

— *Đúng thế. Người ta bảo đầu tiên tôi kiếm ăn bằng cách nhảy* claquettes *trên các tàu ngược sông Mississipi. Người ta xác nhận là tôi có gian díu ít nhiều với một cô ả bói bài, và chính tôi cũng có bói toán nữa... này ! bây giờ tôi có thể thú thực với ông rằng tất cả những cái đó là hoàn toàn do tôi bịa ra hết đấy. Sự thực thì tôi bắt đầu in sách hồi mới*

thôi bực trung học. Tôi sợ người ta không thèm để ý tới mình, cho nên mới bịa ra một cái tiểu sử. Tuy thế, cũng không thể cho là tôi không có chút kinh nghiệm gì. Nhà xuất bản tin lời tôi, và chiều theo ý muốn của tôi hồi đó, đã in trên bìa các tác phẩm đầu tiên của tôi câu chuyện tiểu sử thần kỳ đó. Phải nhận rằng việc ấy thế mà kết quả khá, bởi vì thực ra thành công buổi đầu của tôi phần lớn là do quảng cáo. Vả lại, tôi phải làm thế. Một tác giả trẻ tuổi, chưa có kinh nghiệm gì, tin rằng mình đang có những điều cần nói ra, biết làm thế nào để cho công chúng chịu đọc tác phẩm mình? Ngày nay thì tôi đã có khá đông độc giả để có thể nói toạc sự thực ra (1).

Marc Saporta khen ngợi sự thành thực của ông, và tiếp tục hỏi thêm về tiểu sử để đính chính những sai lầm lâu nay xun quanh cuộc đời ông. Ông vội vàng đưa ra một ý kiến nữa :

— *Phải nói ngay với ông rằng tên tôi không phải là Truman Capote, mà là Streckfus Persons ; Capote là tên nhạc gia của tôi, còn Truman là tên một người bạn... (1).*

Lần này nhà phóng viên đâm ra ngờ vực tánh thành thực của văn hào, liền hỏi :

— Ông lại vừa bịa ra cái tên người bạn ấy ?

Truman Capote đáp ngay :

— *Tôi phải cái tật nói láo quen mồm rồi cho nên có lúc lầm lẫn. Thôi được, chúng ta cho qua chuyện đó... (1).*

(1) Tạp chí *Tin tức và tài liệu* (*Informations et documents*) số 162.

Lúc người ta cho ông biết rằng có những người đứng đắn như giáo sư Coindreau cũng đã bị lầm vì cái tiểu sử ly kỳ của ông bịa ra, thì Truman Capote làm bộ ngạc nhiên, lấy làm tội nghiệp cho sự « đứng đắn » đó lắm.

***

Thoạt nghe lối nói của Truman Capote và thoạt biết qua cuộc đời nghệ sĩ hào hoa của ông, người ta rất có thể sai lầm một cách bất công về con người lạ lùng ấy. Thực vậy, con người đã bước vào nghề văn bằng một lối quảng cáo rất ít dè dặt lại là một nhà văn vô cùng thận trọng, dè dặt. Trong hai mươi năm sáng tác, ông cho xuất bản rất ít : ba, bốn cuốn truyện, một tập ký sự. Ít tới nỗi có hồi người ta đồn ầm lên rằng ông đã cạn nguồn rồi, không viết nổi nữa. Trong khi ấy ông đang chuẩn bị tác phẩm quan trọng nhất của mình. Hãy nghe ông nói về cách viết :

— *Rắc rối lắm. Khi tôi viết một tác phẩm không phải thuộc loại tiểu thuyết, như quyển « Nàng Thơ lên tiếng » chẳng hạn, tức là một quyển ký sự văn học về nước Nga, thì tôi vạch ra một bố cục rất rõ ràng và theo đúng bố cục ; do đó tôi có thể viết khá nhanh. Trái lại, khi viết một cuốn tiểu thuyết, tôi thong thả. Như tôi đã báo, cuốn truyện đang viết dở của tôi hiện thời đã được bắt đầu cách đây ba năm. Tôi có một quyển khác nằm trong ngăn kéo, viết xong độ chừng tám năm nay, nhưng tôi vẫn chưa coi là hoàn tất. Sau này tôi sẽ chữa lại. Có một điều chắc chắn, ấy là tôi không vội*

vàng xuất bản. Còn về cái kỹ thuật riêng của tôi, nó có hơi đặc biệt một chút. Tôi bắt đầu chép tác phẩm hoàn toàn bằng cách viết tay trên giấy màu. — giấy vàng chẳng hạn. Sau đó, khi đã nháp trọn tác phẩm rồi, tôi chép lại từ đầu chí cuối, cũng vẫn chép tay để tự bắt mình phải thong thả, chép trên giấy màu khác— màu xanh. Sở dĩ tôi phải đổi màu giấy là để tránh cái nạn lười biếng, lấy cớ là không có gì để sửa chữa rồi mang luôn trang này qua tập kia. Chép như thế, tôi phải xem lại từng trang một.

Khi đã chép tác phẩm sang giấy xanh xong rồi, tôi nghỉ ngơi ít lâu — có khi không quá mười lăm ngày — rồi tôi lại chép qua giấy vàng. Đến giai đoạn này thì tôi đã có một tập bản thảo gần nhất định rồi. Tôi tự tay đánh máy lại. Thường thường, nghỉ ngơi một lần nữa, rồi tôi chỉnh đốn lại tử tế một lần cuối cùng trước khi giao cho nhà xuất bản; thế nhưng đối với một vài quyển tiểu thuyết về sau tôi lại còn phải chữa nữa đấy. (1)

Lần khác, tiếp chuyện Madeleine Chapsal, Truman Capote bảo rằng càng viết thâm niên ông lại càng thận trọng, kỹ lưỡng :

— Tôi xuất bản rất ít bởi vì tôi là một nhà văn chậm chạp. Và càng nhiều tuổi tôi càng chậm, nghĩa là tôi càng làm việc nhiều hơn lên và tôi càng tỉ mỉ thêm lên... Cái gì viết ra tôi cũng phải viết lại năm lần. (2)

* * *

Trải qua hai mươi năm sáng tác, hẳn là quan niệm của Truman Capote về tiểu thuyết đã nhiều lần đổi thay. Hiện thời, qua cuốn truyện ông đang viết, bắt đầu đã ba năm theo lời ông vừa nói, chúng ta thấy một quan niệm khá độc đáo. Ông nói với Madeleine Chapsal :

—...Tôi viết lại một «kinh nghiệm» : một quyển sách không phải là tiểu thuyết mà là phóng sự. Đề tài là một vụ án mạng xảy ra tận một thành phố nhỏ ở Kansas, tại miền Tây Hoa-Kỳ. Cách đây ít lâu, có bốn người trong một gia đình thuộc hạng tên tuổi trong thành phố bị giết chết : ông cha, bà mẹ và hai người con... Tôi đã đến thành phố ấy, Garden City, và đã ở lại đó bảy tháng để hỏi hết mọi người, kể cả những kẻ sát nhân (vì người ta đã tìm ra và bắt được). Bây giờ tôi có hàng tấn tài liệu, và tôi sẽ dùng nó để xây dựng tác phẩm. Bà thấy chứ ? Mỗi một chữ trong cuốn sách đều thực, mỗi một chi tiết đều thực (2).

Tại sao ông lại nảy ra cái ý đi ôm một tập hồ sơ án mạng về để viết loại tiểu thuyết phóng sự như vậy ? Cái gì đã xui khiến ông có cái quan niệm sáng tác ấy ?

— Đó là tập ký sự mà tôi viết ở Nga trong khi đi theo đoàn «Porgy and Bess», và những hoạt động báo chí khác. Tôi tin rằng một nghệ sĩ rất có thể dùng những tài liệu rút thẳng từ thực tại ra để xây dựng nên một tác phẩm không kém giá trị sáng tạo so với một quyển tiểu thuyết hoàn toàn tưởng tượng. Hơn nữa theo ý tôi, thì đó là địa hạt cuối cùng còn lại chưa thám

(2) Tạp chí *L' Express* số ra ngày 12 tháng 4 năm 1962.

sát. Địa hạt kia (3) đã được khai phá đầy đủ rồi họ đã đi tới tận cùng chỗ có thể đi tới, tôi cho là bây giờ họ đang lâm vào cuối một ngõ cụt ; bởi vì, ít ra theo chỗ tôi thấy, đó là một ngõ cụt..(2)

Madeleine Chapsal hỏi :

— Họ là ai vậy ?

— *Là những người tên Michel Butor, Robbe-Grillet, Nathalie Sarraute, Ionesco, Beckett . . . ấy mà. Họ thật tài tình, tôi phục công việc của họ lắm và tôi nghĩ làm như thế là phải. Tuy nhiên tôi không tin rằng họ có đếm xỉa tới những kẻ đọc họ. Không có một ai trong bọn họ để ý tới hết. Tôi nghĩ họ bất cần là có sự thông cảm hay không có thông cảm đối với độc giả hay khán giả... Tôi, thì trái hẳn, tôi muốn được giao tiếp mật thiết với độc giả, tôi tìm cách làm cho sự thông cảm được hoàn toàn chừng nào hay chừng ấy, trong một sự minh bạch sáng sủa luôn luôn, luôn luôn và luôn luôn được cải thiện. Bà hiểu chứ? Vả lại sau cùng, đó chẳng phải là điều mà Joyct vẫn tiếp tục tìm kiếm sao ? Tôi tưởng hình như cũng là một lối dễ dãi khi mà một nghệ sĩ gạt quần chúng ra, hoàn toàn thu hướng vào mình và vào những mối quan tâm kỷ thuật. Như tôi đã nói, tôi sáng tác theo một hướng hoàn toàn trái ngược lại. (2)*

Trong cuộc nói chuyện với Marc Saporta Truman Capote còn thêm một câu so sánh nữa giữa các khuynh hướng tiểu thuyết Mỹ và Pháp hiện nay :

. . . Nhưng nói cho đúng ra, tôi còn thích cái dũng mãnh của các tác giả Mỹ hơn, thích cái khiếu kể chuyện, cái phong phú của họ. Đối với tôi các tiểu thuyết gia lớp trẻ của Pháp khô khan quá (1).

Cái « khô khan » đó là một hướng tìm kiếm đang gây ảnh hưởng sâu xa trên con đường phát triển của tiểu thuyết thế giới hiện tại. Mà cái thực tại trực tiếp đưa vào tác phẩm sáng tạo của Truman Capote cũng lại là một tìm kiếm táo bạo có lẽ không kém phần quan trọng.

TRÀNG-THIÊN

(3) Sự tưởng tượng (Chú thích của dịch giả).

✶ Nếu ta muốn tự an ủi, thì hãy nghĩ đến những nỗi khổ mà ta tránh được.

Saadi

✶ Con cá muốn làm khác hẳn loài cá, bỏ nước nhảy lên bờ thì phải chết ; con cọp muốn làm khác hẳn loài cọp, bỏ núi ra đồng bằng thì phải bị bắt.

Quan Doãn-Tử

✶ Kẻ sĩ mà còn quyến luyến những sự thuận tiện yên vui cho xác thịt, thì tâm lụn, chí hèn, không đáng gọi là kẻ sĩ.

Lương-Khải-Siêu

Cánh cửa cuối cùng

Tác giả : TRUMAN CAPOTE

Người dịch : NGUYỄN-MINH-HOÀNG

1 — Walter, anh nghe tôi nói, không phải tự dưng thiên hạ ghét anh, kiếm chuyện với anh đâu. Tất cả những gì xảy đến cho anh đều tại anh mà ra cả.

Anna đã nói thế với chàng. Trong thâm tâm Walter vẫn biết trong câu nói Anna không ngụ ý mỉa mai gì chàng (vì nếu Anna không phải là bạn chàng thì ai mới sẽ là bạn chàng đây ?) Tuy vậy chàng cũng không khỏi thù Anna thâm độc. Gặp ai chàng cũng nói là chàng ghét Anna tột độ, Anna là con nầy, Anna là con nọ :

— Nghe nó mình sẽ chết đứng lúc nào mình cũng không hay cái lối làm ra vẻ ưa sự thật của nó . . . hừ . . . thủ đoạn riêng của nó . . , để che đậy mối ấm ức nó có từ lâu đối với mình. Chớ có tin nó một lời, nguy hiểm . . . nó có tiếng là đứa đặt điều.

Và dĩ nhiên tất cả những câu chàng nói đều bay đến tai Anna, đến nỗi hôm chàng gọi điện thoại rủ nàng dự buổi trình diễn đầu tiên của một vở kịch mà trước kia hai người đã định sẽ đi xem chung thì nàng đáp :

— Tôi tiếc lắm, anh Walter, nhưng thật tình là tôi không thể chịu anh được nữa. Tôi hiểu anh nhiều và rất có cảm tình với anh. Cái tánh kỳ quặc của anh đã lôi cuốn anh. Tôi không thể trách anh tất cả nhưng tôi không muốn gặp lại anh nữa vì chính tôi, tôi cũng không biết chắc tôi có thể chịu đựng được sự gặp nhau lại đó không.

Mà tại sao chớ ? Chàng đã làm gì nên nỗi ? Chàng nhìn nhận có nói thế nầy thế nọ chút ít về Anna, nhưng đó là chàng nói để rồi quên ngay chớ không nghĩ ngợi sâu xa gì. Hơn nữa, như chàng đã giãi bày với Jimmy Bergman (cái lão Jimmy kể về tài đòn xóc hai đầu thì nhứt định không ai ăn qua được lão) mình có bạn bè để làm gì nếu mình không có quyền nói thẳng ra những ý nghĩ của mình về những người bạn đó ?

Kẻ nói đi người nói lại . . . , kẻ học lại người nói đi . . . câu chuyện lẩn quẩn, xoay tròn như mấy cánh quạt phía trên đầu chàng lúc nầy. Vòng quạt nầy tiếp theo vòng quạt kia, nhào trộn bầu không khí khó thở, buông những tiếng tí tách

đều đều như tiếng tí tách đồng-hồ, đếm từng giây trôi qua giữa sự yên lặng.

Walter nhích mình đến chỗ mát nhứt trên giường rồi nhắm mắt lại để khỏi phải nhìn thấy gian phòng nhỏ, tối. Chàng tới New Orleans hồi bảy giờ chiều. Qua bảy giờ rưỡi chàng đến thuê phòng ở Khách-sạn nầy, thuộc một khu phố hẻo lánh không tên tuổi. Lúc đó là tháng tam. Trên nền trời đêm đỏ rực Walter tưởng chừng thấy được những vầng lửa đốt mừng một cuộc lễ gì đang loé lên từng lúc. Chàng cố quên những việc đã xảy ra, chỉ hình dung lại trong trí bức tranh huyền ảo của phong cảnh miền Nam mà chàng đã ngắm từ trên xe lửa để cuối cùng có cái cảm giác rõ rệt đang đi đến một khúc đường cùng và sắp sửa rơi xuống vực sâu thăm thẳm.

Chàng không nói được cái duyên cớ đã khiến chàng đến đây nằm trong một khách-sạn ngột ngạt tận một thành phố xa xôi. Trong phòng chàng có một cánh cửa sổ; chàng định mở cánh cửa đó nhưng lại biết trước là sẽ không mở được. Chàng đâm sợ, không muốn gọi tên bồi phòng (tên nầy có cặp mắt kỳ lạ làm sao!) và sợ cả khi nghĩ đến chuyện phải rời khách sạn. Nếu rủi chàng lạc đường, lạc đường một chút thôi, thì sự lạc đường đó đối với chàng có lẽ sẽ là một điều gì không còn cứu vãn được. Chàng thấy đói; từ bữa điểm tâm sáng đến giờ chàng chưa ăn thêm gì cả. Chàng tìm mấy cái bánh bơ nướng mua ở Saratoga, nhai ngấu nghiến, uống ngụm huýt-ky cuối cùng còn sót lại trong chai để nuốt cho trôi bánh. Nhưng liền đó chàng bỗng nghe khó chịu trong người, mửa đầy trong cái giỏ đựng giấy vụn, ngã phịch xuống giường, khóc cho đến lúc cái gối ướt đẫm. Chàng nằm như thế một lúc lâu trong gian phòng nóng bức, vừa rùng mình vừa đưa mắt nhìn mấy cánh quạt đang quay chậm chậm theo một vòng tròn.

Con mắt, quả địa cầu... mọi vật khác trên đời đều là vòng tròn cả; ở mỗi vòng tròn đều có một điểm trung tâm. Anna đã điên nên mới cho rằng tất cả những gì xảy đến cho chàng đều do lỗi của chàng. Nếu quả thật ở chàng có một điều gì đáng trách thì điều đáng trách đó lại là kết quả của những trường hợp khắt khe không sao cưỡng được đã giáng xuống đời chàng. Như trường hợp mẹ chàng, một bà cụ mộ đạo đến cái độ cuồng tín, như trường hợp cha chàng, suốt đời là nhơn viên tầm thường tại một hãng bảo hiểm ở Hartford, như trường hợp chị chàng, Cecile, đã lấy một người lớn hơn chị những bốn chục tuổi. Để « sớm thoát khỏi sự ràng buộc của cha mẹ » Cecile đã trả lời thế cho những ai hay xì xào, dị nghị. Ngoài mặt Walter làm ra vẻ dửng dưng nhưng trong bụng chàng vẫn cho chị chàng có lý.

Nhưng đến lúc phải suy nghĩ về trường hợp đã xảy đến cho chính mình thì chàng lại không biết phải bắt đầu từ đâu, không biết phải phăng chỗ nào để tìm ra trung tâm điểm. Từ cú điện thoại đầu tiên chăng? Không, việc đó thì lại mới quá, xảy ra cách đây chỉ có ba ngày và đúng ra là hồi kết cuộc chớ không phải là màn mở đầu. Xem nào... chàng có thể bắt đầu từ Irving vì Irving là người thứ nhứt chàng quen ở New York.

Irving là một anh chàng Do-thái nhỏ nhắn, dễ yêu có biệt tài đánh cờ, ngoài ra không có một biệt tài nào khác, Irving có bộ tóc óng như tơ, hai má hồng hào như má con nít. Thoạt trông chàng ta mình tưởng chàng ta độ mười sáu tuổi là cùng. Nhưng chàng ta đã hai mươi ba tuổi, cùng tuổi với Walter. Hai người gặp nhau trong một quán rượu ở Greenwich Village. Walter ở New-York một mình, không quen ai cả. Lúc Irving tỏ ý muốn đánh bạn với chàng Walter nghĩ ngay là tình bạn có lẽ cũng là một chuyện hay vì biết đâu... mình

không nên nói trước. Irving quen rất nhiều người, ai cũng mến chàng ta và chàng ta giới thiệu Walter với tất cả các bạn của mình.

Rồi kế đó là Margaret. Có thể nói Margaret là cô bạn nhỏ của Irving. Nàng không đẹp lắm (hai mắt lộ, hàm răng lúc nào cũng dính một chút màu đỏ của son tô môi, nàng phục sức vụng về như một đứa con gái mới lên mười) nhưng có một vẻ lanh lẹn mà Walter cho là duyên dáng. Chàng không hiểu tại sao Margaret lại chịu để cho Irving tán tỉnh. Có một lần, nhơn dịp đi chơi với Margaret trong công viên Central Park chàng hỏi :

— Tại sao vậy chớ ?

Margaret đáp :

— Em thấy Irving dễ yêu. Tình anh ta đối với em rất là trong sạch. Nghĩ cho kỹ thì anh ta cũng đáng cho em lấy làm chồng.

— Có ngốc mới lấy hắn làm chồng. Irving không làm chồng em được đâu, hắn chỉ là đứa em trai của em thôi, hắn là đứa em trai nhỏ của hết thảy mọi người.

Margaret không đến nỗi kém thông minh, nàng nhận thấy câu nói của Walter đúng. Lúc Walter hỏi nàng có đồng ý để chàng yêu bằng một thứ tình yêu thiết thực, khác hơn thứ tình của Irving không thì nàng đáp ngay là nàng rất sẵn sàng, không thấy có điều gì trở ngại. Hai người thường gặp nhau để thỏa mãn nhu cầu xác thịt từ đó.

Câu chuyện hình như thấu đến tai Irving. Tấn bị kịch xảy ra hôm thứ hai, và trớ trêu thay lại xảy ngay trong quán rượu nơi trước kia Walter và Irving đã quen nhau. Bữa tối đó Margaret dắt Walter đi dự buổi tiệc mừng ông chủ hãng của nàng, ông Kurn Kurnhardt. Lượt về hai người ghé vào quán để uống một chút gì trước khi đi ngủ. Trong quán không còn ai, ngoài Irving và hai cô gái lạ mặt. Irving ngồi cạnh quầy rượu, hai má đỏ ửng, cặp mắt lờ đờ. Chúng ta trông giống một đứa bé, đang học làm ra vẻ người lớn. Hai chân chàng ta ngắn quá, với không đụng thanh sắt gác chân nên thòng lơ lửng như hai chân hình nộm. Khi nhận ra Irving Margaret vội quay lưng toan đi nơi khác nhưng Walter đã níu nàng lại. Dầu sao đi nữa thì Irving cũng đã trông thấy hai người rồi. Chàng ta trừng mắt nhìn cặp Walter-Margaret đăm đăm, đặt ly huýt-ky xuống trước mặt quầy, từ từ rời chiếc ghế ngồi, bước tới với nét mặt nửa buồn bã nửa hùng hổ rởm.

— Anh Irving, anh...

Margaret chỉ kêu được có bấy nhiêu rồi nín bặt. Irving ném về phía nàng một cái nhìn khủng khiếp. Càm chàng ta rung lên, giọng nói chứa chất căm hờn :

— Đi ngay, đi cho khuất mắt tao. Tao thù ghét chúng mầy.

Giống như một đoạn phim quay chậm, mọi người trong quán thấy Irving xoay mình như người vung dao định đâm ai, đoạn đánh xuống giữa ngực Walter. Quả đấm không mạnh lắm. Walter khoanh tay mỉm cười còn Irving thì gục cạnh cái máy hát, hét như người mất trí :

— Đánh đi, đánh với tao đi. Thằng hèn, đánh đi, xem tao có giết được mầy không. Tao thề sẽ giết được mầy.

Bỏ mặc Irving. Walter kéo tay Margaret ra về. Dọc đường Margaret bắt đầu khóc rấm rứt :

— Anh ta sẽ không bao giờ trở lại với tánh hiền như trước nữa.

Walter nói :

— Anh không hiểu em định nói gì ?

— Anh hiểu, anh hiểu hơn ai hết. Hai chúng mình vừa dạy cho Irving một bài học thù hằn. Từ nào đến giờ em tin anh ta không biết thù hằn là gì cả

Walter ở New. York đến nay đã được bốn tháng. Số vốn năm trăm đô-la ban đầu của chàng đã sụt xuống còn vỏn vẹn mười lăm đô-la. Hồi tháng giêng Margaaet phải đưa tiền cho Walter mượn để chàng trả tiền thuê phòng ở khách sạn Brevoort. Nàng không hiểu tại sao Walter không chịu dọn đến một chỗ rẻ tiền hơn. Có một địa chỉ tốt bao giờ cũng lợi cho mình, chàng đã trả lời, Margaret thế. Còn câu chuyện làm ăn ? Lúc nào chàng sẽ bắt đầu làm việc? Chàng có định đi làm không đã ? Việc đó thì dĩ nhiên rồi, chàng vẫn nghĩ đến luôn. Có điều chàng cố ý tìm một công việc gì đứng đắn, có tương lai, một công việc gì như công việc trong hãng quảng cáo chẳng hạn.

Được rồi, Margaret nói, có lẽ nàng giúp Walter được : Nàng sẽ thử nói với ông chủ, ông Kurnhardt, để dò ý ông ta.

2

Hãng K. K. A., như mọi người thường gọi, là một hãng quảng cáo hạng trung bình nhưng nổi tiếng. Kurn Kurnhardt, người đã sáng lập hãng hồi năm 1925, là một nhơn vật kỳ lạ: người Đức, dáng dấp mảnh khảnh, tánh tình thận trọng đến cái mực làm kẻ khác phải bực mình, sống độc thân trong một ngôi nhà đồ sộ sơn đen ở công trường Sutton. Trong nhà bày biện nhiều món quí giá, ngoài những vật thường thấy còn có ba bức tranh Picasso, một cái máy hát có ống loa, một lô mặt nạ của các thổ dân vùng Nam-Dương quần đảo và một đứa tớ trai trẻ tuổi, vạm vỡ, gốc người Đan-Mạch để chủ nhà sai vặt Thỉnh thoảng ông ta mời một nhơn viên nào đó trong hãng đang được ông ta mến và để tâm nâng đỡ, đến nhà ăn bữa tối. Ông ta thích bao bọc người nầy người nọ nhưng lại hay thay đổi ý kiến bất ngờ, không mến ai lâu cả. Anh nhơn viên được ông mời ăn tối nay rất có thể sáng mai bừng mắt dậy bắt gặp mình bị đuổi ra khỏi hãng đang đi đến cái nước đó từng dòng rao vặt trên các báo hàng ngày để tìm một chỗ làm

Hai tuần lễ sau ngày chàng vào làm hãng K.K.A. (chàng giữ chức phụ tá cho Margaret) Walter nhận được một mẩu giấy của ông Kurnhardt mời chàng đi ăn trưa với ông ta. Dĩ nhiên việc nầy làm chàng xôn xao hết sức.

Vừa sửa lại nút cà-vạt cho Walter, vừa bứt một sợi chỉ thòng trên cổ áo chàng, Margaret nói :

— Anh ngại à ? Không được. Anh không nên ngại gì cả, chỉ cần nhớ điều nầy là nếu anh muốn làm với lão Kurnhardt lâu dài anh nên giữ ý, đừng cao hứng đến nỗi để mọi việc đi xa quá... chỉ có thế thôi.

Chàng hiểu ngay Margaret định ám chỉ gì. Chàng có ngu đâu. Chàng toan nói toạc cho nàng biết, nhưng chàng cố nhịn : chưa phải lúc nói. Một ngày nào đó chàng phải tìm cách loại gấp Margaret ra. Làm việc dưới quyền một con đàn bà, nhục lắm. Hơn nữa từ nay, nhứt định nàng ta sẽ chỉ tìm phương kế để ngăn trở bước tiến thủ của chàng. Chàng nhìn đăm đăm đôi mắt xanh màu nước biển của ông Kurnhardt và nghĩ thầm :

— Không thể được. Không ai có quyền chận đường tiến của mình.

Margaret nói :

- Anh ngốc lắm. Trò thân mật của Kurnhardt tôi thấy đã nhiều rồi, thấy hàng chục lần như vậy. Một dạo lão tỏ ra hết sức tử tế với anh chàng gác điện thoại, lúc nào lão cũng tươi cười . . . anh kia có ngờ đâu . . . Lão chỉ thích những kẻ nào chịu cho lão lợi dụng, chịu cho lão xỏ mũi dắt đi, Anh Malter anh tin tôi, với lão Kurnhardt anh không thể tính chuyện thành công bằng phương pháp đi tắt. Cứ chịu khó làm việc họa may...

Walter nói :

— Nghĩa là theo em, từ trước đến nay anh chưa chịu khó làm việc ? Em không thấy anh làm việc như mọi người, làm tròn bổn phận ?

— Cái đó còn tùy ở cách anh đã hiểu mấy chữ « làm tròn bổn phận » thế nào.

Ít lâu sau, một buổi sáng thứ bảy Walter hẹn gặp Margaret tại nhà ga Grand Central để cùng nàng đáp xe đi Hartford thăm mấy người trong họ của chàng. Nhơn dịp nầy Margaret mua một cái áo mới, một cái nón mới, một đôi giày mới : Nhưng chàng không đến nơi hẹn. Chàng còn bận ngồi xe hơi đi Long Island với ông Kurnhardt dự buổi tiệc tiếp tân ra mắt thân bằng quyến hữu của một cô gái con nhà triệu phú quen với ông Kurnhardt tên Rosa Cooper. Trong số ba trăm khách mời hôm đó Malter là người đã choáng mắt hơn ai hết. Rosa Cooper, cô con gái độc nhứt của ông chủ hãng sữa Cooper là một thiếu nữ tóc đen nhánh, tròn trĩnh dễ yêu. Nói chuyện với mọi người nàng dùng một giọng Anh kiểu cách, kết quả của bốn năm học tại trường Miss Jewett. Nàng đã viết cho một người bạn tên Anna Stimson một bức thơ như sau (về sau chính Anna Stimson đã đưa bức thơ cho Walter xem), «Em đã gặp chàng trai khả ái nhứt, đã khiêu vũ với chàng ta sáu lần. Chàng ta khiêu vũ rất tài. Nghe nói chàng ta làm trong ngành quảng cáo. Đẹp trai không thể tả. Em đã nhận lời chàng ta mời, sẽ đi ăn và đi xem hát với nhau ».

Margaret không nhắc gì đến việc đó, Walter cũng thế, làm như không có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên hai người bắt đầu thôi đi lại với nhau, thôi nói chuyện với nhau ngoài những câu trao đổi thường lệ về công việc làm trong hãng. Một xế nọ, biết Margaret đi vắng Walter đến phòng nàng, dùng chiếc chìa khóa mà nàng đã giao cho chàng từ trước. Chàng còn để trong phòng Margaret vài món lặt vặt của chàng, dăm bộ quần áo, mấy cuốn sách, cái ống píp. Đang lục lọi chàng bỗng gặp một bức ảnh của mình bị gạch nát bằng nhiều nét son tô mô .

Đột nhiên chàng như sống lại một giấc chiêm bao. Chàng tìm thấy cả một chai nước hoa «L'Heure Bleue» chưa mở nắp, món quà độc nhứt mà chàng đã mua tặng Margaret. Chàng ngồi ghé trên giường. châm một điếu thuốc, lấy tay vuốt gối mát rượi, nhớ lại cái cách Margaret đã ngả đầu trên đó, nhớ lại những buổi chúa nhựt, Margaret và chàng thường nằm trên giường, đọc to trong trang báo khôi hài những bài trào phúng của Barney Google, Dick Tracy, Joe Palooka.

Chàng nhìn cái ra-đô, một cái hộp nhỏ màu xanh lá cây. Những lúc yêu nhau hai người thường mở nhạc, bất cứ điệu nhạc gì. nhạc jazz, nhạc hòa âm, nhạc hợp tấu. Và hai chữ « nghe nhạc » đã hóa thành một ước hiệu giữa hai người, mỗi khi muốn Walter ân ái với mình Margaret thường bảo : « Anh, chúng mình nghe nhạc đi.»

Bây giờ thì hết rồi. chàng thù ghé Margaret, chỉ muốn nhớ lại bấy nhiêu đó thôi. Chàng nhét hai chai nước hoa vào túi : Rosa có lẽ thích được tặng quà.

Sáng hôm sau, trong hãng, chàng chạm mặt Margaret tại chỗ để bầu nước uống, Margaret mỉm cười, ngó chàng gay gắt :

— Tôi không ngờ anh biết cả cái nghề cạy cửa.

Đó là câu nói mở màn cho sự đổ vỡ, giữa hai người, khiến Walter bỗng nhiên nhận thấy sự trơ trọi của mình : chàng không có lấy một người bạn nào trông số những người cùng làm trong hãng, Chàng không tin nơi họ được. Họ toàn là kẻ nghịch của chàng : Jackson, Einstein,

Fiseher, Porter, Capehart, Ritter, Villa, Byrd. Dĩ nhiên là lúc nầy chàng đang được K.K trọng dựng, họ không đại gì để lộ ác cảm của họ đối với chàng.

Nói tóm lại, theo ý Walter sự thù hằn ít ra cũng còn là một cái gì rõ rệt, đỡ đáng sợ hơn. Trong đời chàng, chàng ghét nhứt những sự giao tiếp úp mở ; có lẽ đó cũng là một nét phản động kỳ lạ của tánh tình đầy mập mờ và mâu thuẫn của chàng. Chàng cần tình thương của X, nhưng ngược lại chàng không sao thương được bất cứ ai. Chàng không bao giờ thành thật được với X, nói được với X, năm mười phần trăm sự thật. Thế mà nếu X cư xử với chàng, giống như chàng đã cư xử với X, chàng sẽ cảm thấy tổn thương ngay. Chàng đa nghi nhưng sợ X phản mình. Hồi còn học trường trung học một lần chàng đã «đạo» một bài thơ, đem in trong tập nội san của trường chàng nhớ mãi câu cuối của bài thơ ấy : «All our acts are of fear. (Tất cả những hành động của chúng ta, đều do sự sợ hãi, sai khiến). Giáo sư chàng khám phá biết là thơ ăn cắp, khiến chàng cho rằng. trên đời thật không còn sự bất công nào bằng nữa·

3 | Suốt đầu mùa hạ, kỳ nghỉ cuối tuần nào chàng cũng đến nhà Rosa Cooper ở Long Island. Tại đây chàng gặp một bọn gồm những sinh viên các trường Yale và Princeton, những bạn trai của Rosa, Lúc nào cũng vây lấy nàng, cười đùa vui vẻ. Việc nầy làm chàng bực. Chàng thèm muốn địa vị họ, tự cảm thấy không bằng họ. Riêng về Rosa, nàng vẫn là cô gái mĩ miều. Ai cũng nói thế cả Walter.

Nhưng lệ thường, các cô gái hễ càng mĩ miều bao nhiêu thì cũng càng hờ hững bấy nhiêu, Rosa không bao giờ nghĩ là Walter có thể tính chuyện đứng đắn với nàng. Về phần Walter, chàng cũng hông quan tâm lắm. Nhờ những cuộc họp bạn tại nhà Rosa chàng quen được rất nhiều người trong giới thượng lưu : Taylor Ovington, Joyce Randolph (cô đào chiếu bóng trẻ tuổi), E.L. Mc Evoy, và cỡ một tá nhân vật khác mà tên tuổi đã tăng giá trị không ít cho cuốn sổ tay ghi địa chỉ của chàng. Một tối nọ chàng đi với Anna Stimson xem một cuốn phim trong đó Joyce Randolph thủ vai chánh. Chàng vừa ngồi xuống ghế mọi người xung quanh đã biết ngay cô đào trong phim là Bạn thiết của chàng (Bạn với chữ B thật lớn), cô đào trong phim là một «cây» rượu, cô đào trong phim là người bất cần luân lý, cô đào trong phim trong thực tế không đẹp như lời quảng cáo mà giới điện ảnh Hollywood, đã ung ra. Đến Anna phải bảo chàng :

— Anh thật không kém đàn bà, anh chỉ đàn ông ở mỗi một chỗ mà thôi.

Chàng quen Anna Stimson do lời giới thiệu của Rosa. Anna cao gần một thước tám, nàng là giám đốc một tạp chí thời trang phụ nữ. Lúc nào cũng thấy nàng mặc màu đen, đeo độc kính, cầm « can » mang rồn rảng trên người một lô vòng của các thổ dân xứ Mexico. Nàng đã lấy hai đời chồng (một trong hai người chồng của nàng là Buck Strong, anh kép hát đang ăn khách), có một đứa con trai mười bốn tuổi mà nàng phải gởi trong « viện cải huấn thiếu nhi » (nàng thường gọi thế).

Nàng nói :

— Một thằng bé kinh khủng. Nó lấy súng rồi đứng từ trong cửa sổ bắn ra, chọc phá những người ngoài đường, lẻn vào các cửa hàng để ăn cắp vặt. Không chịu nổi, giống hệt anh.

Kể ra Anna đối đãi với chàng rất tốt, những lúc không bị những cơn khủng hoảng tâm lý dày vò nàng rất chịu khó ngồi nghe Walter tâm sự, phân tách tình cảnh của mình : suốt đời chàng bị mọi người lừa bịp, trong canh bạc đời người ta đã vào hùa nhau

để chia cho chàng những cây bài xấu. Trong con mắt chàng Anna là một người có đủ các tật đáng chê nhưng bù lại nàng không đần như phần đông thiên hạ. Do đó chàng thấy nàng có đủ tư cách để nghe những lời thú tội của mình. Dầu chàng có nói gì Anna cũng không có quyền chê trách, chàng nói :

— Tôi đã đặt ra nhiều chuyện để nói xấu Margaret với ông Kurnhardt. Kể thì cũng lỗi, nhưng tôi tin chắc Margaret cũng đã nói xấu tôi không kém. Vả lại tôi không có ý làm nàng mất sở, chỉ muốn ông Kurnhardt đổi nàng đi Chicago thôi.

Hoặc như :

— Tôi đang đứng trong một hiệu sách nọ. Một lão đàn ông không già không trẻ đến gợi chuyện tôi. Lão có vẻ thông minh, khả ái. Lúc tôi đi ra lão đi ra theo, sau tôi mấy bước. Tôi băng qua đường lão cũng băng qua đường, tôi bước mau, lão cũng bước mau theo. Qua năm sáu phố như vậy. Lúc hiểu ra ý định của lão tôi cười thầm, nghĩ bụng sẽ cho lão một vố cay. Tôi bèn đứng lại, gọi một chiếc tắc-xi. Sau đó tôi quay nhìn lão ném cho lão một cái nháy mắt đầy hứa hẹn. Lão mừng rơn, vội vàng chạy tới. Tôi phóng lên xe, đóng sập cửa rồi thò đầu ra cười phá lên : chị mà thấy được bộ mặt của lão ta lúc ấy, cả một sự gì thiểu não, khổ sở hiện thành người. Tôi không sao quên được. Nầy Anna, chị nói cho tôi biết, duyên cớ nào đã xúi giục tôi làm chuyện phi lý ấy ? Dường như tôi có ý trả thù tất cả những kẻ đã hành hạ đời tôi, nhưng không phải chỉ có thế thôi.

Chàng thuật những chuyện như vậy cho Anna nghe rồi về nhà ngủ. Những giấc mơ của chàng hiện ra trong màu thiên thanh.

Vấn đề khiến Walter bận tâm nhiều nhứt là vấn đề tình yêu, theo chàng. tình yêu không phải là một vấn đề. Tuy nhiên chàng cũng còn đủ sáng suốt để nhận thấy rằng từ nào đến giờ chàng chưa được ai yêu cả : điều nầy ám ảnh chàng mãi, len tận trong óc, trong máu của chàng. Chưa, chàng chưa được ai yêu cả. Họa chăng Anna ? Anna có yêu chàng không nhỉ ?

Anna đáp :

— Ô, tại sao anh không chịu hiểu giùm rằng mọi cái trên cõi đời nầy đều là ảo ảnh ? Nay là con nòng nọc, nhưng mai lại là con ếch. Vật mà anh tưởng là vàng khi cầm đến anh mới biết là thau rỉ Tôi đưa một thí dụ : thằng chồng thứ nhì của tôi, thoạt gặp y, ai chẳng bảo y là người quân tử ấy thế mà y lại là thằng đểu như trăm ngàn thằng đểu khác, anh thử nhìn kỹ gian phòng nầy, có vẻ rất rộng, rất thoáng, phải không, nhưng xin anh xem lại, mấy tấm gương gắn xung quanh tường đã nói dối, đã cho anh một cảm giác sai lầm. Anh Walter, tôi đã nói với anh, mọi cái trên cõi đời nầy chỉ có cái dáng tốt đẹp bên ngoài. Trong mỗi chúng ta có một yếu tố mà ta thường gọi là Linh hồn. Chết, ta có chết thật đâu, sống, ta có sống thật đâu. Tại sao anh lại muốn biết tôi yêu hay không yêu anh ? Anh Walter, xin anh đừng mê ngủ, chúng ta còn chưa phải là bạn của nhau, nói chi...

4 | Hãy nghe... Cánh quạt quay tròn thì thầm không ngớt, kẻ nói đi người học lại... kẻ học lại người nói đi... lúc mau lúc chậm. Cuốn phim thời gian đang quay ngược trong ký ức Walter. Cánh quạt già nua đang phá tan sự im lặng trong phòng. Ngày ba tháng tám, ngày ba tháng tám...

Phải, ngày ba tháng tám, một ngày thứ sáu, tên họ chàng rành rành ra đó, ngay giữa bài báo của ký giả Winchell, đúng tên họ chàng : «Walter Ranney tay cự phách trong ngành quảng cáo, và Rosa Cooper ái nữ của vua Kỹ Nghệ Sữa

Tươi, lấy làm hân hạnh báo cho thân bằng quyến thuộc xa gần tin mừng... » Chính Walter đã mách tin nầy cho một người bạn của một người bạn của Winchell. Lúc đến ăn sáng tại tiệm Whelan, chàng đưa bài báo cho anh bồi xem và nói :

— Tôi đây, Walter Ranney trong bài báo chính là tôi.

Nét mặt sửng sốt của anh bồi khiến chàng ăn rất ngon miệng.

Chàng đến hãng rất trễ, đi giữa hai dãy bàn để đánh máy chữ. Mấy cô thơ ký đánh máy ngẩng nhìn chàng, bàn tán rì rào. Tuy nhiên không ai đả động gì chàng. Chàng ngồi suốt một tiếng đồng hồ không làm gì cả, cảm thấy lâng lâng thơ thới. Khoảng mười một giờ chàng đi xuống quán định uống một tách cà phê. Jackson, Ritter và Byrd ba đồng nghiệp cùng phòng chàng đã ngồi sẵn đó từ nào. Thấy dạng Walter, Jackson lấy tay thúc Byrd để ra hiệu. Byrd thúc Ritter rồi cả ba cùng quay lại.

Jackson (một gã mặt mày đỏ ửng, còn trẻ nhưng đầu đã sói) cất tiếng :

— Tay cự phách nói gì thế anh em ?

Byrd và Ritter cười rú.

Walter làm như không nghe câu nói của Jackson, lách mình vào phòng điện thoại.

— Lũ khốn nạn.

Chàng nghiến răng, cúi xuống, giả bộ quay một con số. Chàng đợi thật lâu cho bộ ba ấy đi khuất rồi cầm ống nói :

— A-lô, chào Rosa, Rosa có bị tôi phá giấc ngủ không ?

— Không.

— Nầy, Rosa đã đọc bài báo của Winchell chưa ?

— Đọc rồi.

Walter cười :

— Tin đó không biết hắn lấy dâu ra ?

Im lặng.

— Gì thế ? Giọng Rosa nghe đổi khác hẳn.

— Đổi khác thật à ?

— Bộ Rosa giận tôi sao ?

— Chỉ thất vọng thôi.

— Thất vọng chuyện gì ?

Im lặng. Một lát sau nàng nói :

— Walter, anh đã làm một việc đáng tởm, phải, rất đáng tởm.

— Tôi không hiểu Rosa định nói gì.

— Hết rồi anh Walter, xin chào vĩnh biệt.

Chàng bước ra ngoài trả tiền một tách cà phê quên uống. Cạnh quán có một phòng hớt tóc. Chàng định cạo râu, không phải, định cắt tóc, không phải — định sửa móng tay cũng không phải nữa. Khi nhìn vào gương thấy vẻ mặt trắng bệch của mình Walter bỗng hiểu : chàng đang hoang mang không biết mình đang định làm gì. Rosa nói đúng. Chàng đã làm một việc đáng tởm. Chàng không chối cãi tội lỗi của mình, trái lại chàng sẵn sàng nhận tội, vì như vậy chàng có cảm tưởng đã tiêu diệt mọi tội lỗi, khiến chúng không ám ảnh được chàng, chàng trở lên phòng, ngồi vào bàn làm việc. Bao nhiêu máu trong người chàng hình như đang chảy thoát ra, Chàng muốn bấu víu vào một cái gì, muốn tin vào sự che chở của Chúa. Phía ngoài một con bồ câu đang bước đủng đỉnh trên mép tường cửa sổ. Chàng nhìn bộ lông óng ánh của con chim đang đổi màu từng lúc trong ánh mặt trời, dáng đi thanh thản của nó. Rồi, trước khi chàng nhận thức được hành động của mình, chàng bỗng chụp cục thủy tinh dằn giấy để trên bàn ném mạnh về phía con bồ câu. Con bồ câu bay vụt lên, cục thủy tinh rớt nặng nề như một giọt nước lớn.

— Không biết có trúng ai, có làm chết ai không ?

Chàng nghĩ thầm như vậy và lắng chờ một tiếng hét từ xa vẳng lại. Nhưng chàng

chỉ nghe tiếng máy đánh chữ gõ đều đều và sau đó một tiếng đập mạnh vào cánh cửa.

— É, Ranney, K. K. muốn gặp anh.

Mấy ngón tay của ông Kurnhardt đang giỡn với cây viết máy mạ vàng. Ông ta nói với chàng :

— Tôi buộc lòng phải làm như vậy. Nhưng tôi sẽ viết thơ giới thiệu anh, nếu anh muốn.

Trong thang máy, giờ đây bọn thủ nghịch của chàng tha hồ lấn ép chàng không chút nể nang. Margaret đứng gần đó, nàng buộc tóc bằng một sợi ru-băng xanh. Nàng nhìn Walter, nét mặt khác hẳn nét mặt những người chung qnanh, ít dửng dưng hơn, ít khô khan hơn, lộ vẻ thương hại Walter. Nhưng có lẽ Margaret đang nhìn suốt qua thân thể chàng. Chàng đang trải qua một giấc chiêm bao. Phải rồi, một giấc chiêm bao, mình đang ngủ mê chớ không là gì khác cả. Chàng tự bảo như vậy mặc dầu chàng đang kẹp trong tay một chứng cớ nhắc chàng điều trái lại : một chiếc phong bì lớn đựng những món vặt vãnh thu dọn lúc nãy trên bàn làm việc.

Lúc thang máy ngừng, mọi người đi tản mác, Walter cảm thấy phải nói với Margaret một câu gì, xin lỗi nàng, cầu nàng giúp đỡ. Nàng bước rất nhanh ra cửa, sắp lẫn vào đám người thù nghịch của chàng. Chàng chạy theo sau, nói lải nhải :

— Anh yêu em, anh yêu em. Margaret !

Nàng quay lại. Màu xanh của sợi ru-băng trên tóc ăn nhịp với màu đôi mắt, và đôi mắt khi ngước nhìn chàng bỗng hóa ra dịu dàng hơn, có một vẻ gì thân mật. Hay thương xót.

Chàng nói :

— Nghe anh, Margaret. Anh tưởng chúng mình nên lại quán Benny uống một cái gì với nhau: Lúc trước chúng mình thường đến đó, em còn nhớ ?

Nàng lắc đầu :

— Em có hẹn, phải đi ngay vì trễ giờ rồi.

— Ồ !

— Trễ... phải, trễ giờ rồi.

Nàng cúi đầu chạy đi. Walter đứng nhìn theo, nàng chạy mút con đường. Sợi ru-băng xanh bay phất phơ, như một con bướm nhỏ, ngời lên trong ánh sáng nhợt nhạt của mùa hè. Rồi nàng đi khuất dạng.

Về tới gian phòng, nhỏ mà chàng đã thuê ở tạm gần công viên Gramercy Park Walter thấy mọi thứ trong phòng bừa bộn, dơ dáy lạ thường nhưng chàng không quét dọn, thu xếp gì cả, chàng rót rượu uống rùn vai buông hai tiếng : « bất cần », sau đó nằm dài xuống đi văng. Ích lợi gì ? Có lo nghĩ thế mấy, có nhọc xác thế mấy kết quả cũng vẫn là con số không. Mọi ngày ở mọi nơi mọi người đang thay nhau làm nạn nhơn cho những trò lừa bịp. Chàng trách ai ? Kể cũng lạ. Gian phòng chìm lẫn trong bóng-tối. Chàng nằm yên, uống từng ngụm nhỏ rượu huýt-ky, và cảm thấy thanh thản hơn những bao giờ hết. Giống cái hôm, đã lâu rồi, chàng thi rớt môn đại số, hôm đó chàng đã thấy lòng mình nhẹ nhõm làm sao thơ thới làm sao : sự thất bại là một cái gì rõ ràng, chắc chắn và trong một cái gì rõ ràng chắc chắn đó bao giờ cũng có sẵn một yếu tố khiến tâm hồn yên tĩnh. Giờ đây chàng sắp rời New-York, nghỉ ngơi một đạo. Chàng còn độ vài trăm đô-la, đủ sống đến cuối mùa hè.

Chàng đang tự hỏi không biết mình nên đi đâu thì bỗng, như có một cuốn phim bắt đầu quay trong trí, chàng thấy lại những cái cát-kết lụa màu hồng, màu vàng nhạt, thấy lại những người đàn ông nhỏ thấp, mặc áo sơ mi bông, có nét mặt vừa nghiêm vừa lạnh lùng. Chàng nhắm mắt, đột nhiên cảm thấy mình là đứa bé vừa lên năm tuổi,

khoan khoái nhớ lại những tiếng vỗ tay, mấy khúc dồi nóng bỏng, cặp ống đóm to tướng của cha chàng. Saratoga ! Những cái bóng che lấp khuôn mặt chàng trong vầng ánh sáng yếu ớt. Chàng bật đèn, rót một ly rượu khác, đặt một dĩa rumba lên máy hát rồi bắt đầu khiêu vũ Đế giày chàng xiết trên tấm thảm làm bật những tiếng nhẹ. Trước kia chàng thường nghĩ nếu chịu khó luyện tập có lẽ chàng sẽ trở nên một tay khiêu vũ nhà nghề.

Giữa lúc điệu nhạc chấm dứt, chuông điện thoại bỗng reo. Chàng ngừng khiêu vũ, đứng yên, hồi hộp. Ánh đèn, bàn ghế, mọi thứ trong phòng như ngưng đọng lại, phảng phất mùi chết chóc. Có một lúc chàng tưởng tiếng chuông sẽ ngừng vĩnh viễn, nhưng không, nó đang reo trở lại to hơn, dai dẳng hơn. Chân chàng vướng vào một cái ghế thấp. Chàng cầm ống nói, rồi buông xuống, rồi cầm lên mấy lượt. Sau cùng chàng đáp :

— Tôi nghe !

Cú điện thoại xuất từ một nơi thật xa, từ một thành phố ở Pennsylvania mà chàng không nhớ được tên. Sau một tràng những tiếng lụp bụp, rì rào một giọng nói khô khan không biết của đàn bà hay của đàn ông (giọng nói không giống một giọng quen nào) vẳng lại :

— A-lô, Walter ?

— Ai ?

Đầu dây không một tiếng trả lời, chàng chỉ nghe những nhịp thở phì phào, đều đặn, và nghe rõ đến nỗi chàng có cảm tưởng cái người vô hình ở tận xa kia đang áp miệng thật gần bên lỗ tai chàng.

— Tôi không thích đùa đâu. Ai thế ?

— Ồ coi kìa, anh Walter, anh biết tôi nhiều. Anh biết tôi từ lâu.

Một tiếng tách, rồi Walter không nghe gì nữa.

5 | Xe lửa đến Saratoga giữa lúc trời tối và đổ mưa. Gần trọn lúc xe chạy chàng đã ngủ thiếp. Trong toa xe nóng bức, ẩm ướt mồ hôi chàng đổ ra như tắm. Chàng mê thấy một tòa lâu đài cổ trong đó những người cư ngụ lại là một bầy gà mái già. Trong một giấc chiêm bao khác chàng thấy một bọn gồm : cha chàng, ông Kurnhardt, một gã đàn ông không mặt mũi, Margaret, Rosa, Anna Stimson và một bà kỳ quái, mập mạp có đôi mắt sáng ngời. Rồi chàng thấy mình đứng trên một con đường dài, vắng ngắt. Ngoài một đoàn xe hơi sơn đen (màu đen tang khó) đang từ từ tiến tới ra, cảnh vật như bị cái chết ngự trị hoàn toàn. Nhưng chàng biết rõ, ở phía sau những cửa sổ kia có những cặp mắt đang soi mói nhìn suốt lớp da thịt chàng. Chàng gọi một cách tuyệt vọng, chiếc xe hơi đi đầu. Chiếc xe ngừng lại, một người đàn ông (chính là cha chàng) mở cửa, vẫy chàng. Chàng vừa kịp chạy xô tới, gọi được hai tiếng « Ba ơi » thì cánh cửa xe đã đóng xầm lại làm dập mấy ngón tay chàng. Cha chàng cười rũ, ném cho chàng một vòng hoa hồng lớn. Trên chiếc xe thứ hai chàng thấy Margaret, trên chiếc thứ ba, cái bà kỳ lạ có đôi mắt sáng ngời (hình như là Miss Casey, bà giáo già đã dạy chàng môn đại số), trên chiếc thứ tư, ông Kurnhardt ngồi chung với gã đàn ông không mặt mũi (một nhơn viên mới vào làm, đang được ông ta nâng đỡ). Các cánh cửa xe mở ra rồi đóng lại, mọi người đều cười lớn, mọi người đều ném hoa hồng. Đoàn xe đi khuất, Walter thét một tiếng khủng khiếp rồi ngã nhào giữa đống hoa cao như núi. Gai hoa đâm mạnh vào thịt chàng. Một cơn mưa to đổ xuống, cuốn trôi những cánh hoa, nhuộm mọi vật bằng một màu máu loãng.

Nhìn thấy nét mặt kinh ngạc của thiếu phụ ngồi đối diện chàng, Walter hiểu ngay là chàng đã kêu to trong lúc ngủ. Chàng mỉm cười ngượng ngập, thiếu phụ quay mặt đi, có vẻ lúng túng. Một thiếu phụ tàn tật. Bên chơn mặt nàng mang giày to tướng. Lúc xe lửa ngừng tại nhà ga chàng vách va li giùm thiếu phụ và đi chung tắc-xi với nàng. Không ai nói với ai một câu gì. Mỗi người ngồi thu trong một góc, nhìn mưa, nhìn những trụ đèn tỏa một thứ ánh sáng mờ. Mấy tiếng đồng hồ về trước, ở New-York chàng đã rút tất cả số tiền gởi trong ngân hàng ra, khóa cửa phòng, rồi lặng lẽ ra đi không viết giấy gì để lại. Trong thành phố đó chàng không quen biết ai cả, chàng cảm thấy dễ chịu vô cùng.

Khách sạn chật nứt; ban quản lý cho chàng biết là ngoài một số rất đông tuyệt phít ở khắp nơi lũ lượt kéo về Saratoga mở mùa đua ngựa còn có cả mấy trăm người của các phái đoàn đến tham dự kỳ đại hội y học nữa. Hiện giờ thì không còn một phòng nào trống cả, chúng tôi tiếc quá. Ngày mai xin ông trở lại, họa chăng...

Walter đi lang thang rồi bước vào quán rượu. Đêm nay chàng không tìm được chỗ ngủ nhưng đã tìm được chỗ uống. Quán rượu rất rộng, rất nóng, rất ồn. Có đủ hạng người, những bà khoác những chiếc áo lông màu bạc, những bác « dô-kề » nhỏ thó già trước tuổi, những gã xanh xao, ăn nói oang-oang, mặc những bộ quần áo sọc vuông kỳ quái. Uống đến ly thứ hai, thứ ba, Walter nghe như những tiếng ồn ào trong quán xa lắm. Chàng đưa mắt nhìn chung quanh. Thiếu phụ đi chung xe với chàng lúc nãy đang ngồi một mình, uống nhỏ nhẻ một ly nước bạc hà. Hai người mỉm cười chào nhau. Walter đứng lên, bước lại gần. Thiếu phụ mời chàng :

— Người quen... Xin ông tự tiện.

Walter kéo ghế ngồi xuống, thiếu phụ hỏi tiếp :

— Ông đến đây có lẽ để dự cuộc đua ?

— Không. Để nghỉ ngơi ít lâu. Còn cô ?

Thiếu phụ trề môi :

— Tôi có một bàn chân có tật. Chắc ông đã thấy ? Ồ ! không, ông đã thấy rồi, đã thấy như mọi người đã thấy, (nàng cầm cái ống hút nước khuấy nhẹ trong ly bạc hà) Tật của bàn chân tôi hơi lạ, các bác sĩ sẽ đem ra bàn trong cuộc hội nghị nầy. Nhưng tôi ngại quá, ngại phải đưa chân ra cho trăm ngàn người ngó.

Walter an ủi thiếu phụ bằng vài câu xã giao lấy lệ. Nàng mỉm cười :

— Dầu sao, tôi nghĩ mình cũng chẳng thiệt thòi gì. Một dịp để đi chơi. Từ sáu năm nay tôi chưa rời khỏi New-York một lần nào cả.

Trên hai gò má ửng hồng của thiếu phụ có mọc rải rác những chấm tàn nhang. Đôi mắt nàng trong xanh, gay gắt. Walter có cảm tưởng đôi mắt đó không bao giờ chớp cả. Trên ngón tay : một chiếc nhẫn cưới — đeo chơi chớ không chồng con gì. Walter nghĩ thế.

Chàng hỏi đến nghề nghiệp của nàng.

— Tôi giúp việc cho một gia đình. Gia đình nầy có một đứa con trai rất khảu tên Ronnie. Tôi nuông nó hơn má nó thành ra nó rất mến tôi. Chính nó đã nói với tôi như vậy. Má nó chỉ biết uống rượu suốt ngày...

Câu chuyện quanh quẩn trong bấy nhiêu thứ khiến Walter đâm chán. Chàng định đứng lên, bỏ đi bất cứ một nơi nào khác nhưng chàng tự biết không có đủ can đảm để chịu đựng sự trơ trọi của mình. Chàng ngồi lì, uống hết ly rượu nầy qua ly rượu khác, nói bô bô với thiếu phụ như trước kia chàng đã nói bô bô với Anna Stimson. Thiếu phụ đưa mắt chỉ cho chàng thấy những người

đang quay lại nhìn chàng. Chàng bĩu môi, buông một câu cộc lốc trong có hai chữ «bất cần» Rồi chàng có cảm tưởng óc chàng là một khối thủy tinh, những ly rượu chàng uống hóa thành những cây búa. Tiếng thủy tinh vỡ reo vang...

Quán rượu sửa soạn đóng cửa. Walter và thiếu phụ đứng lên, mỗi người trả riêng phần uống của mình. Trong lúc chờ tiền thối lại cả hai đều nín lặng. Thiếu phụ đăm đăm nhìn Walter bằng đôi mắt trong xanh không chớp. Nàng có vẻ rất bình tĩnh nhưng Walter biết phía sau lớp vỏ bình tĩnh ấy nàng đang xôn xao vì một mối xúc động vừa tế nhị vừa phức tạp. Anh bồi trở lại nàng cầm tiền chia cho Walter và nói :

— Nếu anh muốn ngủ, anh cứ đến phòng tôi.

Mặt thiếu phụ đỏ bừng.

— Lúc nãy... lúc nãy anh nói là anh không tìm được chỗ ngủ đêm nay...

Walter cầm bàn tay thiếu phụ, nàng ngước nhìn chàng rồi mỉm một nụ cười biết ơn trông rất cảm động.

Từ trong phòng tắm bước ra thiếu phụ chỉ mặc mỗi một cái áo, ngủ mỏng màu hồng lợt. Da thịt nàng thơm mùi thơm hăng hắc của loại nước hoa rẻ tiền khiến Walter bỗng nhiên hiểu ra là chàng không thể nào gần nàng được. Chưa lúc nào chàng cảm thấy vừa thương vừa giận thân bằng lúc đó.

Giọng thiếu phụ run run :

— Anh đừng nhìn. Em không thích anh nhìn chân em như thế.

Walter quay mặt ra phía cửa sổ. Những chùm lá ngoài sân bị mưa tạt đang đập phần phật vào kiếng cửa, những tia chớp loé lên từng lúc đàng xa.

— Kìa anh.

Walter vẫn đứng yên không nhúc nhích. Thiếu phụ sốt ruột nhắc chừng.

— Kìa... Hay em tắt đèn ? Có lẽ anh thích... trong bóng tối hơn ? Chàng bước lại mép giường, cúi xuống hôn trên má thiếu phụ.

— Cô dễ yêu lắm, nhưng tôi...

Tiếng chuông điện thoại ngắt ngang câu nói của chàng. Thiếu phụ nhìn Walter, cặt mặt ngẩn ra, không hiểu.

— Ồ (nàng lấy tay bịt ống điện thoại, quay nói với Walter). Có ai ở rất xa gọi tới ! Chắc là chuyện thằng Ronnie, hay nó đau ? A-lô... Việc gì ?... Ranney à ? Không phải. Ông gọi lầm rồi...

Walter giằng lấy máy điện-thoại .

— Khoan đã. Tôi đây, Walter Ranney đây.

— A lô Walter.

Vẫn giọng nói lạ đã gọi chàng trước đó một lần. Chàng cảm thấy đau nhói trong tim, cảm thấy gian phòng quay tít, lắc lư như chiếc thuyền cỡi sóng. Mồ hôi chàng toát ra trên mép.

— Xin cho tôi biết là ai ?

Những tiếng chàng thốt ra rời rạc đến nỗi chính chàng, chàng cũng không hiểu chàng đã nói gì.

— Ồ coi kìa, anh Walter, anh biết tôi nhiều Anh biết tôi từ lâu.

Sau đó im lặng. Đàng đầu dây kia ai đó đã mắc ống nói.

Thiếu phụ nhìn chàng :

— Thật lạ lùng. Làm sao họ biết được anh đang ở trong phòng nầy ? ... Tin buồn à ? Anh có vẻ...

Chàng ngồi phịch xuống giường, ôm ghì thiếu phụ áp má thiếu phụ sát vào má của mình. Chàng nhận thấy mình vẫn còn khóc được. Chàng nói phều phào:

— Ôm tôi thật chặt. Ôm thật chặt giùm tôi.

Rồi chàng ngủ thiếp đi trong tay thiếu phụ.

Kể từ đêm ấy chàng không ngủ, đến bây giờ chàng cũng vẫn không ngủ được mặc dầu có tiếng quạt đang uể oải ru chàng. Chàng tưởng như đang nghe tiếng xe lửa chạy, từ Saratoga đi New-York, từ New-York đi New Orleans. Chàng đã chọn New Orleans, không phải vì một lý do đặc biệt nào mà vì New Orleans là một thành phố xa xôi và hoàn toàn lạ đối với chàng. Bốn cánh quạt, những bánh xe chạy trên đường sắt, những tiếng nói thì thầm, đang quay, quay mãi. Bây giờ thì chàng thấy rõ: cái vòng ác ý đang như tấm lưới định mạng chụp xuống đời chàng kia là một vòng lẩn quẩn không có điểm khởi đầu, không có điểm chấm dứt.

Tiếng nước chảy trong ống sắt trên tường, tiếng chân ai bước phía trên, tiếng chìa khóa ai khua trong dãy hành lang vắng, tiếng máy ra-đô từ một nơi nào đó rất xa, tiếng một đứa bé gái ở phòng bên đang hỏi tại sao? Tại sao? Tại sao? Và mặc dầu vậy nằm trong phòng nầy Walter có cảm tưởng không nghe gì cả. Trong khối ánh sáng lùa qua khe cửa, hai bàn chân chàng đờ ra giống hai bàn chân của một pho tượng đá. Móng của mười ngón chân lấp lánh như mười tấm gương nhỏ, phản chiếu một màu xanh. Chàng ngồi lên, với lấy cái khăn mặt lau mồ hôi đang ứa ra như tắm. Bây giờ thì hơn những gì hết, chàng đâm ra sợ sự nóng bức trong gian phòng. Nó khiến chàng thấy rõ tình cảnh chàng đang bị tất cả bỏ rơi. Chàng vò cái khăn mặt lại, ném mạnh, không cần biết đã ném đi đâu. Cái khăn vướng vào chao đèn, đong đưa ở đó. Giữa lúc ấy, chuông điện thoại reo, reo không ngớt, reo to đến nỗi Walter tưởng chừng cả khách sạn đều nghe. Cả một đạo quân sẽ đến vỗ cửa phòng chàng. Chàng vùi đầu trong gối, bịt chặt hai tai, lầm bầm: « Nghĩ nữa đi, nghĩ đến những chuyện không có nghĩa gì, nghĩ đến những chuyện đi qua như làn gió thoảng ».

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

●

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

● *Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.*

● *Installations de gazothérapie.*

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

bất chợt

Sáng nay nhìn lọ oeillet,
Anh chọn hai cành đẹp nhất :
Một màu hồng tươi và một màu trắng tuyết :
Để gửi tặng em.

Trong chiếc cốc xinh tưởng thấy hai cành hoa
đứng bên nhau âu yếm.
Say sưa em nhìn rồi lại gần hôn đóa hoa hồng.
Mùi hương nhẹ nhàng. Và ngạc nhiên em mỉm
cười sung sướng :
— « Hay, nhỉ ! Mình không ngờ hoa oeillet màu
hồng lại thơm.

V. H.

sau cùng

quê ai nến thắp hai hàng
ở đây đồm lửa thiên đường còn xa

Phan-Huy-Nhân

Với xương như củi trên ngàn
với đôi mùa tóc khô vàng cỏ hoa
với sầu thoi thóp trong thơ
với trái tim giờ tựa gỗ trầm hương
ưu tư ngọn khói bay tròn
xuống dòng suối cạn sinh tồn đứng phơi !
ngọn đèn heo hút mà thôi
linh hồn cõi nọ xa vời cánh tay
bao giờ theo kịp em đây
cam lòng hạt bụi bay ngoài khói sương ?

hay thôi, hãy chúm môi nàng
thổi thêm vầng lửa đốt vàng đam mê !
thân anh một sớm lui về
chỉ còn tro bụi tư bề hỏa thiêu

D. P. S.

(Mùa hạ Miền Nam)

Bông-giấy phơi mùa tím
Rào khô muốn trẻ lại mươi năm

Vút bóng qua đường theo nhịp máy
Không ai ngắm cả
trời đương biếc
Các bánh xe quay chỉ tiếc giờ

Mỏi cánh đi tìm sống
Chim lo mồi chẳng thiết ráng hôm mai

Màu tươi quanh đây e mắc lỗi
với những nét phiền dăn trước tuổi
quầng mắt kêu thương
Bên cuộc, trong cơn
Vui một khắc vì quên trăm sự thật

Đón nghe, nhìn mãi, không lây sướng
Đã thấy gì đâu giữa lạ quen
Vết gió gợn bờ loang ngấn nước
Động buồn khép mở hướng trăng lên

Đẹp lui vào kín
Dịu tiếng, nguôi hồng, mơ khỏi nghĩ
Đem tình gửi ý lặn qua sương
Chờ khi tạnh nắng
Chuyện lòng sẽ kể với quê hương

Hòa-Âm XIV

Đ. T.

Đã phát hành

VĂN-NGHỆ
số 17

Đi tìm Nguyễn-Du : Tô-Thùy-Yên *Gauguin* : Nguyễn-Trung — *Đêm tối* : Nguyễn-Thạch — *Tiễn em chào bạn* : *Trong vườn kỷ niệm* : Nguyễn-Nghiệp-Nhượng — *Sau cơn mưa* : Lý-Hoàng-Phong *Rệp* : Dương-Nghiêm-Mậu — *Bởi nhớ thương ai* : Hoàn-Bảo-Việt — *Mùa mưa mới* : Trần-dạ-Từ — *Thần tượng Marilyn* Hà-Hoài.

Thời Sự Văn Nghệ : Giải thưởng văn chương toàn quốc — Buổi chiều lá rụng của Ngọc-Linh — Bà sinh hương lửa của của Doãn-Quốc-Sỹ — Triển lãm Esso — Tin ngắn...

Tháng 11 sẽ phát hành

- Khúc ca nhược tiểu *thơ Cao-đang-Hồ*
- Người con gái trong đêm mưa *truyện Đỗ-ngọc-Trâm.*
- Khúc bi ca nàng tiên nhỏ *truyện Maxime Gorki. Đường-Bá-Bồn dịch.*

ĐẠI-NAM VĂN-HIẾN XUẤT BẢN CỤC

20/111, Nguyễn-Huệ — Phú-nhuận

SAIGON

THẾ-PHONG chủ trương

4| Cơn cuồng nộ nguội, Thạch nhu nhược bất động. Nỗi hổi hận nhạt nhẽo thầm dần trong miệng, Thạch từ từ buông Liên. Mắt nàng khép chặt trong sự chịu đựng âm thầm. Thạch xấu hổ không dám nhìn lâu, thân thể lõa lồ của người yêu phơi trần trong ánh đèn mờ tỏ như một nỗi tủi nhục, Thạch nằm xuống bên duỗi thẳng không cựa, Liên cử động cánh tay trái kéo tấm chăn lên che người. Thạch gọi phào trong hơi thở : Liên ơi ! Liên mở mắt nhưng nàng vẫn ngửa mặt, cánh mũi hơi mấp máy : Dạ, giọng của Liên yếu đuối trói Thạch vào sự bàng hoàng tê liệt, Thạch nói một mình thành tiếng : « Anh xin lỗi Liên ». Liên đang cồ nuốt những nghẹn ngào dồn xô lên trên ức, nàng chỉ thốt được một tiếng : Không. Thạch sợ hãi hỏi : « Em có giận anh không ? », Liên lắc đầu ở trên gối, lát sau : « Em hiểu anh ». Liên nhoài mình qua người Thạch thổi tắt ngọn đèn, nàng đưa bàn tay mát lạnh sờ soạng lên mặt Thạch thì thào : « Anh ngủ đi », Thạch vòng tay giữ ngang lưng Liên gọi : Liên ơi ! Dạ. Thạch nói một câu vô nghĩa nhất : « Anh yêu em ». Trong bóng tối Thạch không nhận được sắc diện của Liên, mái tóc dài của nàng lả tả rơi dần xuống ngực Thạch, Liên vẫn chống một tay trên mặt giường và mặt nàng cách xa mặt Thạch, « Anh chỉ còn mỗi một mình em thôi » « Em biết, em cũng vậy ». Nhưng khi Liên gỡ tay Thạch, đặt mình xuống giường, Thạch bồn chồn đau xót, cảm tưởng như hai đứa vừa từ biệt nhau vĩnh viễn, giấc ngủ chụp xuống Thạch lúc nào

THANH-TÂM-TUYỀN

NỖI CHẾT KHÔNG RỜI

« . . . vivre avec cette tiédeur de mort dans la main ».
A. Malraux

không hay dẫn Thạch vào một giấc mộng dữ. Thạch lủi thủi bước trong phố tối, từ sau một gốc cây một kẻ xô ra đâm một dao suốt lưng Thạch, Thạch quay nhìn nghe tiếng cười đắc thắng của Tích. Thạch bỏ chạy tứ chi tê liệt, Thạch muốn chạy gấp đuổi theo Liên ở đầu phố nhưng chân tay không nhấc nổi, Thạch bò xuống mặt đường hân thể xây sát rướm máu, Thạch không thở được. Một lúc hoảng hốt thức dậy, Thạch nghe mơ hồ Liên vẫn còn thức ở bên, nhưng Thạch không sao nhướng nổi mi mắt nặng chĩu, Thạch cứ vùng vẫy từng hồi giữa sự níu kéo của ý chí mòn mỏi và giấc ngủ sâu chìm. Thạch mở được mắt, trời đã sáng bạch, Liên dạy từ lâu đang đun nước dưới bếp có ý đợi Thạch. Trông thấy Thạch nhìn mình ngơ ngác, Liên mỉm cười dịu dàng, hai quầng mắt Liên không dấu được mệt mỏi của một đêm thức trắng lo lắng, xóa sạch những ý nghĩ đen tối vương vất trong trí Thạch. Trong bữa ăn sáng, Liên đã mua sẵn hai bát sôi lúa, Thạch tìm lại được sự thăng bằng trong tinh thần, bảo Liên: « Bây giờ em nghỉ chợ hắn ở nhà thì hắn không còn gặp được em làm lôi thôi nữa ». Liên gật đầu: « Em cũng nghĩ thế ». « Em còn đủ tiền tiêu đến tháng sau không? » « Em còn đủ » Liên ngập ngừng rồi nói tiếp: « Nhưng anh phải đi, em ở nhà một mình cũng lo lắm, em sợ hắn sẽ theo đuổi trả thù ». Thạch bảo: « Em có thể dọn về ở chung với ai cũng được » Liên đáp: « Ai? Chúng mình còn ai thân nữa không? Chỉ có anh bên cạnh là em yên tâm thôi ». Thạch hoang mang, nhìn nét mặt âu sầu của Liên, lần thứ nhất trong đời cảm thấy gánh nặng của trách nhiệm cụ thể tầm thường với một người, không phải thứ trách nhiệm lý tưởng vẫn làm tròn và chúng bạn phải: băn khoăn khổ sở. Thạch chặc lưỡi: « Em đừng lo ». Liên nói: « Bây giờ chỉ có anh được ngồi bàn giấy ở tỉnh là tốt hơn cả. Em có thể đi theo anh ». Thạch nhói buốt ở sau lưng đúng chỗ bị đâm trong giấc mê đêm qua, Thạch chua chát: « Những chỗ ấy mình làm thế nào mà lọt nổi... » Thạch không nói hết ý nghĩ, mà giả thử được đi chăng

nữa anh cũng chẳng thể chịu, anh vẫn chưa quên được anh đâu ; « Anh lại có thể tiếp tục học được nữa » Liên vẫn vô tình tiếp lời. Thạch bắt mãn chán nản hết sức. nói ngoài đầu môi : « Ừ, được thế thì tốt ». Thạch bỗng nhớ chúng bạn, bắt đầu ghê sợ những thời khắc trống rỗng sắp tới với Liên, Thạch bảo Liên : « Anh ra phố, em ở nhà trông nhà », Liên dặn với : « Em đợi anh về ăn cơm đấy » Thạch gật đầu, bước hấp tấp ra cửa.

Không mục đích ngoài phố phường, lại đi những vòng quanh quẩn như ngày quá khứ. Không gặp một đứa bạn, một người quen nào. Thạch nghĩ đến khoảng đường xuống nhà Đồng nhà Cảnh. (Nhà An thì chẳng khi nào Thạch đặt chân đến vì không bao giờ Thạch muốn gặp An trong cái biệt thự kiểu cách quý phái, cái không khí nực mùi trưởng giả của gia đình An), tuy ngắn mà Thạch khó vượt nổi ; nghĩ đến những chốn thường gặp mặt chúng bạn như Thư viện Trung ương hay trường Đại học mà Thạch như đang bị đuổi xa. Quá trưa Thạch quay về nhà, gần tới đầu ngõ Thạch hình dung Liên đang ngóng đợi. Những buổi trưa còn ăn cơm vỉa hè đầu chợ chán ngấy với nỗi cô độc khô cứng Thạch chỉ ước ao có một căn nhà và một người yêu mong mỏi mình về, bây giờ Thạch lại sợ hãi sự săn đón chờ đợi của Liên dành cho Thạch. Buổi trưa mưa xuống vài hạt mang theo ngọn gió may và bầu trời nhờ đục. Sau giấc ngủ, Thạch rủ Liên ra phố. Liên choàng thêm cái khăn mỏng ôm lấy mái tóc, hỏi : « Đi đâu ?, Thạch đáp : «Đi chơi». Sự thực Thạch chỉ cốt mang Liên ra khỏi nhà, ở ngoài phố Thạch được tự do hơn.

— Đi được một quãng, Liên lại hỏi : « Đi đâu bây giờ anh ? » Thạch đáp vu vơ : «Tùy em». Liên gặng hỏi : « Anh không có mục đích gì hết ? » Thạch lắc đầu lơ đãng, Liên cười tươi : « Anh thật là vớ vẩn », nghĩ vài giây tiếp : « Hay mình đi thăm mộ mẹ đi ? » Thạch chú ý hỏi : « Mộ ai ? ở đâu ? » « Mộ mẹ em chứ còn mộ ai nữa ». Ở ngoài Thanh-Xuân ». Thạch tán thành ý kiến : « Ừ, anh phải ra lễ cụ cho phải đạo ». Liên hân hoan sung sướng, những nét buồn thường đọng thành dáng ở Liên phút chốc biến mất. Chuyến tàu điện Hà-Đông đưa Thạch và Liên về ngoại ô. Trạm cuối hàng Đẫy vào Ngã tư Sở có hai người xẩm mù lên xe hát những bài ai oán kể lể những nỗi thương nhớ của nàng chinh phụ tân thời, Liên lắng nghe có vẻ xúc động. Nàng đặt hai tay trên đùi giữ lấy thẻ hương xấp vàng giấy, Thạch cầm bó huệ trắng đứng tựa thành cửa thông sang cái phòng hẹp hạng nhứt ghế da, mắt chăm chăm nhìn người xẩm. Nghĩa trang nằm ở bên đường, xa cách hẳn thành phố, trên một khu đất biệt lập xung quanh là đồng ruộng. Người gác nghĩa trang dẫn hai người vào sâu tận một góc, len giữa những đám cỏ cao sắc để tìm mộ, có tới hai năm Liên không xuống viếng thăm. Ngôi mả chỉ còn là một nấm đất nhỏ cỏ mọc um tùm bị chen lấn giữa những ngôi mả khác xây cao ráo. Liên đặt hoa, thắp hương, xì xụp khấn lễ. Lời khấn thầm bỗng bật thành

tiếng nức nở. Buổi chiều tuy còn sớm nhưng không có ánh nắng đã loãng chìm trong vẻ muộn màng, Liên mếu máo kéo tay Thạch quỳ xuống đất : « Anh khẩn mẹ phù hộ cho chúng con đi ». Thạch ngoan ngoãn vâng lời. Chỉ nghe tiếng rì rào của gió thổi từ mấy bờ tre xa qua đám lúa, tới những vùng cỏ mọn xung quanh và tiếng xì xầm thổn thức của Liên đang tan theo trong tĩnh mịch, thỉnh thoảng vọng tiếng kèn xe vút nhanh ở tận ngoài đường cái. Trong khi đốt vàng, Liên vừa sụt sùi vừa nói : « Anh có khẩn mẹ không ? Mẹ thiêng lắm đấy. Năm ở ngoài hậu phương em sắp lấy Tích em thấy mẹ về ôm lấy em hai mẹ con khóc với nhau. Lần gặp lại anh ở Hà-Nội, cách đó ít lâu em cũng thấy mẹ. Lần thằng Uẩn chết, mẹ cũng về, em khóc đòi theo mẹ, nhưng mẹ lắc đầu, mẹ đi em ôm chầm đòi theo, mẹ xô em ngã ». Thạch dìu Liên ra khỏi nghĩa trang, men theo bờ đường cái ngược lên một đỗi xa tới chỗ tránh tầu, lúc nầy Thạch thấy khó có thể xa nàng, Liên lại nói : « Năm ngoái em đi gọi hồn mẹ, mẹ về thấy em khóc cũng khóc. Mẹ bảo mẹ thương em lắm bởi đời em còn khổ nhiều. Em hỏi gì mẹ cũng chẳng nói thêm, trước khi thăng mẹ dặn lại là mẹ cũng nhớ em cũng muốn gặp em nhưng trời chưa cho phép, bao giờ tới ngày mẹ sẽ đón em về mẹ con đoàn tụ ».

Thạch hỏi : « Vừa rồi em khẩn xin mẹ điều gì ? » Liên đáp giọng tin tưởng : « Em xin mẹ phù hộ che chở cho anh, cho em được sống mãi mãi với anh ». Những tiếng sau cùng vang dội trong tai Thạch, thắt lấy tim Thạch, Thạch bồi hồi trong một niềm sê điềng, Thạch nói thầm như nín giữ lấy lời mình : « Anh cũng chỉ mong được như thế và Thạch cùng mình.

Vào Hà-Nội, hai đứa không về nhà, Thạch dẫn Liên đi ăn hiệu.

Buổi tối ra ngồi bên hồ gươm. Trời hơi lạnh nên các hàng quán quanh hồ vắng khách, những ngọn đèn treo trong các Kiosque không đủ ánh sáng tỏa tới những khoảng thẫm bóng cây cỏ cùng mặt nước đục. Phía hàng Khay ánh nê ông xanh biếc hiu quạnh, phía cầu gỗ ánh sáng vàng khô rộn rịp. Thạch lắng nghe Liên kể lại cái đoạn đời những năm loạn ly chia rẽ hai đứa của nàng, nhiều kỷ niệm Thạch đã nghe qua nhưng Thạch vẫn lặng yên nghe nhắc lại. Thạch ngửa đầu trông mầu đen sâu thẳm tưởng hồn mình đang phơi trải bằng phẳng không còn một khúc mắc dày vò, Thạch tự hỏi : cớ sao mình không chấp nhận mọi sự như mọi người ? Tôi sẽ sống thành một nỗi quên lãng với tôi. Liên thôi câu chuyện, đâu đó vang lên vài nhịp cười của mấy cô bán quán, Thạch bâng khuâng nắm lấy bàn tay Liên đặt lên thành ghế và siết mạnh dần bàn tay nhỏ nhắn. Liên kêu khẽ : « Đau em », Liên đưa bàn tay còn trống ấp giữ bàn tay gân guốc của Thạch. Lặng im mặc cho trời đêm bay cao dần, Liên lên tiếng trước : « Anh đi như thế liệu bao lâu về Hà-nội được ? » « Không biết, còn tùy » « Em tính ở nhà em sẽ chạy hàng sách và nhận đổ đan với Bích cho đỡ buồn » Thạch ừ hữ, « Có con anh muốn

đặt nó tên gì ? » « Anh chưa nghĩ ». « Anh thích con trai hay con gái ? » « Con gái. Đặt tên là Lý ». « Tại sao lại tên là Lý ? » « Tại sao tên em lại là Liên ? ». Hai đứa trở về nhà, qua phố Trường Thi đi vào hàng cây rậm thẳng như một cái vòm cổng lớn, nói những câu viển vông như những ngọn gió thổi qua tóc, quên được những phiền toái đã xảy ra trong đời, một đôi tình nhân biệt lập với thế giới bên ngoài, căn nhà trở nên ấm cúng hơn và mùa thu đã thổi về đây hơn từ lúc nào trên những mái gianh xám, con đường đất khô hanh bên kia mặt ao, bãi đất trồng bên nhà cỏ mọc xanh rì, một buổi sớm Thạch thức dậy đứng bên cửa sổ nhìn sang, mình trần và trên cổ quấn cái khăn len của Liên với lấy trên đầu giường, Thạch chợt bàng hoàng sửng sốt nhớ ra chỉ còn ở lại được Hànội ba ngày nữa. Thạch bảo với Liên cần đi thăm chúng bạn, hẹn chiều tối mới về, Liên ngỏ ý muốn lên nhà Bích bàn việc buôn bán sắp tới, Thạch đưa Liên lên hàng Bông rồi từ đó Thạch xuống Đồng.

Nhà Đồng vắng người, Thạch đẩy cánh cổng khép hờ đi thẳng vào sân chỉ gặp hai con chó nhảy quẫng, gặp mẹ Đồng đang ngồi nhặt sâu bên mấy luống rau ngoài vườn, Bà cụ mừng rỡ nói : « Tôi tưởng cậu đi rồi », Thạch đáp : « Chưa ạ. Còn ba hôm nữa » « Em nó chắc sang bên đình », Thạch băng qua đường, bước vòng theo mấy bức tường đổ leo qua kệ gạch hoang, trông thấy Đồng ngồi dựa lưng vào cột, phía sau là một lớp học trống trên một bực thềm đá đọc sách. Khuôn mặt bầu bầu của Đồng như xa lánh mọi vật, bao phủ về thảnh thơi nhàn hạ, Ngòm khơi hồ Tây một hai cánh buồm trắng chao nghiêng trong gió sớm. Đồng gấp sách, ngửng lên đón Thạch tươi cười, Thạch ngồi xuống bên chờ Đồng sẽ hỏi mình về Liên, nhưng Đồng không đả động gì hết, chỉ mỉm cười ranh mãnh vuốt lại mái tóc lòa xòa ra vẻ hiểu thấu mọi sự, sau rồi Thạch bảo : « Liên đó », Đồng gật gù : « Biết ngay tức khắc ». Bỗng Đồng cười khích khích thú vị kể : « Mấy hôm trước tưởng anh cu An với anh cu Cảnh đi luôn rồi. Bọn này vừa ở rạp chiếu bóng Ciros ra thì cảnh binh với mật thám đón mời lóc nhóc một lũ thanh niên trốn động viên lên xe về quận. *Mọi* trình cái giấy khám sức khỏe được miễn nên về ngay còn tụi khác là ngủ quận cảnh sát một đêm để đưa xuống trại Ngọc Hà. May mình nhanh trí khôn, tạt vào báo cho ông bố thằng An, ông ấy tức tốc lái xe lãnh hai cu cậu về. Anh An ta thì mặt tái mét, còn anh Cảnh thì mặt lầm lì tím bầm lại. Chỉ có *mọi* chẳng ma nào thèm sờ tới cái phổi hỏng mà thành hay ». Thạch trên Đồng : « có chắc không ? Mai đây nó cần là nó gọi ra khám lại là a lê hấp... » Đồng xua tay chun mũi lại : « Còn lâu lắm. Có lẽ phải tới lúc anh lên quan sáu rồi mới tới tôi ». Đồng nghiêm ngay được nét mặt hỏi tiếp : « Bao giờ đây ? » Thạch đáp : « Còn ba hôm nữa, hôm nay là tôi xuống đi chơi buổi cuối với anh đây ». Đồng lim dim mắt chợt mơ mộng : « Chiến sĩ từ biệt đó phải không ? Một đi là không trở lại ». Thạch ngồi im

không đáp « Thạch này, kể cũng lạ nhỉ... Tớ đang muốn khóc đây » Thạch không biết Đồng đang đùa hay thật, hai mắt Đồng đậy kín và môi Đồng mím lại. Nếu tớ là con gái, tớ xin làm vợ đằng ấy đấy Thạch ạ. Bằng lòng không ? » Đồng bật cười mở choàng mắt, mắt của Đồng hoen ướt, lòng trắng đục nổi những tia máu nhỏ, Thạch nói : « Cậu giống Liên, lãng mạn lắm rồi khổ nhiều ». Đồng cãi bướng : « khổ vì lãng mạn cũng là một thứ hạnh phúc ». Đồng lầm bầm đọc mấy câu thơ : *Comme la vie est lente, et l'espérance est violente... Les jours s'en vont Et je demeure* Thạch đứng lên bảo : « Thôi xuống hồ ». Đồng chợt nhớ : « Bọn mình xuống thăm thầy Tôn, thầy mới hồi cư về ở xóm Hà hồi, hôm nọ tôi gặp thầy ngoài bờ hồ, thầy không nhận được ra tôi nữa. Cậu còn nhớ thầy Tôn không ? » Thạch gật đầu hỏi : « Sao tưởng ông ấy ở bên Tàu ?

Ông Tôn là thầy học cũ của hai đứa năm Moyen II. Ông là một bậc thầy uy tín nhất trường, đồng nghiệp kính nể học trò khiếp phục, người ông phương phi, mặt lúc nào cũng đỏ gay, dáng điệu oai vệ. Từ những năm còn học lớp dưới mỗi lần nhìn thầy ông ở sân trường trong phòng họp các thầy, hay đi muộn phải chạy qua lớp ông dậy nghe tiếng nói sang sảng của ông, Thạch run sợ cảm phục, lên học lớp ông, bọn Thạch càng mến ông, ông nghiêm khắc nhưng hiền từ, có sức thu phục bọn trò nhỏ một cách kỳ lạ mặc dầu ông ít nói và chẳng bao giờ tỏ ra thân ái với ai. Năm ấy quân Nhật vừa kéo vào Đông-Dương, giữa niên học cả trường nhồn nháo vì mật thám Pháp tới tận trường bắt ông Tôn, lúc bấy giờ người ta mới biết ông Tôn làm cách mạng, rất nhiều điều huyền hoặc được loan truyền về con người ông Tôn khêu ngợi những bộ óc tưởng tượng thơ ngây. Cùng với hình ảnh ông thầy quý mến. Thạch tò mò tìm hiểu cái ý nghĩa huyền bí của cách mạng, Đồng làm thơ bài đầu tiên non dại khóc thầy. Nhật đảo chính nghe đồn ông được phóng thích, sau theo cự Nguyễn-Hải-Thần chạy sang Tàu. Gia đình ông Tôn ở nhờ trong một nhà chứa xe hơi của một ngôi biệt thự, gian nhà thấp bóp hẹp vào phía sân như một cái ống. Hai tầm phản kê tạm bợ bừa bộn chăn chiếu. Những bó vải nâu và một cái va ly da mới. Con ông Tôn cả thầy sáu đứa mặt mũi ngơ ngác vơ vẩn ở ngoài sân sỏi hay lê la dưới chân giường. Ông Tôn chừng mới đi đâu về, mũ trắng còn đội trên đầu, đang ngồi bàn chuyện với vợ, một người đàn bà quê mùa nhẫn nại. Ông già xọm, lưỡng huyền nhô cao, mắt đục ốm yếu, tóc khô lởm cbởm đã điểm bạc, giọng nói từ tốn, Thạch ngồi im một góc nghe Đồng nói chuyện với ông, nhìn bọn con nít ngó mình, nghe giọng nói trong trẻo của thiếu nữ xa gần trên những gian phòng rộng ở nhà trên. Vài khúc dương cầm mới tập nhỏ nhẹ lọt ra cửa sổ, lúc bắt tay Thạch đưa ra cổng, ông Tôn mới chợt hỏi : « Anh tên là gì nhỉ ? Lâu quá tôi không nhớ nổi » Thạch đáp : « Dạ thưa con là Thạch, Lê-văn-Thạch ». Ông Tôn nói với Đồng là đang đi tìm thuê nhà và

vận động xin hồi ngạch giáo học. Thạch buồn rầu : « Tội nghiệp ông Tôn. Không gì buồn bằng hình ảnh cuộc đời thất bại » Đồng trầm ngâm đáp : « Tôi nghĩ khác. Ông ấy đã làm hết bổn phận và khi biết mình thất bại thì thôi rút về sống cuộc đời tầm thường nhường việc cho kẻ khác, như thế hay hơn là cứ bướng bỉnh húc đầu vào tường. Chỉ tội nghiệp là nếu ông ấy vẫn chưa chịu cho là thất bại. Nhưng nghe ông nói tôi cho là ông hiểu rõ cái vai trò của lớp người nhỏ ông lắm. Tôi thấy hình ảnh của ông ngày nay vẫn là một hình ảnh đáng kính phục. Thế hệ của ông đã thua rồi. Suốt cả buổi Thạch vẫn tưởng tới ông thấy cũ trong một niềm luyến tiếc đau đau.

Vào trưa gió thổi ào ào ngoài vườn trời hanh khô ngắt ngây. Mặt Đồng mét đi, hơi thở mệt nhọc, Đồng nằm nghỉ trong phòng riêng, đắp tấm chăn đơn ngay ngực thỉnh thoảng ho khan vài tiếng, Thạch nằm trên võng đưa đẩy với cảm giác bồn chồn bứt rứt, Thạch cầm cuốn sách đọc dở trên mặt bàn nhưng những giòng chữ khô khan không làm sao thu hút được tinh thần bần loạn của Thạch. Hai bên thái dương nặng nề đờ đẫn, Thạch tưởng chừng mình cũng sắp lên cơn sốt cùng thời tiết. Những buổi giao mùa như hôm nay, thiên nhiên chập chững trong những trận gió quá độ, Thạch thường nhận thấy nơi mình một trạng thái kỳ lạ : cơ thể hoang mang như muốn tắt lịm, trí óc bay tỏa ra ngoài, từ nơi sâu thẳm trong mình nổi lên những sức xô đẩy khó hiểu như những luồng sóng ngầm của biển khơi lôi cuốn tới sự rã rời chán nản phiền muộn vô cớ, thường Thạch chạy trốn bạn bè tự đẩy ải vào trong cô độc, không muốn nhìn muốn nghe điều gì hết, một hành động bỏ trắng trong hiện tại, nếu có đi giữa chúng bạn cũng thành một thứ vô tri tỉnh thức. Bà ngày còn lại là một khoảng thời gian thừa, đã nhập thành quá khứ rồi. Thạch muốn đi tới trước cho mau để trông thấy hình dáng của những ngày sau. Cái cõi hư không đang đón đợi trước mặt sẽ tan tành bắt buộc phải hiện hình như thế gọi là phiêu lưu, Thạch lại bắt đầu nghe sức nặng của những ngày dài đã sống đè xuống mình trì xiết như giam giữ. Thạch thơ thẩn ngoài vườn đứng dưới một gốc soi ngửng nhìn những trùm trái ửng hồng nấp trong các bụi lá. Khi quay nhìn vào cửa sổ phòng của Đồng thấy Đồng cũng ngồi bó gối nhìn ra, tấm chăn vẫn còn phủ đến vai. Thạch mỉm cười ngượng ngập như vừa bị người lạ bắt gặp mình làm lỗi. Thạch trở vào múc nước bể rửa mặt, nước mát, đánh thức các giác quan nhưng gió thổi mặt khô mau chóng, sửa soạn trở về phố. Thạch hỏi Đồng : « Chiều nay có đi đâu không ? » « Cậu có xuống trường dự buổi tiệc trà của Tổng hội không ? » « Tôi tưởng xong rồi » « Hôm nọ xin phép không được phải hoãn lại. » Thạch mỉa : « Sao lại không dám cho phép ? Dễ nó sợ bọn sinh viên sẽ mủi lòng mà khóc vì tương lai dang dở rồi nó lại phải dỗ dành an ủi mệt chăag ? Mà tôi đâu đã lên đến chức sinh viên. Có quyền dự không ? »

Đồng cười phụ họa : « Anh chửi tôi là có chức sinh viên đấy hả ? » Thạch vẫn nói tiếp ý nghĩ bồng bột : « Chứ không à, chức sinh viên tây lắm. Nay mai là xã hội này nằm trong tay các ông ấy đấy, không để cho các ông ấy yên ổn là xã hội này sẽ lụn bại. Tôi chắc chẳng có thứ sinh viên nước nào « bệt » óc bùn như sinh viên nước mình thời này. Thạch nhìn rõ mình đang hẳn học một cách lố bịch nhưng Thạch không dừng được. Cơn say vô nghĩa Thạch trút nhẹ được những ẩm ức : « *Moi* mà có súng rồi ấy à, thể nào cũng có phen ông lia cả tràng vào lũ đú đờn ấy. Những bậc đại trí thức ấy có ngã lăn quay ra đó cũng chẳng thiệt hại đến ai. » Đồng ôn tồn : « Thôi được bỏ cái bọn ấy sang một bên. Nhưng chiều nay cậu cứ đến tôi sẽ chỉ cho cậu thấy cái này hay lắm». Thạch nín thinh và cơn nóng nảy dần dần xẹp xuống thành một nỗi bất lực khó thở, cười tẻ nhạt : « Được bây giờ tôi phải đi đằng này đã, cậu cứ xuống tôi sẽ tới ».

Thạch trở về nhà. Từ đầu ngõ Thạch đã cảm thấy một không khí bất thường. Nhà khóa trái, đằng trước mấy đứa trẻ con lảng vảng dòm ngó, thấy Thạch đứng lại tìm chìa khóa chúng tò mò nhìn Thạch thầm thì với nhau. Thạch sắp mở cửa bước vào thì người đàn bà bên nhà đối diện tất tả chạy sang nói khẽ bằng giọng nghiêm trọng ân cần : « Bà nhà bị bắt rồi. Lúc nãy có hai người đàn ông đi xe díp nhà binh Pháp tới khám nhà, dẫn bà đi. Ông đừng nên ở nhà nữa, tôi sợ họ còn trở lại ». Thạch chết sững tại chỗ vài giây, mãi mới lắp bắp : « Cám ơn bà. Liên có nhắn lại được gì không ? » Người đàn bà hàng xóm nói câu gì Thạch nghe không rõ. Thạch bước vào nhà, người đàn bà lảng về. Chỉ còn mấy đứa trẻ con ngẩn nghé ở bên vách, cửa sổ, mọi vật trong nhà không hề bị xê dịch. Mất cái va ly quần áo của Liên đặt ở kệ trong góc nhà. Liên để lại một mảnh giấy con viết nguệch ngoạc mấy hàng : « Tích đến. Em phải về ». Thạch mặc nguyên cả quần áo nằm im một chỗ, mắt mở trừng trừng. Hắn mong Tích trở lại, hắn đợi Tích trở lại, hắn muốn gặp Tích, hắn như một con thú dữ nhớ mồi. Hằng giờ sau, cái ngõ lặng xuống, nước mắt Thạch rưng rưng cộm đầy mi. Thạch mệt nhừ mặc cho nước mắt lăn xuống má. Thạch khóa cửa bỏ đi ra phố, đi thật chậm theo bước chiều xuống dần. Những tiếng động quen thân của phố phường như nghe qua một tầm kính dầy, Thạch cố gắng trấn tĩnh tinh thần để suy nghĩ, chọn thói quen tìm tới chốn đông người để quên hẳn mình giây lát. Đồng đứng đợi trước cửa trường Đại học. Chiều xẩm mầu quạnh hiu trong khu vực nhiều cây cối nhà cửa đồ sộ. Buổi họp mặt đã bắt đầu từ lâu. Đồng sửng sốt hỏi : « Có việc gì thế Thạch ? » Thạch lắc đầu đáp gọn : « Không ». Bước lên nhiều bực thềm vào trong cái vòm cao, sàn đá hoa bóng ngăn cách giảng đường và thư viện trường luật, đi sau lưng những dãy người, nghe tiếng micro ồm ồm trong một góc. Ngồi xuống ghế trước mặt là một hàng rào lưng người. Trong tiếng vỗ tay, huýt sáo la ó, một vài đoạn im lặng rì rầm với một vài giọng nói đùa

bỡn nhạt nhẽo. Giọng hát đĩ thõa. Đồng, huých khuỷu tay vào mạng sườn, đứng lên chỉ : « Em của Hà đấy ». Thiều nữ còn cặp tóc đang khóc như tiếng mèo vắng một bài hát tình tứ biệt ly. Hỏi : « Hà đâu ? ». Đồng bảo : « Nghe đâu Hà đã theo chồng vào Sài-gòn. Ngày trước Hà hát hay hơn em nhiều ». Nói: « Thế à ? ». Xa dần cái không khi nhộn nhạo tới gặp bóng tối, sự lặng lẽ trước mặt. « Mai còn gặp nhau không ? » Mai, mai sẽ gặp nhau. Đứng yên một chỗ, những hàng đèn xe dăng qua phố ngang xuôi ngược. Mùa thu đã về thực rồi, đêm tối sẽ bắt đầu nhẹ tênh như khói.

5 | Thạch đến tìm Bích, Bích đi vắng. Ông bố Bích nằm nghiêng co quắp trên tấm phản giữa, đầu gềch lên trên một cái gối da cao, đang nướng thuốc trên ngọn đèn bóng nứt chằng buộc bằng dây thép, rồi miết quanh nõ tẩu, nói giọng khàn khàn. Người qua lại luôn luôn. Buồng nhà Bích là lối đi chung cho các gia đình ở ngoài và trên gác xuống bếp. Thỉnh thoảng lũ em Bích đuổi nhau từ ngoài đường qua ngõ vào nhà cãi lẫy om xòm. Tiếng vo vo từng hồi cách đều đặn. Ông bố Bích sau bữa thuốc nằm duỗi ngửa như một cái xác khô đét, mắt nhắm, miệng lẩm bẩm không thành tiếng một mình. Thạch ngồi im trước cái tách nước vàng cáu, muốn ra phố một lát cho thoáng, nhưng ngại lần quay lại phải làm thêm một lần nữa thủ tục xã giao. Bích sửng sốt nhìn Thạch, trên tay Bích đeo một cái làn mây không trong lót mấy tờ báo cũ. Thạch đứng dậy trình bày ý định : « Tôi muốn nhờ cô chỉ hộ chỗ ở của Liên », Bích ngắm Thạch không nói. Thạch giải thích : « Tôi có việc cần gặp Liên mà không biết nhà, tôi sắp sửa phải đi xa ». Bích chậm rãi nói : « Mời anh ngồi chơi ». Nàng đặt cái làn xuống gậm bàn và ngồi đối diện với Thạch. « Nhà chị Liên ở Ngũ-Xã nhưng tôi không nhớ rõ số nhà ». Thạch cúi đầu suy nghĩ, cố giữ giọng bình tĩnh : « Việc này quan hệ cho tôi lắm. Nếu cô không ngại, phiền cô đưa tôi xuống gặp Liên ». Bích lộ vẻ nghi ngờ, nàng nhíu mày tỏ ý khó xử. Bỗng Bích hỏi : « Ngay bây giờ ? » Thạch khẩn khoản : « Vâng, ngay bây giờ ». Bích ngần ngừ : « Để đến mai được không anh ? » Đã hơn chín giờ tối, Thạch không biết phải đáp thế nào, nhìn Bích cố làm cho Bích hiểu là không thể chờ đợi một đêm qua, cần gặp Liên ngay tức khắc. Bích lặng lẽ mở ô kéo bàn lấy tấm gương đặt trước mặt, gỡ lại mái tóc. « Đã lâu lắm tôi cũng không xuống chị ấy, chỉ sợ chị đã đổi chỗ ở thì mất công. Ban sáng chị cũng có đến tìm tôi nhưng không gặp ». Thạch nhắc lại : « Ban sáng thế à ? (đã thuộc về quá khứ xa lắc lơ), vâng, ban sáng tôi có biết ». Bích thay áo, mặc áo dài màu huyết dụ. Nàng lại đeo cái làn mây lên cánh tay, nói với bố : « Con đi đằng này có chút việc, mẹ về thấy nói là việc chưa xong, mai may ra mới được ». Phố hàng Bông vẫn còn sáng đèn nhưng đã vợi người. Thạch bỡ ngỡ đi bên cạnh Bích, bước mau ra vỉa hè gọi hai cái xích lô, mời Bích lên trước. Xe bồng bềnh qua những

phố âm u, thỉnh thoảng gặp một vài tiệm khiêu vũ và quán rượu với bọn lính say la ó trêu ghẹo, người phu xe nguyền rủa tục tằn, vào con đường đất hẹp chùa Châu-Long quanh co mấp mô men theo hồ Trúc - Bạch, dừng lại ở đầu cầu của khu Ngũ-Xã. Thạch và Bích đi chân, quay lưng lại với cái dốc cao ở trên ầy lầm lì mặt hông của kho nhà in lớn chận khuất đường đê Yên-Phụ. Bên trái là con đường vừa qua với một dãy nhà gạch lô xô nhìn ra hồ. Bên phải một vài tòa nhà xây kiểu lâu đài cổ, xa hơn đường Cổ-Ngư với hàng cây thấp như một nét mờ tạm chia mặt hồ mênh mông. Khu Ngũ-Xã nằm trũng giữa bốn mặt hồ như một hòn cù lao, những tường phố hẹp ngắn giao nhau thẳng góc, điện đường mờ tối như một thị trấn tí hon. Mọi nhà đều đóng chặt cửa. Bích dẫn Thạch loanh quanh, lúc ghé mắt vào sát những khe cửa gỗ ghép, lúc đứng ra giữa đường kiễng chân nghển cổ nhận định phương hướng. Có lúc bất ngờ tới sát ven hồ, tiếng nước vỗ bì bọp vào bờ cỏ, hơi lạnh dưới hồ bốc lên theo gió và sương tím bạc ngoài khơi rộng. Một vài tiếng chó tru hoảng hốt. Bích mất kiên nhẫn lẩm bẩm vu vơ : « Tồi khó tìm quá ». Cuối cùng Bích gõ cửa một căn nhà đã qua lại mấy lần. Ở trong nghe lích kích rồi đèn bật sáng, người ta mở ra trong mặt cửa gỗ một khoảng tròn bằng bàn tay, thò một cặp mắt và cái mũi đàn bà ra hỏi : « Ai thề ? » Bích nói : « Tôi hỏi thăm đây có phải nhà chị Liên không ? » Thạch ghé bên tiếp lời : « Nhà bà Tích », bên trong đáp : « Không phải nhà này » và cái lỗ tròn đóng ngay lại cùng với tiếng lằn nhằn. Bích thất vọng nói : « Chắc dọn nhà chỗ khác rồi. Để hôm nào tôi gặp chị ầy tôi nhắn hộ anh ». Thạch lắc đầu đáp : « Vô ích ngày kia ngày kìa là tôi đi rồi ». Bỗng nhiên không đừng được Thạch bụm tay vào miệng kêu to : « Liên ơi ». Tiếng gọi chạy dài dãy phố, hoảng hốt vang ra ngoài mặt hồ như tiếng hú hồn người chết đuối. Một con mèo ở phía sau Thạch sợ hãi nhảy vọt tới trước chạm vào Bích. Bích lùi vội vấp vào viên gạch loạng choạng, đưa một tay bụm miệng để ngăn tiếng sợ hãi : « Anh làm tôi giật nẩy mình ». Tiếng gọi vọng vào sâu trong Thạch như một phiến đá lăn xuống, xô động những phiến đá khác làm thành cơn lở núi. Tâm hồn Thạch dồn dập những đau tủi nóng nảy phẫn nộ, lúc buổi chiều đã nén ép được, giờ lại bồng bột dữ tợn mạnh mẽ hơn. Thạch quên hẳn người đứng gần. Bích tiến tới trước mặt Thạch bảo : « Bây giờ tôi phải về », Thạch bâng khuâng : « Vâng, tôi đưa cô về ». Bước vào cầu, Thạch quay người đợi Bích nhìn khu Ngũ-xã tối tăm hoang vắng như một giấc mộng nào đã quên, Thạch bải hoải tâm thần. Hai chiếc xích lô còn gác đợi bên cống nước thành phố chảy xuống hồ, trong yên tĩnh tiếng ì ầm nặng nề của nhà máy đèn vọng đến gần hơn. Hai xe chạy song song giữa đường, Bích ngồi ngay ngắn ôm cái làn mây trước ngực như để che bớt những ngọn gió đêm đang thổi là mặt đường.

Đường về dài thêm vì Bích bảo xe chạy tránh phố Đường Thành đi vào phố Tiên-Sinh lên hàng Da, Rạp chiếu bóng Olympic vừa tan đổ ra vỉa hè vài mươi người khách trong phố khuya. Thạch không biết phải gợi chuyện gì nói với Bích để quên sự trống rỗng sâu thẳm trong ký ức. Mãi đến khi tiễn Bích vào nhà Thạch mới nói: « Cám ơn cô, tôi làm phiền cô nhiều quá ». Bích hơi nghiêng đầu như từ chối lời khách sáo và vẫn không cất bước có ý chờ đợi Thạch nói thêm. Thạch nghĩ ngợi mông lung và bất thần nói mau: « Nếu cô gặp Liên cô làm ơn nói hộ không bao giờ tôi quên được Liên cả ». Sau đó cúi đầu chào Bích bỏ đi trong khi Bích chưa rời chỗ đứng. Thạch trở về gian nhà trống với mối hy vọng ngây thơ thấy Liên đang chong đèn chờ đợi, Liên trốn khỏi tay Tích về với Thạch. Ảo tưởng ấy khiến Thạch bồn chồn nhấp nhổm trong sự tuyệt vọng não nề. Chiếc đèn dầu soi lên những đồ đạc nghèo nàn bụi bậm. Thạch đang ở trong nhà, căn nhà của tôi, Thạch cười một mình chua chát, chỉ là kỷ niệm. Tôi không có gì hết, tôi cứ phải đi tới trước mãi bởi người ta chỉ để lại cho tôi sự hư vô của kỷ niệm. Thạch đứng bên cửa sổ nhìn mấy con chuột cống chạy quanh đống rác trên bãi đất trống, mặt ao im lìm với giọng côn trùng trong bờ bụi, xóm nhà lá không đèn đóm. Thạch nằm xuống giường, chỉ còn biết nhớ, nhớ lại đêm đầu tiên quyết định ở tại trong nhà này, nỗi e dè ngượng ngập của hai đứa khi sát cánh nhau, khuôn mặt chan hòa hạnh phúc của Liên bình yên như mặt biển lúc rạng đông khi Thạch mong hai đứa trải qua cơn dục tình êm như lửa mát. Thạch vùng dậy vì không ngăn được trí tưởng tượng tới cảnh Tích đang trả thù hành hạ Liên ở ngay chính phần sâu kín của thân thể nàng, cái hình hài còm cõi bệnh hoạn của Tích đang bầy ra những biến chứng dâm loạn làm nhục Liên. Tôi không làm gì được hết sao? tôi không làm gì được hết sao?

Sáng hôm sau Thạch tới trại trình diện, nhận lệnh về một đơn vị đồn trú ở Hưng-Yên. Thạch toan lên đường sớm hơn kỳ hạn nhưng rồi Thạch thay đổi ý kiến, nhảy tàu điện xuống Ngũ Xã, tìm quanh quẩn vu vơ gần hết buổi mai, Thạch qua lại gian nhà Bích đã gõ cửa đêm trước chỉ thấy một người đàn bà lạ mặt ngồi trông ngôi hàng tạp hóa nhìn Thạch bằng cặp mắt nghi ngờ. Thạch đi giữa hàng đá xanh lổi lõm không gặp xe cộ, chỉ thỉnh thoảng mới có một chiếc xe đạp hay xích lô chạy thấp nhổm ngoặt nghẹo, như một người mới tới cư ngụ dạo thăm khu vực của mình, theo sau một đám trẻ dong chơi bắt chuồn chuồn để câu cá. Bọn trẻ đến bên bờ hồ ngồi lại, còn Thạch trở lui ngược đường cũ và dòm ngó xung quanh. Thạch gặp Bích đang chuyện trò hỏi thăm người đàn bà trong hiệu tạp hóa. Nàng mặc áo màu hồng nhạt nổi trên nền những mầu chết trong gian nhà. Trông thấy Thạch đứng đợi bên đường đối diện, Bích bối rối. Thạch tiến sang cúi chào Bích và hỏi: « Chắc là Liên không còn ở đây nữa phải không cô? ». Bích đáp: « Vâng ». Thạch

lại nói : « Tôi làm phiền mất thì giờ của cô quá », Bích nói : « Không có gì. Chính hôm nay tôi cũng có việc cần gặp chị Liên ». Thạch vội vàng chụp lấy cơ hội : « Cô cho tôi theo cô tìm Liên được không ? ». Bích lịch sự lắc đầu : « Tôi cũng còn nhiều việc riêng sợ anh đi cùng không tiện. Anh cứ yên tâm, gặp chị Liên thế nào tôi cũng nhớ lời anh dặn. Nếu tôi gặp chị ấy trong ngày hôm nay tôi sẽ bảo chị ấy tới tìm anh, chắc chị ấy biết chỗ ở của anh ». Thạch buồn bã : « Liên không thể tới được ». Bích nhìn Thạch căn vặn, Thạch yêu cầu : « Cô làm ơn giúp tôi một lần nữa, cô hỏi giùm tôi địa chỉ mới của Liên, tôi muốn tới đấy tiện hơn ». Bích nghĩ ngợi một chút mới trả lời : « Tôi sẽ hỏi giúp anh ». Thạch mừng rỡ cám ơn : « Mai cô có nhà vào lúc nào ? Tôi chỉ còn ở Hà-Nội ngày mai và ngày kia nữa thôi ». Bích hẹn : « Trưa mai anh tới chắc tôi ở nhà ». Từ biệt Bích, Thạch vượt con dốc dài đá lên đường vòng xuống Cổ-Ngư, con đường vắng vẻ gió lộng, nước hồ biếc lạnh. Vườn bách Thảo, cây cối vẫn rợp cành lá mặc dầu dưới mặt đường đã ngổn ngang những lá vàng lăn chạy. Dưới hồ sen những tán lá úa héo lênh bênh sơ sác, nước trong vắt. Leo lên con dốc quẩn ngựa nhìn mặt hồ Tây, khu Thụy-Khuê nhà cửa chạy dài với những vườn cây dưới thấp, và xuống nhà Đồng bằng ngõ cửa vườn sau. Thạch ngạc nhiên vì sự có mặt của An và Cảnh trong nhà Đồng. Cả ba đứa đón Thạch bằng một vẻ nghiêm trang. Đồng hất cằm bảo : « Biết thế nào nó cũng lên mà », Thạch hỏi : « Chuyện gì thế ? ». Vừa lúc ấy u già bưng đặt lên phản một mâm cơm thịnh soạn, mẹ Đồng đi theo ở bên. Đồng nheo mắt với Thạch : « Hiểu chưa ? ». Cảnh nói tiếp : « Nó đặt tiệc tiễn cậu đấy ». An nói với mẹ Đồng : « Hôm nay chúng cháu họp mặt tiễn anh Thạch, cụ cho phép chúng cháu uống rượu ». Thạch tán thành : « Phải đấy ». Đồng gật gù bảo : « Trừ mỗ ». Thạch vỗ vai An : « Còn tao với mày càng hay ». Khi rượu đã bốc đỏ nhừ mặt, Thạch hắng giọng hỏi An : « Tại sao mày lại để tặng tao câu chuyện mày viết ? », An giật mình nhìn Thạch rồi đáp trống: « Quên mất rồi ». Thạch vẫn chưa buông tha, hỏi bằng giọng khiêu khích độc ác : « Mày cho là tao điên chăng ? Mày nhầm, tao không điên đâu ». An xua tay bảo : « Cậu say rồi, không nói chuyện ấy nữa ». Thạch hứng chí làm quá ra cái điệu bộ ngất ngưởng : « Ừ, say rồi, chúng mày ạ. Say thật. Nhưng tôi bảo thật với các cậu nghe tôi đang muốn tự tử như thằng An nó viết rủa tôi ». Đồng cười hả lên : « Nó mà tự tử ? Thạch, cậu không nhớ ngày nhỏ còn đi học chúng tớ gọi cậu là gì à : Thiết đầu đà. Nó đánh nhau chuyên môn húc đầu vào bụng người ta, thỉnh thoảng nó lại biểu diễn húc đầu vào tường cho chúng tớ xem. Đầu cứng thế làm sao mà tự tử chết nổi ». Cảnh chậm rãi phát biểu ý kiến : « Thế không phải là cậu đã tự tử từ lâu rồi à ? Tôi tưởng cậu chọn một lối chết cho hợp thời đại ». Thạch dằn chén xuống phản quắc mắt : «Chưa đâu ? Chưa đâu ? Nói đùa thế đừng

vội mừng. Đầu tôi còn cứng lắm, chết thế nào nổi phải không Đồng ? Thạch chỉ chỉ ngón tay vào trán mình. An lên tiếng : « Sự mê sảng của nó chính là cái mặt nạ của sự tỉnh ngộ sáng suốt, nó không tự tử đâu », Thạch bất ngờ đập mạnh vào vai An khiến đổ cả chén rượu An đang cầm trên tay : « Mày sẽ là một nhà văn có tài, không phải thứ thi sĩ mơ mộng si tình hệt như thằng Đồng ». Đồng nhe răng cười hưởng ứng câu nhận xét của Thạch. Cảnh quay lại bảo An : « Tôi cũng nghĩ cậu là một nhà văn có tài, nhưng coi chừng sau này cậu đẻn lại phải viết tiểu sử thằng Thạch mất thôi », Thạch trả đũa gay gắt : « Hay là cả thằng An lẫn thằng Đồng đều phải viết văn làm thơ ca ngợi cậu ? Này, tớ bảo các cậu, An và Đồng ạ, thà các cậu viết về tớ các cậu còn có quyền thương tớ hay chửi tớ hay ghét tớ chứ viết để ca ngợi thì e không ngửi được. Phải không ? Mà thật tình thì tớ muốn nghe các cậu chửi tớ. Ông ghét đứa nào thương ông lắm, Đồng ạ. Mỗi thằng hãy tự thương lấy mình ấy ». Đồng cười hề hề : « Nghe nó nói sướng không ? Ai mà thừa hơi thương một thằng khùng như cậu ». An về hùa với Đồng tiếp ý : « Nó làm điệu của Nietzsche đấy, *Sur homme. Salaud, tous* ». Thạch nốc hết cặn rượu trong cốc thâm thía, như có những mũi kim nhỏ châm trên da mặt làm đầu lảo đảo nặng nề. Rơi đột ngột xuống vùng buồn bã. Nước dãi ứa ra đầy miệng, Thạch nghiêng đầu nhổ toẹt xuống đất, cầm khăn hỷ mũi nhớt : « Chúng mày nói đúng, tao chịu. Thôi bây giờ thằng Đồng hát cho tao nghe. Mày hát cái bài gì mà Hà xưa kia hát khi hai đứa mày ngồi trên đống rơm giữa cảnh đêm trăng trên rừng núi Phú-Thọ ấy. Các cậu ngồi im cho nó hát, tớ ra nằm võng một cái ». Chiếc võng bị đẩy mạnh. Thạch quay cuồng hơn, dập dim mắt và trông thấy những vòng đỏ đen lộn nhào tới tấp và khạc nhổ bừa bãi : « Ê, hát đi mày ». Thạch hét oang oang « Này, còn mấy thằng con nhà kia từ ngày chơi với chúng mày chẳng khi nào chúng mấy nói chuyện tình với tao cả, chúng mày toàn bàn những chuyện làm tao điên đầu không à ? Cảnh ! Mày đã yêu ai bao giờ chưa, nói đi, thú thật đi, tao sợ cho mày *refoulé* nguy hiểm, nói đi tao giải thoát, tao chữa cho. Còn thằng con nhà An kia nữa, mày cũng coi chừng cái *complexe d'inceste* của mày ạ. Em gái mày khá đẹp, phải gột rửa cho mau không thì mày sẽ trở thành một thứ văn sĩ bệnh hoạn chuyên viết cho bọn điên trong xã hội xem, tao không xem đâu. Chỉ có tao được quyền thương bọn mày thôi ». An tróc giậy vỗ tay xuống phản. Thạch nhơn nhơn : « Hôm nay ông say ông nói cho sướng, mày không chịu nổi thì tuyệt giao với ông đi cho đỡ vướng. Tao cóc cần, đã từ biệt thì từ biệt hẳn cho rồi ». Thạch nghe thấy sự im bặt ở quanh mình, tiếng dọn dẹp mâm bát tích kích, Thạch nghiêng người ngửng đầu nhìn ngoái, suýt lộn xuống sàn. Chỉ thấy Đồng đang giúp u già xếp dọn bát đũa. Cảnh và An đã bỏ ra ngoài sân. Thạch đặt đầu xuống nói một mình : « Không đứa nào hát ông

hát cho mình ông nghe vậy ». Ngâm nga một vài câu thơ nhớ lõm bõm : Cổ nhân đây từ Hoàng hạc lâu... Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản... Yên ba giang thượng xử nhân sầu... *Souvenir, Souvenir que me veux tu? L'automne... Quel fut ton plus beau jour ?... Et je baisai sa main blanche, dévotement...* Thạch thấy mình bị hút xuống giấc ngủ nặng tối đen và quánh đặc như dầu nhớt, cố ngoi lên hỏi một câu vu vơ : « Đồng, *Quel fut ton plus beau jour ?* và trong khi thần trí bắt đầu khởi cơn phiêu lãng, trong đầu vang vọng tiếng đáp của bạn : « *Nevermore* ».

Thạch ngủ vùi đến xẩm chiều mới thức giấc. Miệng khô đắng đầu ốc rỗng tuênh toang, nửa thân ê ẩm. Thạch thấy mình nằm trong giường của Đồng. Nhà vắng lặng như không người chỉ nghe gió rền rĩ cả một vùng cây cối xung quanh. Mẹ Đồng và u già ngồi quây quần quanh bếp lửa dưới nhà ngang. Thấy Thạch bước chập choạng xuống sân bà cụ hỏi : « Cậu Thạch đã tỉnh chưa ? Có nước nóng đây cậu rửa mặt cho khoẻ ». Thạch ngượng đáp : « Vâng, cụ cho con xin — Lúc trưa con say quá ». Bà cụ hiền từ âu yếm : « Khi nào cậu về Hà-Nội thì xuống đây ở chơi với em Đồng cho vui ». Thạch gượng cười : « Thưa cụ, chứ con biết đi đâu nữa ? Con có còn ai quen thuộc ở Hà-Nội đâu ». Đồng từ bên hồ về, mang theo mầu xanh rờn trên da mặt, bảo với Thạch là bọn An và Cảnh bỏ về từ lúc ba giờ. Bây giờ đã hơn sáu giờ. Thạch hết lời từ chối bữa cơm chiều, xin phép mẹ Đồng lên phố kịp xe điện. Đồng đưa chân Thạch ra bến xe. Cuộc sinh hoạt của khu phố ngoại ô đang ở trong giờ chuyển tiếp, mọi hoạt động của dân lao động lương thiện rút ẩn dần nhường ban đêm cho các quán rượu của bọn gái giang hồ và bọn lính tứ xứ. Trước khi Thạch bước lên chuyến tàu điện thưa thớt đã bật đèn, Đồng bắt tay Thạch bảo : « *Bonne chance.* Cho tôi gửi lời thăm Liên Thạch cay đắng : « Tôi sẽ nói lại với Liên ». Sau khi ăn qua loa một mẩu bánh mì với đồ nguội trong một hàng quán quen, phải nghe ông chủ quán béo mập ngu đần vừa nhâm nhấp một cốc trứng đường thật to vừa huyên thuyên bàn luận chuyện chính trị trong nước ngoài nước như một người thành thạo am hiểu nhiều âm mưu trong hậu trường sân khấu ấy, Thạch lủi thủi trở về nhà tính ngủ sớm để quên nỗi khắc khoải chờ đợi tin tức của Bích sẽ mang tới. Mở khóa cửa, đánh que diêm lên soi lối, Thạch sửng sốt trước cảnh nhà trống trơn. Đồ đạc đã dọn đi hết, nền nhà vứt tung mấy tờ báo cũ rách. Trong một góc còn một cái hòm ữsa lật nghiêng. Thạch chạy sang hỏi thăm người hàng xóm. Người đàn bà nhìn Thạch ái ngại cho biết buổi trưa nay một trong những người có mặt lúc bắt Liên — Tích, chính nó — đã mang xe nhà binh tới dọn đồ đạc trong nhà. Thạch ức đến tận cổ, cắn chặt hai hàm răng, cầm bạnh ra, mồ hôi vã trong khi gió gây lạnh ở ngoài. Chưa lúc nào Thạch nhận thức rõ ràng hơn lúc này cái cảm giác trần truồng tủi cực. Bây giờ Thạch lại đi dông dài trong các phố như một con chó biết nó sắp điên bỏ tránh những

người thân yêu tìm chỗ khuất chờ cơn dại tới để chết, người bứt rứt lồng lộn bị vây giữa cảnh náo nhiệt tưng bừng lãnh đạm. Đầu phố cầu gỗ, một tên ma cô chìa cái kính đâm mời Thạch mua rồi mời chơi gái. Thạch chợt nảy ý bảo nó đưa Thạch tới tiệm hút. Nó đưa Thạch qua ngõ Gia-Ngư ngõ hàng Bạc, quanh hết mấy tiệm hút trong khu ngõ Sầm-Công, hàng Giấy Quảng-Lạc. Đường bẩn thỉu hôi thối mùi cống rãnh, ngõ vào nhà tối tăm, nhớp nháp, cầu thang gỗ ẩm mốc ọp ẹp. Những căn gác chật đèn đóm tù mù nồng khói thuốc. Thạch đứng lại ở các ngưỡng cửa, nhìn ngó khắp lượt bọn khách nghiện nằm co quắp ngang dọc. Một bọn ma nằm chung trong một nhà mồ công cộng. Những mẩu chuyện không đầu đuôi được nói bằng thứ giọng vừa đủ nghe dai dẳng. Lẫn trong tiếng trống quảng cáo dồn dập dưới một rạp tuồng nổi giọng ngâm thơ của một mụ đàn bà nghiện, chán chường bể rạc, có lẽ đó là một thứ cô đầu già: *Đời đáng chán hay không đáng chán? Cắt chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm...* ở ngay bên chân Thạch, một gã thanh niên mặt mũi còi cọc không thể còn già thêm được nữa ngửa mặt nhìn Thạch mà như ngó vào hư không cất tiếng phụ họa bằng thứ giọng khinh bạc lộn ruột: *Em ơi lửa tắt bình khô rượu, đời vắng em rồi suy với ai.* Tên ma cô ghè vào tai Thạch thầm thì giới thiệu với vẻ kính trọng: « Đây là chỗ của các ông nghệ sĩ đầy cậu ạ ». Thạch lắc đầu. Tên ma cô bắt đầu sốt ruột. Thạch bảo cho nó biết mình không hút chỉ cốt tìm một người quen, và Thạch hỏi nó có biết ai tên là Tích hay không. Nó kêu trời và bảo: « Sao cậu không nói với cháu lúc nãy, cháu biết cái trụ sở ấy mà ». Nó đưa Thạch sang phố hàng Chiếu gần Ô quan trưởng. Dọc đường thỉnh thoảng nó liếc trộm Thạch, băn khoăn không hiểu Thạch thuộc loại người nào. Bộ quần áo ka ky của Thạch mới may nhưng mặc mấy ngày nay đã nhầu nát, mặt Thạch đen đủi lấm lì, đầu tóc cắt bờm xờm. Ngập ngừng mãi tên ma cô gợi chuyện, nó làm vẻ thân mật nháy mắt đểu cáng: « Chắc cậu đi tìm của quý chứ gì? Chỗ ấy là động Thiên thai đầy cậu ạ, đủ tứ khoái. Tích nó đóng đô ở đấy cả bốn mùa ». Thạch gạt ngang: « Tao chỉ cần gặp nó. Mày vào mời nó, bảo có người nhà muốn gặp nói câu chuyện cần, tao đợi ngoài này ». Tên ma cô ngần ngừ e ngại, Thạch dúi tiền trả công cho nó, tên ma cô bước vào một gian nhà có mặt ngoài lương thiện như những nhà khác. Mấy phút sau Tích bước ra vỉa hè với tên ma cô, tên này chỉ chỏ sang phía Thạch đứng. Thạch khôn ngoan đứng lấp nửa mình sau thân cây chỉ để Tích trông thấy nửa lưng của mình. Tới sát góc cây Tích mới nhận ra Thạch. Thạch mỉm cười dữ tợn, vẫy tay ra hiệu đuổi tên ma cô. Tích bị bất ngờ nên bối rối nhưng hắn vẫn giữ vẻ điềm nhiên tự tin, hỏi giọng trịch thượng dọa nạt: « Anh muốn gì? » Thạch tiến nhanh lên hai bước nói: « Muốn cái này » đồng thời gập mạnh vào mặt Tích. Tích chỉ kịp kêu: Ối bưng tay lên mặt, lảo đảo va người vào gốc cây. Thạch nắm lấy ngực áo Tích kéo tới. Thạch vừa đánh vào đầu Tích cái thứ hai thì hắn

gạt được tay Thạch bỏ chạy. Thạch hùng hổ đuổi theo và bắt kịp Tích ở bên nhà tắm công cộng đầu Chợ Gạo, đoạn đường chạy đuổi khơi lên cơn giận điên của Thạch. Nắm lấy gáy Tích, Thạch đánh đập không thương tiếc, trong cơn hăng máu Thạch ngập ngụa vào sự vui sướng dã man. Người đi đường dừng lại nhưng không ai vào can thiệp. Thạch nghe văng vẳng bên tai tiếng gọi lạ lùng : « Anh Thạch, Anh Thạch. Buông ra ». Trong khi ấy Tích cắn vào cánh tay Thạch, Thạch nổi sung thúc đầu gối vào bụng Tích, hắn hự một tiếng khom người xuống, Thạch bồi thêm một khuỷu tay, lên lưng Tích, hắn từ từ ngồi bệt xuống đường dựa lưng vào tường của khu nhà tắm rên rỉ. Thạch đứng lặng vài giây. Xung quanh tiếng xì xào bàn tán. Có ai kéo tay Thạch. Thạch lầm lũi bước nhanh về phía bờ sông vắng. Rồi Thạch hồi tỉnh dần dần. Vài giọt mưa bay quạt vào mặt Thạch, Thạch nhớ ra cái tiếng gọi tên Thạch vừa rồi, tuy không hề liếc nhìn kẻ đã dật tay mình, Thạch cũng tự nhiên trông suốt lạ kỳ, kẻ ấy là Bích. Bích đứng ở đấy rõ rệt. Sự hiện diện đột ngột của Bích lúc ấy, Thạch cảm thức hiển nhiên. Thạch tự hỏi : tại sao Tích lại có mặt ở chỗ ấy ? Nhưng bây giờ trước sau Thạch không một bóng người. Con đường bờ sông rộng tối qua những ánh đèn giăng đường đang mờ mờ một cơn mưa bụi đầu thu.

Thạch tới ngồi ở bực thềm viện bảo tàng Finot. Màn mưa mỏng vẫn buông êm ngoài trời như một tấm lưới giam giữ. Sau lưng Thạch là tấm cửa cao dấy của tòa nhà ; trước mặt là cái công viên hình tam giác, một vài đám cỏ xén, lối đi ngắn trải sỏi, ghề đá, con đường bờ sông bóng lên dưới ánh đèn nghiêng chao, con đê cỏ rậm ẩm ướt, vỉa hè rộng, hàng cây lâu năm và dãy nhà tối mịt ; cuối tầm mắt là khúc quanh ở Cột đồng hồ. Giữa viện bảo tàng và nhà Hát lớn là con phố nhỏ vắng, nơi năm trước vào buổi sáng tinh sương một người đàn ông đã cầm dao đâm chết một người đàn bà. Một vụ án mạng vì tình. Thạch rút khăn tay lau những giọt nước đọng trên mặt tự hỏi phải làm gì nữa. Đầu óc trống vắng lạnh lẽo như cái khu vực quạnh hiu nhiều bóng tối này. Thạch có cảm tưởng như mình đã đi khỏi Hà-Nội, xa nó lắm rồi và đang nhớ về nó. Hà-Nội sâu đục như một khối cẩm thạch xám, chôn giữ trong nó một đoạn đời dài chán nản phiền muộn bất mãn. Liên, Liên vẫn ở quanh đây. Nhưng Thạch không còn đủ can đảm chạy cuống qua những ngày tháng trắng bệch, qua những phố phường sắp xếp nhỏ bé, Thạch nhìn rõ hết một lúc không trừ ngõ ngách nào, như món đồ chơi của trẻ con để kiếm Liên. Tôi bỏ cuộc, tình yên đã chết. Liên, bất giác Thạch thốt lên, rùng mình như đêm nào giữa phố khuya. Không còn bàn tay Liên mềm lạnh như con chim ướt cánh, chỉ trơ lại bàn tay tôi ê ẩm trong cơn hung bạo muốn kéo dài. Thạch đi dọc theo phố Trường Tiền, rẽ xuống Hàng Kèn, về Hai bà Trưng đến nhà Cảnh. Nằm mồ công cộng âm u bên cạnh tòa án. Nhà Hỏa lò tường đá cao ngất. Thạch

ngăn giữ sự suy nghĩ bằng cách đắm chìm vào trong quá khứ lẻnh bẻnh ở trước mắt. Lần cuối cùng sống nốt những dư vang của khúc nhạc đã tắt, ngoài thân xác, ngoài ý thức. Thạch gặp bọn Đồng, An, Cảnh ở đầu ngõ vào nhà, những hình dáng quen thuộc dễ chịu, kéo nhau vào hiệu cơm tháng của Cảnh uống cà phê. An trình bày về khuynh hướng văn chương mới của Âu-Châu, tóm tắt những tác phẩm mới đọc. Rồi ba đứa thảo luận về sự có cần thiết hay không một chế độ vô sản chuyên chính, Thạch ngồi nghe không phát biểu ý kiến, chiếm cái vai trò thường lệ của Đồng và Đồng cãi với Cảnh say sưa nói đúng những ý nghĩ của Thạch. Tới nửa đêm cả bồn về ngủ trong buồng Cảnh. Tầm phản được dựng vào tường lấy chỗ trải chiếu xuống gạch. Khoảng ba bốn giờ sáng, nước chảy mạnh róc rách trên cái bồn của cầu tiêu, ống dẫn nước ở góc tường hở chảy ướt một nửa buồng. Cả bọn phải thức dậy tìm cách lấp lỗ hổng, sau nhà.

Ngày hôm sau, Thạch không tới nhà Bích theo lời hẹn để biết tin Liên, về nằm nhà Đồng. Sáng hôm ra đi, mẹ Đồng dọn cho mỗi đứa một khúc bánh mì, một cốc sữa nóng. Thạch vừa ăn vừa nghĩ mình cũng là một con bệnh như Đồng vậy. Thạch mặc bộ quần áo nhà binh mới, Đồng cười ầm lên đến chảy cả nước mắt. Đồng đưa Thạch ra bến Nứa, lên xe, theo đường Cổ-Ngư, đê Yên-Phụ. Thạch nói : Cuối cùng tôi chỉ còn mình cậu ». Đồng hỏi : « Liên đâu ? ». Thạch mỉm cười. Liên đâu ? Liên đâu trong Hà-Nội đó, trong quá khứ đó. Cánh cửa quá khứ dần dần khép lại, Liên ở lại phía trong. Ở dưới đáy thân của tôi như nỗi chết không rời. Tránh sự ồn ào của bến xe trong khi chờ đợi. Thạch và Đồng đứng trên đê nhìn xuống bãi Phúc xá. Mùa thu sắp về đây nay mai. Sông Cái nước xiết trôi phăng. Và Hà-Nội vẫn đẹp, cái vẻ đẹp rũ rượi của người yếu mệnh. Nhưng lúc ấy Thạch không còn ở đấy nữa.

Liên, Liên. Đến khi nào chúng gặp lại được nhau. Đó là ý nghĩ của Thạch khi xe lượn lên dốc cầu Long-Biên. *Merde.*

1960

THANH-TÂM-TUYỀN
(*Trích Ung Thư*)

✱ Trong đời, có một điều tệ hại hơn cả thất bại, là không dám bắt tay vào việc gì.

Roosewelt

✱ Đời sống sẽ thúi mục nếu chúng ta chỉ lo thâu-trữ, đời sống sẽ nảy nở thêm nếu chúng ta biết rắc gieo.

Saint — Dominéque

✱ Một trong những bổn phận của tình bằng hữu là phải đoán trước những lời yêu cầu của bạn mình.

Ysocrate

thơ

nguyễn thị liên phượng
phạm thể trúc
đ nh hoàng sa

mùa hạ

Sao không phải là thu cho trời bớt nắng
mây lưng trời từng buổi sáng đong đưa
giòng sông xanh đến vô cùng im lặng
em trở về qua lối ngõ ngày xưa

Sao không phải là đông để anh rời thành phố
với buổi trưa phi cảng nỗi chiều sân ga
chuyến tàu đi chôn vùi sâu kỉ niệm
những hoang tàn đổ vỡ tuổi niên hoa

Sao không phải là xuân cho đời cứ đẹp
cho loài người ca tụng mãi thiên nhiên
để muôn triệu mảnh hồn còn đóng khép
theo chúng mình ôm hát khúc thiêng liêng

Là mùa hạ nắng khô rồi anh ơi
hai người yêu nhau tìm không ra chỗ hẹn
lạc tinh cầu theo gió mát mây trôi
hai đứa nhìn nhau không biết cười hay thẹn

N. T L P.
(vĩnh-điện)

tình đi muôn ngả

em đừng thả tình đi hoang muôn ngả
vắng em rồi làm nhớ cả chiều nay
thương rất nhiều trên đôi mắt bàn tay
yêu mến quá những khi mình gặp gỡ

phút đầu tiên thấy em cười bỡ ngỡ
sau bờ môi còn đọng những suy tư
trên má em nhiều lo lắng đợi chờ
tuổi 18 đời em buồn biết mấy
những con đường em qua son phấn dậy
buổi trăng tròn nhơ nhớ một mùi hương
còn lại gì không — cỏ dại ven đường
gót chân nhỏ em giẫm vào cát sỏi
những lần gặp nhau run run muốn nói
gió mùa thu tóc xõa rối đôi vai
thương nhớ nhiều cho nếp sống con trai
em phong độ tinh đông phương e thẹn
những buổi mai buồn nghiêng nghiêng nón trắng
áo lụa em về lợp mát không gian
tuổi nữ sinh đời mệt mỏi vô vàn
nhạc đỏ vỡ ru lời ca em hát
yêu rất nhiều nhưng lại rồi mất mát
một đêm nào anh lạc giữa mù sương
gã phong trần thoáng nhớ một mùi hương
của em thả tình đi hoang muôn ngả.

N. T. L. P.

tháng giêng nồng cay

Có tháng giêng nào nuôi sống được tình yêu
Như sương lạnh nuôi linh hồn thung lũng.
Đôi gót nhỏ hành tinh chưa đi vào mộng
Bàn tay mưa phùn gối trán đêm đêm,
Cho tôi về trong ý cũ lời quen
Như mực nóng khai đầu trang giấy mới.
Nước mắt mùa thu đã chan đầy tóc rối,
Kỷ niệm người yêu đè chặt hai vai.
Thôi hết cuồng điên khi lửa hạ lên ngai
Tôi lắng lặng nghe hoàng hôn khép cửa.

Nguồn tha thiết dâng thời gian một nửa
Hai tay gầy ôm sóng gió y nguyên.
Cho tôi về trong ý cũ lời quen
Khi chưa mất những vui buồn chung chạ;
Năm tháng sẽ dìu tôi vào hơi thở lạ
Nhưng quên được làm sao chất đắng hôm nay.
Tháng giêng qua rồi, ôi THÁNG GIÊNG NỒNG CAY.

P. T. T.
(Dalat 1961)

bây giờ

bỗng một lần gặp lại
trên thành phố đầu tiên
ánh mặt trời hôm ấy
vén sương mù thời gian

giòng sông trôi lặng lẽ
chiếc cầu trắng bâng khuâng
những con đường quanh quẽ
nỗi u buồn miên-man

những hoàng hôn nắng nhạt
những đêm mưa thì thầm
hai bàn tay quấn-quít
hơi ấm chuyền từ tim

ôi mấy mùa ngan-ngát
mùi hương thời hoa-niên
đã một lần vĩnh-biệt
như vừng trăng hoang chìm

cũng đừng thương tiếc nữa
ly rượu đổ tràn tay
ai kiếm từng giọt nhỏ
trên những đốt xương gầy?

bây giờ thân ốc biển
bãi cát nhìn mây trôi
tìm trong màu gương vỡ
hương mùa xuân phai rồi.

Đ. H. S
(Huế 7/62)

ĐÓN ĐỌC **VĂN HỌC**

Cơ quan Văn-hóa Xã-hội Nghệ-thuật — Diễn-Đàn Sinh-Viên Việt-Nam Tự-Do — Với sự cộng tác của các nhà văn VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG, B. S. HOÀNG-VĂN-ĐỨC, DOÃN-QUỐC-SỸ ; VÕ-PHIẾN, PHONG-GIAO, DƯƠNG-NGHIỄM-MẬU, NGUYỄN-ĐÌNH-TOÀN, v.v... *và Sinh-viên thuộc các phân khoa,*

Xuất bản hằng tháng — Số ra mắt đầu tháng 11-1962

ĐÃ CÓ BÁN **MƯA NGUỒN**

(tức Lá Cồn)

Thơ BÙI-GIÁNG — **Giá 200 đ.**

Ở xa, xin liên lạc với BÙI-VĨNH-PHƯỚC

80/44, *Trương-Tấn-Bửu,* SAIGON

Đón đọc tùy bút của VÕ-PHIẾN.

THƯ NHÀ

● Do nhà SỐNG-MỚI số 80-B đường Phạm-Ngũ-Lão Saigon phát hành.

● Các bạn muốn có sách đẹp xin liên lạc thẳng với tác giả ở *160, Phan-Đình-Phùng — Saigon*

Bạn đọc yêu thơ, đón mua thơ VƯƠNG-ĐỨC-LỆ

(giải thưởng văn chương toàn quốc 61-62)

ĐƯỜNG LÊN THIÊN THAI

do MAI-TRUNG-TĨNH xuất bản

---

1 tháng 11-1962. **SỰ CÓ MẶT KIẾP NGƯỜI**

thơ DUY-NGHIỆP — THƯỢNG-TỌA THÍCH-ĐỨC-NHUẬN đề tựa — tranh họa-sĩ CÙ-NGUYỄN — HGHIÊU-ĐỀ và TÂM-THU trình bày — VẠN-HẠNH xuất bản.

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUIỄN-NGU-Í phụ trách

XIII

Lương-Văn-Tỷ

★ LƯƠNG-VĂN-TỶ.

Sanh ngày 18-10-1932 tại Chợ-Lớn.

Tự học vẽ, và nhờ một số đàn anh chỉ vẽ.

Dự các triển lãm chung: Stanvac năm 1959, của hội Văn hóa Việt-Nam (1959, 60), Nghiệp đoàn Hội họa (1959, 1960), của Văn hóa vụ: mùa Xuân 1959, 1960, 1961, 1962.

Được giải hội Văn hóa Việt-Nam năm 1960 với bức « Sau cơn mưa đêm ».

Được huy chương Đồng cuộc triển lãm mùa Xuân Nhâm dần (1962) với bức « Đồ thế »

Triển lãm riêng năm 1962 tại phòng Triển ãm Đô thành.

Tranh « Ba nhơn » *được nha Mĩ thuật quốc gia chọn dự cuộc Triển lãm Quốc tế Mĩ thuật kì I (tháng X-1962) ở Sài-Gòn.*

Khi anh Văn-Đen giới thiệu với tôi người bạn đang cùng anh làm việc trong cái xưởng chật hẹp của anh ở đường Hòa-Hảo ấy tôi không dấu được sự ngạc nhiên-Lương-văn-Tỷ trước mặt tôi có vẽ hiền lành và chơn chất biết bao ! Thế mà qua mấy bức tranh của anh, tôi hình dung tác giả chúng phải là một người sừng sõi, sừng sộ nữa. Cho hay tranh chưa phải là người.

Và để chuộc lại phần nào cái lỗi đoán sai ấy, tôi hẹn đến thăm anh sớm hơn chương trình đã định. Anh vui vẻ nhận lời và tự cho mình có bổn phận đến đưa

tôi vô nhà anh, vì anh ở trong một cái hẻm quanh co ở vùng ngoại ô Chợ-Lớn.

Bước vào nhà, tôi thấy mình đứng trước một cá tính nổi bật. Căn nhà nhỏ có gác ấy, từ cửa ra vào, cho đến cửa sổ, từ đồ đạc trong phòng khách đến mấy cái kệ đựng sách văn chương và sách hội họa, nơi nào, cái chi cũng biểu lộ một cái gì chẳng giống ai.

Và dễ dãi một vẻ bình dân, anh cởi mở.

— Coi vậy mà anh đoán con người tôi qua tranh không sai lắm đâu. Cái bề ngoài của tôi nó bình bình như vậy đó, nhưng bên trong của tôi, nó chẳng phẳng chút nào.

Tôi nhìn kĩ cái trán cao của anh, hỏi một câu ngoài đề :

— Anh có máu Trung-Hoa ?

Anh cười nhỏ nhẹ, gật đầu.

— Cha tôi người Phước-Kiến, má tôi người Minh-Hương. Tôi sanh và sống từ nhỏ tới lớn tại cái thủ đô « ba tàu » này.

— Thế hồi nhỏ anh học ở đâu ?

— Trường Cây-Gõ. Anh biết chớ !

— Biết nhiều. Tôi hồi nhỏ học trường Phú-Lâm. Thường đi bộ ra Chợ-Lớn, đi ngang qua trường Cây-Gõ của anh mỗi tuần ít nhất hai lần.

— Thế là mình « bà con » với nhau rồi.

— Anh học tới đâu ?

— Hết cấp tiểu học. Tôi phải thôi học vì nhà nghèo quá. Lại mồ côi cha. Tôi phải lo giúp má tôi. Tôi làm công, tôi mót cải, quần quật cả ngày...

— Thế cái gì đưa anh đến Hội họa ?

— Sự tình cờ, anh à. Một hôm, đi ngang nhà nọ, tôi lơ đãng nhìn vô trong thấy một bức tranh vẽ hai vợ chồng chủ nhà sao mà giống quá, tôi phục quá, muốn trở thành họa sĩ (lúc đó tôi chưa phân biệt một bức tranh với một bức họa truyền thần); sực nhớ lúc còn cắp sách đến trường tôi vẽ có hạng lắm, nên tôi cố mon men gần cái giới cọ màu. Tôi tìm đến một ông thầy dạy vẽ truyền hình ở đường Jaccaréo.

Ông ta chỉ nhận dạy người Tàu; tôi bèn khai lí lịch ; ổng bắt đóng học phí trước; tôi làm gì có sẵn một số tiền lớn đến sáu trăm đồng, nên nản ni ổng, đóng lần hồi. Thương tình cảnh ổng cho tôi hưởng đặc ân. Nhờ đứa em trai thương và hiểu tôi, cố làm mướn kiếm thêm để phụ đóng học phí nên rồi tôi cũng trả đủ.

Tôi theo học bốn tháng trời, sáng sớm dậy ăn tô cháo, đi bộ đến nơi học, trưa ở lại.

— Thế trưa anh ăn cơm ở đâu ?

— Nhịn đói, anh à, đến chạng vạng, lần mò lội bộ về, tới nhà, ăn cơm, mệt đừ quá, lăn ra ngủ. Vẽ khá rồi, tôi thấy vẽ lại hình người cho giống không phải là nghệ thuật chánh tông, nên tôi tìm đến các bậc đàn anh trong ngành Hội họa như các anh : Nguyễn-văn Long, Nguyễn-văn-Ba (Vac), Văn-Ri, Văn-Hưng và sau cùng là Văn-Đen.

— Vậy anh theo đường lối nào ?

Anh gãi đầu, hơi nhăn mặt :

— Có người cho tôi theo lối ấn tượng có người bảo tôi toan bước sang lối Biểu tượng.

— Còn anh ?

— Tôi à ! Tôi thì chỉ biết có vẽ, say sưa vẽ, vẽ sao cho tranh mình có hồn, nói được cái gì mình muốn nói, vẽ sao cho người xem tranh cũng cảm, cũng nghĩ như mình. Ngoài ra, môn phái, đường lối tôi cho là phụ cả.

Anh cầm li xá xị lên, mời tôi bằng cặp mắt, rồi uống một hơi như những lời anh vừa nói làm anh... khát.

— Hội họa nước mình hiện có nhiều lối, nhưng chung qui, tôi thấy chỉ có hai: *có hình* và *không hình*, Hiện tôi đang theo lối có hình. Và tôi sáng tạo những cái đẹp ở chung quanh tôi.

— Cái đẹp trước mặt ?

Anh cười ra tiếng.

— Cả cái đẹp sau lưng và hai bên nữa chớ ! Cái đẹp bây giờ và cái đẹp từ ngàn xưa...

Tôi nhìn lên bức tranh to treo ở tường đứng dậy, lùi ra sau.

— Tranh đây, cũng ghi lại một cái đẹp của thời xưa ?

— Đúng thế. Tên nó là « *Cái đẹp thời xa xưa* ».

— Có phải là một đám cưới ?

— Một đám cưới đi ngựa.

— Tôi lại gần, rờ bờm con ngựa.

— Chất sơn dầu anh sao nó không trơn tru, mà...

— Mà sao anh ?

— Mà... gồ ghề, mà... mà quằn quại như một nỗi đau khổ không chịu nằm im.

Anh thở dài, mời tôi ngồi xuống ghế, và mời tôi cạn li xá xị đã vơi nhiều.

Cô H

— Đúng là quằn quại, anh à. Tuổi nhỏ của tôi thiếu thốn nhiều quá, thiếu ăn thiếu mặc, thiếu học thiếu hành, thiếu cả tình bạn...

— Thiếu cả tình yêu ?

— Cả tình yêu, cũng thiếu. Tôi thấy người ta yêu văn sĩ hơn là yêu họa sĩ, có khi lại... sợ bọn chúng tôi nữa mới chết ! Cho nên tâm hồn tôi quằn quại, xót xa. Cho nên tôi dày vò chất liệu nằm dưới tay tôi, cho xôn xao, nó quằn quại...

— Anh có thể cho biết anh sáng tạo tranh như thế nào ?

Anh bóp cái li không, và với giọng nhiệt thành :

— Với tôi, vẽ là một điều cần cho đời sống, cũng như ăn uống vậy. Đứng trước cái đẹp muôn hình của người, của vật, của thiên nhiên, tôi xúc động, vẽ lúc đó, tâm hồn tôi bỗng như nổi loạn. Lúc ấy, không xong. Đề tài thì rất nhiều, vì lắm lúc,

Cái đẹp thời xa xưa

thật bất ngờ. Một người mẫu có những nét lạ mình khám phá... góc tường ủ rũ như chẳng màng đến nắng mưa, cái ghế bơ vơ một xó như mong chờ một bàn tay nghĩa hiệp nào cứu ra khỏi cảnh âm u mòn mỏi..., một đoạn đường lầy lội..., một mảnh giấy vụn của trẻ con ghi chép vu vơ...

Một khi cảm hứng đến, là tôi không còn là tôi nữa. Tôi như si như dại, mở to đôi mắt, lấy hết sức bình sinh để cảm thông với đề tài, để thu cái đẹp mình bắt chợt ấy, cái mà người ta cho là quá đỗi tầm thường, ghi lấy cái độc đáo của hình thể cái man dại trong sắc màu, cái ngây ngô hay cứng rắn trong đường nét, gây một quang cảnh đầy sinh khí, rồi phát họa chớp nhoáng lên giấy, lên vải.

« Đó là một cảnh.

« Còn cách thứ hai thì nó... lí trí hơn.

« Cái đẹp tôi tìm ra, như ở một mái chùa, ở một miếu cổ, ở những đống rác lạc lõng ở một góc đường..., tôi không vội vẽ ngay, mà lại nghiền ngẫm xem mình sẽ bố cục như thế nào, mình sẽ dùng những màu gì, chỗ nào nên đậm chỗ nào phải lợt, cái nào vẽ dày, cái nào vẽ mỏng, nên áp dụng kĩ thuật nào để tác phẩm nói đúng ý mình muốn.

— Nghĩa là anh sắp đặt trong trí anh trước ?

— Phải. Xong rồi, tôi mới bắt đầu thực hiện một cách chăm rãi thận trọng cho đến khi nào thành một tác phẩm đúng như mình mong muốn.

— Và chất sơn hợp với cách diễn tả dồn dập của anh ?

— Đúng vậy. Tôi cho rằng chất sơn là chất thích hợp nhất với bản tính tôi; tôi thích cái óng ả, cái lợn cợn của nó để diễn đạt đến cực độ cái lầy lội gồ ghề của cuộc sống bên ngoài cũng như bên trong đều rất hợp với tâm hồn tôi. Cái lầy lội, cái gồ ghề của chất sơn, đối với tôi, để diễn đạt những gì chua xót, quằn quại.

Cái cằm vuông và đôi lưỡng quyền cao xác nhận âm thầm lời anh lần nữa.

— Luôn đây, xin anh cho biết anh về quốc tế tính và dân tộc tính trong họa phẩm

Đường gân trên màng tang anh như lộ hẳn lên, và một lúc sau, anh mới nói :

— Tôi không đặt thành vấn đề: đó là thuộc phần của người thưởng ngoạn : họ hiểu biết hay không hiểu biết, thế thôi vấn đề với tôi là : mình có say sưa sáng tác không ? Và khi vẽ xong mình thấy vui hay buồn, hăng hái hay buông xuôi? Quốc tế hay quốc gia tôi không bận tâm đến.

— Vậy bức tranh này có lẽ anh ưng ý nhất ?

Anh ngắm «*Cái đẹp thời xa xưa*» rồi nhỉ.

— Đúng như anh đoán. Đó là bức tranh mà tôi thích có phần lâu hơn các tranh khác. Thích vì nó gợi một thời xa xưa mà mình chỉ nghe nói. Thích vì mình đã để vào đó nhiều thì giờ cùng suy nghĩ, kiếm tìm.

— Thế thì bức tranh nào hiện giờ anh thích nhất ?

Anh đứng dậy, mời tôi lên gác.

Gác đây cũng là xưởng làm việc của anh. Tranh bề bộn khắp cả. Anh ngừng trước một tấm đang còn vẽ dở dang. Màu đỏ đủ cung lực đập vào mắt tôi như ánh nắng mặt trời trưa khi mình ở trong tối vừa ra.

— Bức tranh này chưa hoàn thành hẳn. Tôi dụng ý « chơi » toàn màu đỏ.

— Cũng một cái đẹp thời xa xưa...

— Phải. Nhưng cái xa xưa này gần chúng mình hơn cái xa xưa ở dưới phòng khách. Cũng là đám cưới. Nhưng ở dưới là nhà trai dẫn ngựa, rước cô dâu. Còn đây, là đàng gái đưa cô dâu về nhà chồng...

— Bằng thứ xe ngựa... cổ lỗ sĩ này ?

Anh cười, vỗ vai tôi .

— Tôi cố tình « bóp méo » cái phương tiện giao thông này đó anh. Tôi vẽ theo phái hồn nhiên.

— A ! hèn chi.

Tôi chỉ một bức họa đứng kề, nét vẽ ngây ngô.

Anh để tay nhẹ lên đầu khung, tôi có cảm tưởng như tranh kia là đầu của một con bé mới lọt lòng, sọ dừa chưa khít, ta phải nhẹ bàn tay khi ve vuốt.

— *Thế giới trẻ con* này, anh có biết không, chính do thằng con tôi gợi hứng và cung cấp tài liệu cho tôi.

Anh ngừng nói, ngắm nghía bức tranh một chặp.

— Một hôm, tôi thấy thằng con tôi vò một mảnh giấy, quăng vô giỏ. Tôi tò mò lượm mở ra xem. Thì ra nó vẽ những bạn của nó. Tự nhiên là nét vẽ còn vụng dại, nhưng tôi bắt gặp một cái gì ngây thơ, hồn nhiên mà mình không có, không thể có được. Cả buổi sáng ấy, tôi không làm gì được :, chờ nó đi học về, hỏi. Nó mới cắt nghĩa cho tôi nghe với cái giọng lơ lớ càng làm nó...

— Nó hồn nhiên thêm ?

Anh cười.

— Nó bảo nó vẽ các bạn học của nó. Đứa này có cái đầu to. Đứa này có cái chưn cao. Đứa này đang chạy. Đứa này muốn té. . . Đang vẽ một đứa, bỗng nó

nhớ thằng đó có lần ăn hiếp nó, nó tức quá vò tờ giấy, quăng đi... Tôi hỏi thêm chi tiết về những đứa bạn nó vẽ, rồi tôi tạo ra tranh « *Thế giới trẻ con* » này.

— Thế thì khi nào tranh bán, anh phải chia cho cháu nó nửa tiền !

Anh lắc đầu. Tôi còn đoán ý nghĩa cử chỉ ấy thì anh đã nói :

— Tranh này thuộc loại không bao giờ bán.

— Vì nó vô giá ?

Anh nhìn tôi, đôi mắt sáng lên.

— Tôi thích nét vẽ của trẻ lắm. Tôi có sắm một cái bảng hôm nào tốt trời, tôi để trước nhà, có phấn sẵn sàng. Bọn trẻ lối xóm tha hồ mà vẽ. Rồi tôi mang bảng vào, nghiên cứu công trình hồn nhiên của chúng, và những lúc dạo phố, tôi thích tìm đến những góc tường... góc tường vắng, người ta hay đến để... a... để...

Anh nhăn mặt, cố tìm chữ. Tôi phì cười.

— .. để giải thoát cho cái bọng đái ?

Đúng rồi. Ở đó, lũ nhỏ thường nghịch ngợm lấy phấn, than hay viết chì vẽ này vẽ nọ, lắm cái hay hay và gây cảm hứng cho tôi một cách bất ngờ.

— Thế còn đời sống trong quân ngũ có đem cho anh những cảm hứng bất ngờ chăng ?

Người trung sĩ tái ngũ được hai năm ấy như sực nhớ đến một điều quan trọng.

— Anh không hỏi thì tôi quên mất cái nguồn cảm hứng thứ hai của tôi rồi ! Đời lính đành rằng có cái bó buộc, nhọc nhằn của nó, nhưng với tôi sau những phiên gác, sau những cuộc hành quân, là tôi lại say sưa làm bạn với cọ với màu. Đề tài phong phú lắm, anh. Có lần cùng một bạn đồng đội đụt mưa trong một quán bên đường, tôi sáng tác tại chỗ bức « *Đức và tôi...* » Có lúc đi công tác bằng xe lửa từ Sài-Gòn ra Quảng-Trị, tôi vẽ người « *Bạn đường cùng chuyến tàu đêm* ».

— Ngay trên xe lửa đang chạy ?

Anh xác nhận bằng một nụ cười :

— Có khi công tác trên cao nguyên, giờ nghỉ, tôi mang giá đến một con đèo heo hút, rừng rậm âm u, có con đường mòn uốn có... rồi dựng giá, vẽ, cây súng luôn luôn đeo ở vai để phòng bất trắc, và sẽ một chặp, lại nhìn quanh một chặp.

— Đèo đó nhiều Cộng-sản lắm sao ?

— Đèo đó nhiều cọp lắm.

Nắng mai chiếu vào cái sân nhỏ của cái gác-xưởng nầy, không bẹn mà chúng ta cùng bước ra phía ấy. Nhìn xuống, thấy mấy thím xẩm đang ngồi tắm nắng, một lũ trẻng đánh đáo, và người bạn nhiếp ảnh viên của nhà báo đang lui cui chụp lại mấy tấm tranh của anh dưới những cặp mắt tò mò của những chú ba Tàu có tuổi.

— Ba ơi !

— Nó đi học về đó. Hễ về nhà không thấy tôi là nó kêu nó réo liền !

Chúng tôi chầm rãi bước xuống thang gác.

— Chào bác Ngu-Í đi con.

Tôi trố mắt nhìn người «cộng tác viên» của anh đang vòng tay, cúi đầu.

— Cháu mới lên năm, học lớp Mẫu giáo.

— Tôi tưởng đâu cháu . . .

Tôi không nói hết câu, bắt gặp anh cũng như tôi, cùng nắm mỗi người một bàn tay non dại của cái nguồn cảm hứng hồn nhiên đang ngạc nhiên nhìn chúng tôi cười với nhau, im lặng.

NGUIỄN NGU-Í *viết lại*

Ngọc-Dũng

★ NGỌC-DŨNG.

Sinh ngày 6-10-1935.

tại PHỐ-HIẾN, tỉnh HƯNG-YÊN (BẮC-VIỆT).

Học vẽ Họa-sĩ NGUYỄN-TIẾN-CHUNG.

Anh Lê-Tràng-Kiều cười nhỏ nhẹ :

— Thôi, chắc anh ấy đi vắng rồi. Kêu cửa như anh thì dầu có ngủ mê cách mấy cũng phải dậy mà mở cửa cho anh. Thôi, anh ở lại viết ít chữ hẹn lại anh ấy, còn tôi xin về đằng nhà cô tí việc.

Trong khi tôi hí hoáy đứng viết gần xong bức thư thì có tiếng động sau lưng. Quay lại, thì ra « khổ chủ » đang nhìn tôi mà cười nụ

— Ấy, định lờ may anh chán mà tha cho. Nào ngờ anh bất kể nắng mưa, đường lầy ngõ lội, gõ cửa nhà tôi năm lượt bảy lần... thì lần nầy tôi xin hàng vậy.

Nhưng điếu thuốc Bastos xanh vừa châm, thì người họa sĩ nửa chừng xuân này đà đổi giọng :

— Nhưng mà thôi, anh à. Có mấy ai dám nói thật những gì mình nghĩ, hay chỉ làm dáng làm duyên. Tôi thấy các anh chị khác đã nói hết rồi, tôi có nói thêm cũng chẳng có gì mới lạ hơn.

— Ấy, anh nói thế, chớ khi cầm viết, ý sẽ tới không chỗ chứa ! Và lúc «hạ bút», người ta muốn dối thiên hạ cũng ngại ngùng. Vả lại, dầu ý anh có giống ý đã tỏ bày, thì chúng tôi sau này tổng kết mới rút ra định luật này định luật nọ được. Càng nhiều người cùng một ý kiến, thì khác nào nhiều nhát búa đập vào một thỏi sắt cháy ? Chúng tôi đến tìm các anh các chị là vì độc giả, vì những người thưởng ngoạn... «thường thường bậc trung».

Anh ngẫm-nghĩ một chặp.

— Nhưng xin anh cứ nhìn cái « xưởng» của tôi, thấy gì anh viết nấy, vì xưởng họa phản ảnh con người nghệ sĩ một phần lớn, và nơi làm việc của tôi không giống

Xa vắng

nơi làm việc của Nguyễn-Gia-Trí hay của Nguyễn-Trung, chẳng hạn.

— Nhưng tôi chỉ nhìn rồi ghi, thì như đâm vào chỗ trống. Tôi hỏi thì anh cũng phải trả lời, cũng góp ý, thì thiên hạ mới thấy và hiểu phần nào Ngọc-Dũng chớ.

Và có lẽ anh « sợ » những câu hỏi lôi thôi của người đã nặng tình với anh, nên anh vội vàng :

— Thôi, để tôi viết. Rồi mai, anh đến sớm lấy nhé.

Tôi gật đầu. Anh thung dung phì phà thuốc, như người đã thoát nợ. Nhưng nhìn anh, sao tôi lại ngại rằng vào giờ chót anh sẽ... quịt nợ !

Tôi nhìn quanh, chú ý ngay đến cái bình không hoa sơn phết nhiều màu để trên bàn giấy. Cái bình « trang điểm » như thế không còn có công dụng đựng hoa nữa, mà để tùy người chủ đã cho rõ một linh hồn khác muốn dùng nó làm gì thì làm. Sau lưng ghế làm việc lủng lẳng một bài thơ chép tay một cách bay bướm với hình mặt trời xoáy lấy trung tâm. Cạnh là hình tự họa bằng mực Tàu, trông « dữ » hơn người đã « sanh » ra nó.

Vẽ tranh trước mặt, tranh sau lưng, trong cả trong phòng trong nơi anh nghỉ. Trong tĩnh vật, tranh cảnh một vài, mà tranh người đẹp mơn mởn sao mà nhiều thế ! Người mặt hồng, người mặt xanh, người cổ cao, người tóc xõa, mỗi người mỗi vẻ, và người nào cũng như nửa hư nửa thực, nửa gần nửa xa. Trên một bệ, chất chồng vô số bao thuốc Bastos xanh theo hình Kim tự tháp.

— Anh hút hết bao nhiêu đây à ?

— Nhiều hơn thế nữa. Tôi bỏ bớt đó, anh. Mời anh vô trong này xem ít tranh tôi vừa vẽ. Anh vẽ tự nhiên. Chỉ có tôi... và tôi.

Cái đi văng gọn ghẽ, tấm ra trắng phẳng phiu, cái gối tai bèo đơn chiếc gợi cho tôi hỏi :

— Anh không ăn cơm tháng ?

Anh lắc đầu cười.

Anh ăn cơm quán ?

Anh gật đầu cười, rồi chỉ tôi bức tranh lớn để dựa tủ con.

— Anh thấy thế nào ? Tôi vừa vẽ xong. Tiếc lúc anh Xuân-Hiến đến chụp, nó còn dở dang.

Tôi chưa kịp nói gì thì anh vội lấy tranh, mở cửa nhà sau, để vào tường, rồi reo lên :

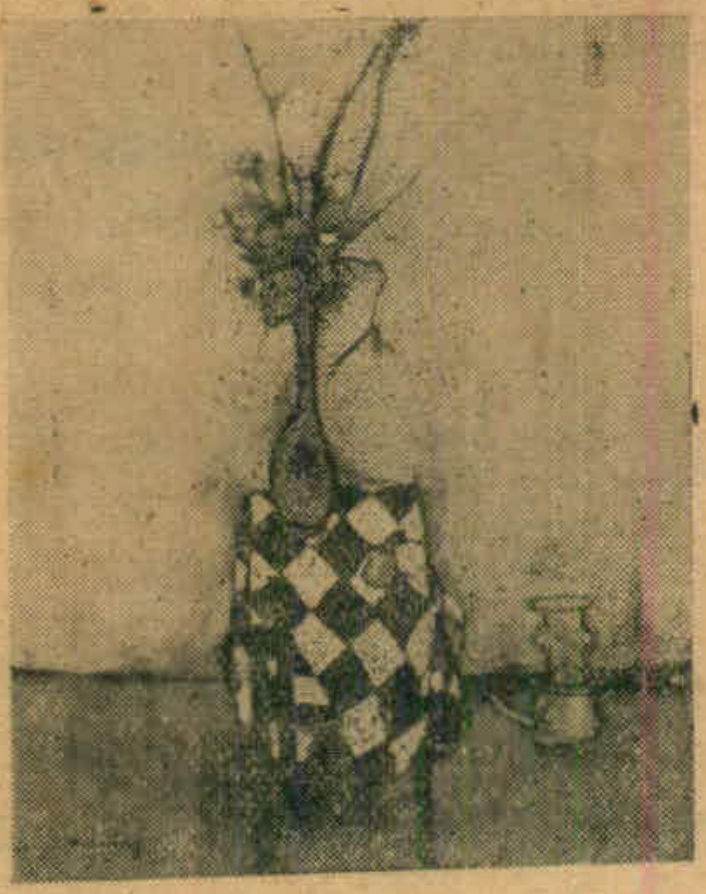

Tĩnh vật

— Có thể chứ ! Anh xem. Ánh sáng làm bức tranh sống hơn ở trong phòng kín. Anh thấy sao ?

— Hồi nãy, tôi thấy sao nó âm u ; giờ đứng xa, có ánh nắng mặt trời, con đường và góc phố tươi lên, linh động hơn, mặc dầu không có lấy một bóng người. Và nhất là con đường nó sâu vào, thăm thẳm.

— Anh Thái-Tuấn cũng một cảm giác như anh. Anh ấy bảo thấy con đường ấy, sao như muốn bước chân lên.

— Còn gì nữa không anh ?

— Sao tôi thấy trong cái tươi ấm của bức tranh, có một cái gì cô cút, ngẹn ngào. Có phải thế không anh ?

*
* *

Anh Nguiễn-Ngu-Í thân quá.

Rất vui mừng được đón tiếp các anh. Và rất vinh dự được nhận những cảm tình của các anh dâng cho. Nhưng cũng rất ngại phải trả lời các anh những câu hỏi :

Sự thực là tôi vẫn có ý kéo dài sự « không phải trả lời này càng lâu ngày nào hay ngày ấy. May ra anh quên đi thì thật là tốt.

Tất nhiên sự kéo dài đó có những lý do :

— Có thể những câu hỏi của các anh rắc rối quá.

— Có thể tôi lười biếng quá.

Nhưng chính là tôi vốn không đồng ý với công việc làm « *mang tính cách số lượng* » này của tạp chí Bách-Khoa.

Các anh hiểu là tôi muốn nói thẳng. Vâng, cám ơn các anh đã nghĩ tới tôi (nhất là anh và anh Xuân-Hiến, tốt quá). Tôi sẽ giữ mãi những quí mến đó của các anh đã dâng cho.

Và trả lời :

*
* *

1) Tôi chỉ vẽ, anh xem. Anh sáng suốt hơn tôi.

2) Một ý nghĩ chung : Hội họa.

3) Có vẻ lí thuyết ? Muốn làm ra quan trọng thì tạm được. Nó không có nghĩa là vẽ Hay.

4) Chưa khi nào những người xem tranh đòi hỏi ở tôi sự giải thích. Vì thế tôi chẳng bao giờ nghĩ đến điểm đó.

5) *Tình trạng hiện tại.* — Đôi lúc Hội họa được coi ngang hàng với những chuyện hoang đường, những chuyện phù phiếm.

Triển vọng... Tuy nhiên, phải nhìn vào sự làm việc của mỗi họa sĩ. Mỗi người làm hội họa có tin tưởng vào một cách riêng, mỗi ám ảnh khác biệt tất yếu. Phải *xem* những hành động, không nên *nghe* những lời nói khoác.

NGỌC-DŨNG

Hồng-Kầm

★ HỒNG-KẦM.

Tên đầy đủ : Nguyễn-Thị-Hồng-Kầm

Sanh ngày 15-9-1934 tại làng Tân-Thới-Nhứt, tỉnh Gia-Định.

Giáo viên Hội họa trường tiểu học nam tỉnh lị Gia-Định.

Học dự bị một năm trường Cao đẳng quốc gia, Mĩ thuật rồi tự học vẽ với các họa sĩ đàn anh, nhất là các người cậu và họa sĩ Nguyễn-Sao.

Dự triển lãm Hội họa mùa Xuân nhâm dần (1962) và tranh « Tĩnh vật I » được bằng Tưởng lệ danh dự.

Có những người mà cái tên dễ khiến trí tưởng tượng ta làm việc. Như người họa sĩ phái yếu này mà cái tên viết khác thiên hạ gợi trong tôi một gương mặt lầm lì, cứng rắn.

Nhưng người phụ nữ có cái tên viết khác thường ấy lại rất bình thường và dễ thương trong phục sức, trong dáng điệu, cũng như lời lẽ, dung nhan

— Thưa ông, không phải tình cờ mà tôi chọn con đường Nghệ thuật nầy. Nhờ thầy dạy vẽ ở trường khuyến-khích, và do ý chí của tôi. Học ở Gia-Long, thì được cô giáo dạy vẽ, cô Tràng, chú ý ; vô học Sư-phạm, thì ông Thịnh-del đặc biệt nâng đỡ và đặc biệt giới thiệu nên tôi được học lớp dự bị ở trường Cao-đẳng Mĩ-thuật trong năm 1957.

— Thế sao cô không học luôn?

— Hoàn-cảnh không cho phép, ông à. Tôi phải dạy học buổi mai, và buổi chiều, nhờ lòng tốt của ông Hiệu-trưởng trường Võ-Trường-Toản, mà tôi được đi học, nhưng được nửa năm không được bộ chấp nhận việc sớm đi dạy ở trường nhà nước. . .

Tôi bỗng thấy ngứa miệng, nói hớt :

— . . . rồi chiều, đi học ở trường nước nhà . . .

Cô giáo-học trò ấy cười rất hồn nhiên, rồi tiếp :

— Tôi khổ tâm một dạo vì quyết định trên của bộ. Một bên thì cái nghề chắc chắn, nồi cơm hằng bữa được bảo đảm. Một bên là chí nguyện của mình, bỏ qua cơ hội thì có lẽ trọn đời sẽ hối tiếc không nguôi. Nhưng rồi tôi đành chọn nghề dạy

« Ông nghĩ coi. Ba tôi đã qua đời, tôi còn một mẹ già. Nghề dạy giúp tôi báo hiếu được phần nào, trong khi nghề vẽ, đường đi còn xa. Nhưng mà tôi không hề phụ Hội họa. Và, may mắn cho tôi là niên khóa nầy, tôi không phải dạy chữ nữa, mà chỉ hoàn toàn dạy Vẽ.

— À ! thế nửa năm dạy vẽ các em, cô có những nhận xét, và những nguyện vọng gì.

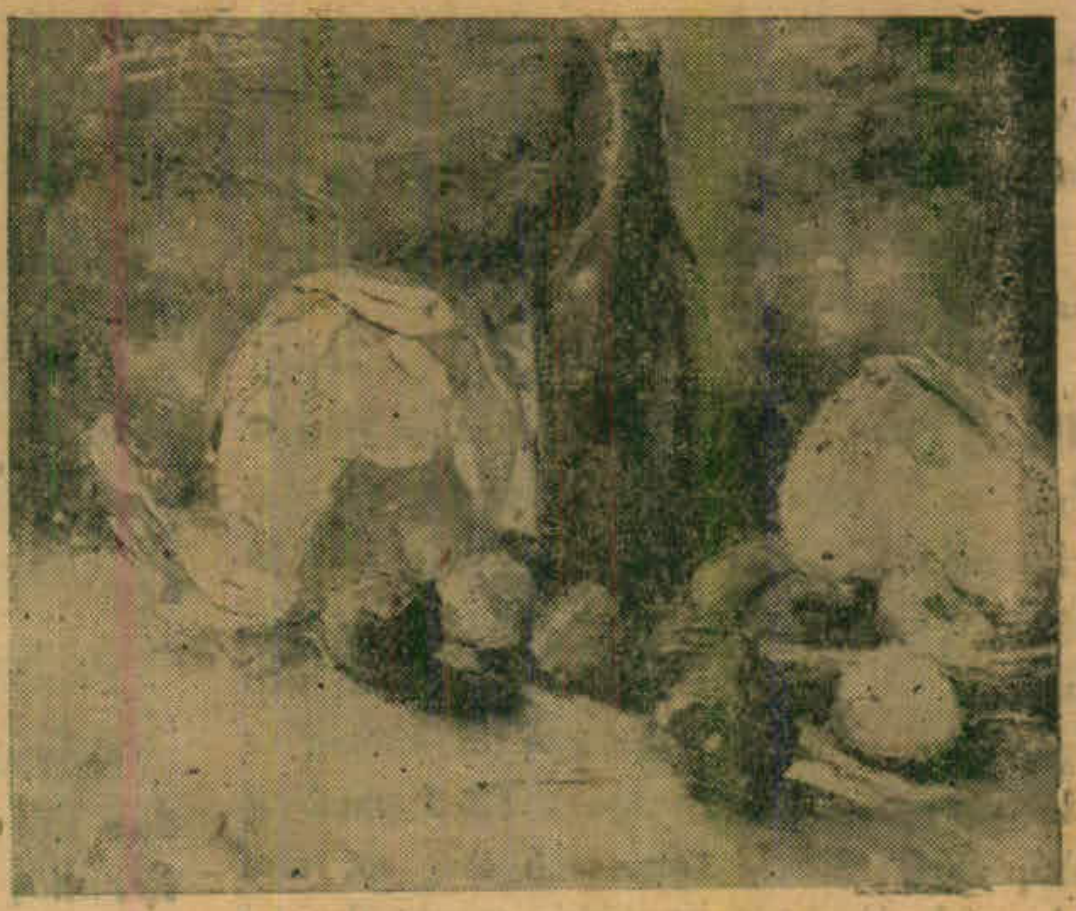

Tĩnh vật I

Cô giáo trẻ ấy trầm ngâm đôi phút.

— Theo chỗ tôi được thấy, thì trẻ không ưa môn Vẽ. Không ưa. chẳng phải lỗi tại chúng, mà một phần lớn là do người dạy đã quá lơ là với môn mình phụ trách, cho nó có cũng được, mà không cũng chẳng sao, hoặc không tìm cách làm cho lối dạy hấp dẫn bọn nhỏ.

— Thế cô có đem gì mới lạ trong việc dạy vẽ không ?

Người đối diện cười, hơi e thẹn.

— Ông làm như tôi là một tay cách mạng không bằng ! Chẳng có gì mới lạ đáng kể đâu ông. Tôi chỉ đem lòng thiết tha của mình để thu hút đám học trò, và làm cho chúng thích môn tôi phụ trách trước đã. Biết tâm lí chúng là muốn làm người lớn, nên tôi giảng dạy ngay cách cầm bút, cầm cọ, cách sử dụng màu, chớ không như hồi tôi còn học : thầy để lên bàn một hộp phấn. một bình bông hay một cái ghế, rồi bảo vẽ. Một ít lí thuyết căn bản giảng

Tĩnh vật II

cho các em hiểu, đi từ dễ tới khó, rồi đến thực hành. Và khi các em làm việc, tôi đi thăm từ em, sửa chữa, giải thích.

— Như thế, thì dạy xong buổi, cô mệt lắm.

— Mệt thì có mệt thật, nhưng mà thích. Nhưng cái vui nhất của tôi là trong một khóa tu nghiệp vừa qua, tôi được phụ trách môn Vẽ. Mãn khóa, hơn ba trăm bạn đồng nghiệp tỏ ra thích thú, vì trước kia, theo lối cũ, giảng viên làm người tu nghiệp ngán như cơm nếp ; còn với tôi, tôi chỉ vẽ các bạn một cách linh động. Theo phương pháp mới, tôi chỉ ngay cách cầm cọ, cầm bút, cách dùng giá vẽ, khiến người theo tu nghiệp cảm thấy mình cũng... Họa sĩ như ai !

Cô tủm tỉm cười.

— Thế còn nguyện vọng...

— Nó khiêm tốn lắm, ông à. Trường có một phòng vẽ riêng để dạy các em ; và mỗi tuần, được đưa các em đi vẽ ngoài trời.

«Nhưng quĩ nhà trường hiện nay và tình trạng an ninh chưa cho phép những ước mong chính đáng nọ thành sự thật.

«Còn nguyện vọng, cũng chẳng có gì cao xa lắm. Tôi mong được du học nước người để thấy, để nghe, và để học hỏi thêm.

Tôi đứng dậy, cáo từ.

Người nữ chủ nhân trẻ tuổi ân cần đưa tôi ra tới đường. Tôi đã mở ga xe, sực nhớ, toan hỏi tên cô sao lại viết không giống như thiên hạ, nhưng «thấy người lại gẫm đến ta» nên tôi mở miệng chỉ để mỉm cười và chào chủ nhân lần nữa.

NGUIỄN-NGU.Í *thuật*

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Đường về Bê-Lem (Sơn-Nhựt-Kiều) Ngự viên, Nguiện, Bài cuối thu (Người-Do-Thái) Thân phận (Mộc-Châu) Dưới kia, Khoảng Trống (Ngoại-Hà) Vòng địa cầu (Duy-Linh) Đôi mắt, Con gái, Mùa đông (Hồn-Thiên-Thu) Tiếc rẻ, 3 tỉnh quê hương một chuyến tầu (Lê-Đình Phạm-Phú) Nhớ thương... (Thương-Thương-Thủy) Sau giấc ngủ, Sầu hải đảo, Hồn cỏ mùa thu (Hồn-Thu Thảo) Bể cả sa-mạc, Đàn ơi lãng tử (Cô-Lữ) Cái áo xú chiêng (Phan-Bá-Lợi) Thơ dại, Thu của em v.v... (Hoàng-Bích-Ni) Khái niệm về văn minh lỏng trong xã hội học (Đinh-Vũ) Rời bãi, Khước từ, Tắt lối (Vương-Từ) Đoản ca của rừng, Mùa xuân hải đảo (Thương-Huyền-Lan) Hoài niệm, Sau mùa thi, Ly từ, Trách nhiệm (Viễn-Hoài-Lưu-Nữ) Tháng bảy, Khép kín, Cuối mùa, Kết luận (Đoàn-Mynh-Hải) Mười tám, Lục bát tự thuật (Thái-Thục-Nghĩa) Tiếng hát mùa đông (Trường-Thủy) 26 tháng 10, Bài ca tình si, Hai cha con (Phạm-Việt-Thủy) Một hiện tượng Một nỗi niềm, Đơn độc, Bài cô đơn (Hàn-Bô) Tôi viết tên em, Tình khóc trăng (Mạc-Vi) Chối từ (Du-Tử-Lê) Sa ngã, Diễm ca, Mặc niệm (Hoài-Diệu) Tuổi thơ và tình yêu (Lữ-Quỳnh) Diễn lại trận cờ lau (Ngọc-Đích) Nhìn gió (Trần Mặc-Khách) Xin em (Nguyễn-Phương-Chi) Bài Trần Thi Nhã Ca (Sương-Biên-Thùy) Ở trong vùng yên tĩnh (Nguyễn-Thu-Đẳng) Một mình Tạ Từ (Vũ-Lê-Văn)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

— **Ô. Nguyễn-Trung-Hòa** (**Cần-Thơ**) xin ông cứ gửi về Tòa-soạn Bách-Khoa (H. T. 339), chúng tôi sẽ xin chuyển cho Ô. Đặng-Trần-Huân.

NGUIỄN-NGU-Í

★

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Nước mắt người đàn bà** (tập 2) truyện dài của Ngọc-Linh, do Tiền-Giang xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày 270 trang, giá 42 đ.

— **Sáng muôn Thu** tập thơ của Diễm-Châu, do Hoa-Phương-Đông xuất bản, tác giả gửi tặng. Sách dày trên 30 trang, gồm 10 bài thơ, giá 8 đ.

— **La Conception bouddhique du Devenir** luận-án tiến-sĩ Triết-học của Nguyễn-Văn-Trung, do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 160 trang viết bằng Pháp văn, giá 50đ.

— **Hồn văn**, giai-phẩm văn-nghệ mùa mưa, do ông Nguyễn-Tiến-Thịnh chủ trương. Giai-phẩm dày trên 60 trang, giá 6 đ.

— **Tinh-hoa nữ-sinh**, kỳ nguyên mới, số 4 — Chủ nhiệm kiêm chủ

SÁCH BÁO MỚI

bút : Nguyễn-Thạch-Kiên, giá mỗi số 5 đ.

— **Cọng rơm và giã biệt,** tập thơ của Trọng-Dzy và Kiêm-Thêm, bìa của Huy-Tường, do Thu-Ca xuất bản, và tác giả gửi tặng. Sách gồm 25 bài thơ giá 25 đ.

— **Con vật phi-lý,** kịch dài 4 hồi của Ngô-Xuân-Phụng, do tác giả gửi tặng. Sách dày 110 trang giá 25 đ

— **Tiếng Thơ**, thi tập của Nguyễn-Thị-Hồng-Hoa, Tử-Ly-Hà, Phượng Hà, Công-Tâm, Dạ-Lý-Hương, Phượng-Hồng, Nguyễn-Lang, Phương-Hải, do Chim-Phượng xuất bản. Sách dày gồm 50 trang giá 18 đ

— **Trường Vinh,** nội san của Hội Ái Hữu cựu học sinh trường Vinh, Thu nhâm Dần 1962

— **Mưa nguồn** (tức Lá cồn) tập thơ của Bùi-Giáng, Trang-Phượng xuất bản, do tác giả gửi tặng. Sách dày 180 trang gồm 140 bài thơ, giá 200 đ.
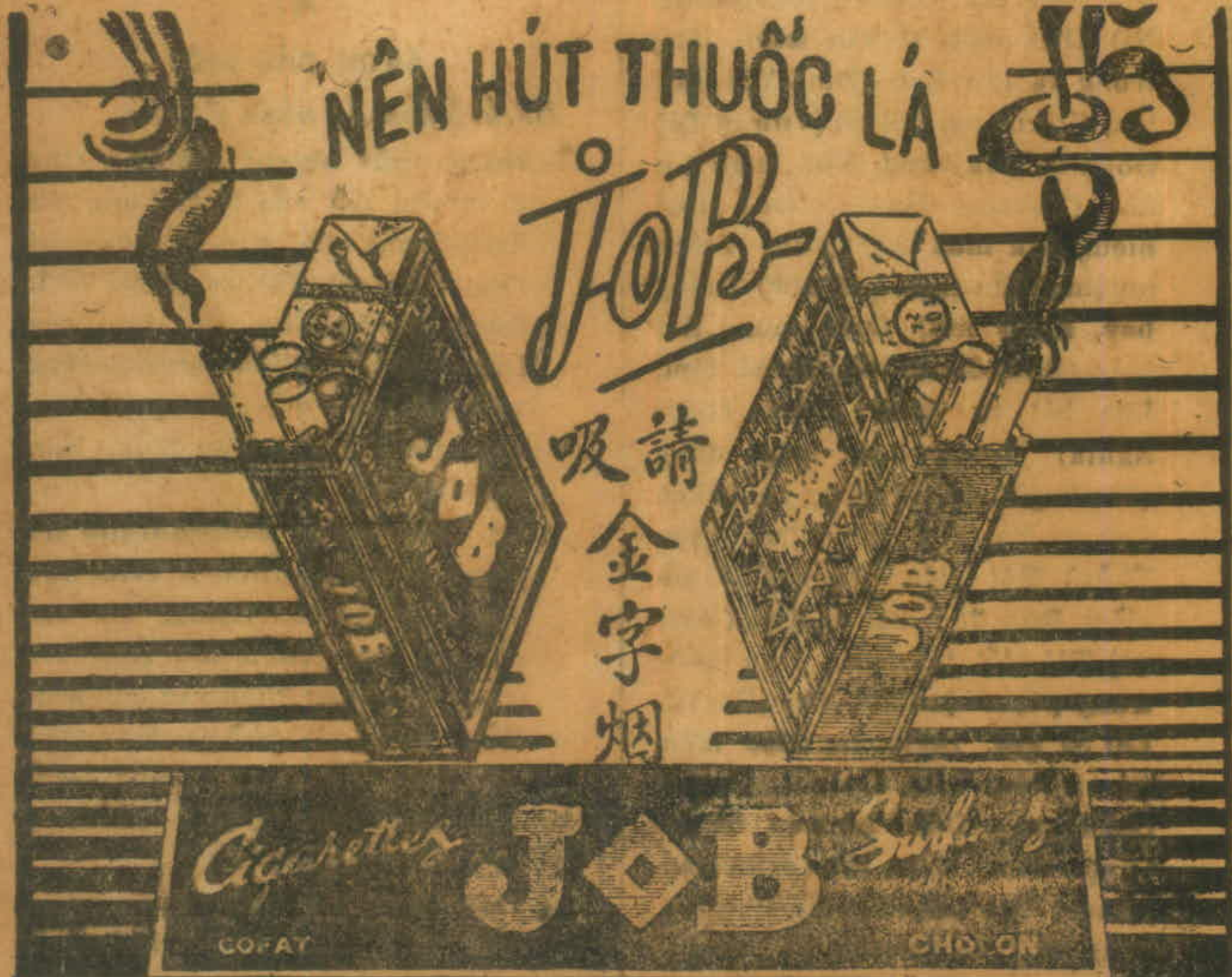
— **Đường lên Thiên Thai,** thơ Vương-Đức-Lệ do Mai-Trung-Tĩnh xuất bản, tác giả gửi tặng, gồm 50 bài thơ. Sách in theo khổ vuông giá bán 50 đ.